

1 THÁNG 9 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ò I - Đ A I

năm mười một

VIỆT PHƯƠNG cuộc tranh-chấp quyền hành ở Trung-Cộng * NGUYỄN HIỂN LÊ thư ngỏ gửi một thanh niên về cách sống (dịch ANDRÉ MAUROIS) * LỮ PHƯƠNG nội dung khách quan và nội dung chủ quan trong tác phẩm * L.M. HỒ ĐÌNH Chúa Yêsu trước Quyền chính trị * NGUYỄN VĂN XUÂN những ưu thế của văn-nghệ Miền Nam * TỪ TRÌ những bất biến của chính sách đối ngoại Pháp * TRẦN TUẤN NHẬM giá trị của bầu cử * LÊ PHƯƠNG CHI tâm sự Kim Cương * MINH QUÂN lá thư Tây Ban Nha * ĐỖ TIẾN ĐỨC má hồng * VÕ HỒNG gió cuốn * BÁCH KHOA THỜI ĐẠI đọc sách giúp bạn * VŨ HOÀNG CHƯƠNG đâu là chân sắc ?

SINH HOẠT thời - sự
văn nghệ * Thế giới
trong những tuần qua

256



Tifomycine



VOIE GÉNÉRALE

- dragées à 0,250g
- dragées à 0,100g
- poudre aromatisée
- suspension buvable
- ampoules injectables
- suppositoires à 0,250g

VOIE LOCALE

- collyre
- gouttes auriculaires
- ovules secs

TRAITEMENT D'ATTAQUE..

Distributeur :
UFFARMA CONG-TY
20A, Ben Bach-Dang
SAIGON



BÁCH

KHOA THỜI-ĐẠI

Số 256 ngày 1-9-1967

VIỆT PHƯƠNG. cuộc tranh chấp quyền hành ở Trung-Cộng	3
NGUYỄN HIỂN LÊ thư ngỏ gửi một thanh-niên về cách sống (dịch ANDRÉ MAUROIS)	10
LỮ PHƯƠNG nội-dung khách-quan và nội-dung chủ-quan trong tác-phẩm	16
HỒ ĐÌNH quyền chính-trị cô-yếu và sụp đổ trước quyền Tăm-tối. Công dân với chính quyền	21
VÕ HỒNG gió cuốn (truyện dài)	27
LÊ PHƯƠNG CHI tâm sự Kim-Cương (phỏng vấn)	35
ĐỖ TIẾN ĐỨC má hồng (truyện dài)	45
NGUYỄN VĂN XUÂN những ưu thế của văn-nghệ Miền Nam	52
MINH QUÂN lá thư Tây-Ban-Nha	57
TỪ TRÌ những bất biến của chính sách đối ngoại Pháp	63
TRẦN TUẤN NHẠM giá trị của bầu cử	68
VŨ HOÀNG CHƯƠNG đâu là chân sắc ? (thơ)	72
BÁCH KHOA THỜI ĐẠI đọc sách giúp bạn : Tuổi Saigon (NGUYỄN THỊ HOÀNG) Đất và người (MINH QUÂN) lòng mẹ (NHẬT LÊ GIANG) Hạnh phúc gia đình (THÙY DƯƠNG)	75
TRÀNG THIÊN thời sự văn nghệ	81

Chủ nhiệm : LE-NGO-CHAU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539
H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 25\$ Công sở : Giá gấp đôi
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Bách-Khoa đã nhận được các sách báo sau đây :

— **Giọt lệ thu** của **Tương-Phổ** do **Nam Chi Tùng Thư** xuất bản và gửi tặng. Tập văn khố chồng nổi tiếng từ ngót 40 năm nay của nữ sĩ **Tương-Phổ** (**Nam Phong** năm 1928) được tái bản có kèm theo phụ-lục gồm bản dịch **Pháp ngữ** của bà **J. Duclos-Salesses** và những lời cảm về « **Giọt lệ thu** ». Sách in rất mỹ-thuật, dày ngót 100 trang, bản đặc biệt. Giá bản thường : 80đ.

— **Neo tuổi vàng** tập thơ thứ 3 của **Hữu-Phương** nhà thơ quen thuộc với bạn đọc **Bách-khoa**, do **Nhà Văn Việt-Nam** xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 90 trang gồm 48 bài thơ. Bản đặc biệt. Giá bản thường : 100đ

— **Bi ca nhục cảm**, tập thơ của **Mai-Tiến-Thành**, do **Nhân-Chứng** xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 60 trang, in trên giấy màu, gồm 30 bài thơ. Giá 80đ.

— **Sóng Mùa Thu 67**, tạp-chí vận-động Văn-học Nghệ-thuật mới, số 5, « quê hương và tình yêu trong thơ văn ». Mỗi số khổ 20x26 in ronéo dày 76 trang, gồm Thơ, đoản văn, truyện và mục « Trước mặt sau lưng ». Chủ nhiệm : **Hoàng đình Huy-Quan** Thư ký : **Nguyễn Phương Loan**. Tòa soạn 284 **Trần Hưng Đạo** **Tuy Hòa**.

— **Hội ngộ** tập thơ của **Cô Diễm-Phúc**, do **Nhân Chứng** xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 58 trang gồm trên 30 bài thơ, chân dung tác giả của **Duy Thanh** và nhiều phụ bản. **Phồ-Đức**, **Hà-Thủy** khai và kết từ. Giá 40đ.

— **Những ruồi**, kịch phẩm, « **Les Mouches** » của **J. P. Sartre**, bản dịch của **Phùng Thăng**, **Thanh Hiên** xuất bản và gửi tặng. Sách dày 136 trang. Giá 48đ.

— **Hạnh phúc gia đình** nguyên tác « *La femme dans la Famille* » của **Bà Nam tước Staffe**, bản dịch của **Cô Thùy Dương** do **Nhà sách Khai-Trí** xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 270 trang gồm 4 phần : **Làm con** ; **Làm vợ** ; **Làm mẹ** ; **Làm bà**. Giá 100đ

— **Bảy Hựu** tập truyện của **Nguyễn Hồng** do **Gió-Mới** xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 216 trang gồm 12 truyện ngắn. Giá 85đ.

— **Bài ca đoàn kết** (Tập I, II, III) tập nhạc dân ca **Cao-Nguyên** (**Jarai**, **Ê**, **dê**, **M' nông**, **H'Re**, **KoHo**, **Bahnar**, **Djé** vv...) do **Nguyễn-Sử** ghi soạn, đặt lời ca **Việt** có ghi thêm lời ca của các **Bộ** tộc và giới thiệu một số nhạc cụ cổ truyền của đồng bào **Thượng**. Tài liệu sưu tầm công phu và hữu ích của **Nguyễn Sử** và một số bạn của ông.

Nội-san văn-hóa của **Lực-lượng Bảo vệ**, **Văn hóa**, số đặc biệt ra ngày 7-8-1967 kỷ-niệm đệ-nhất chu niên ngày thành lập **Lực lượng**. Mỗi số khổ 20x25, in ronéo một mặt, dày trên 50 trang gồm nhiều bài khảo luận công phu.

Trân trọng cảm ơn các tác giả, soạn giả và nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc **Bách-Khoa**.

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ-thuật, tới phút chót, bài «**Thế-giới trong những tuần qua**» của **Từ-Trì** đã rao ở ngoài bìa phải dành lại cho số tới. Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác-giả và quý vị độc-giả **Bách-Khoa**.

Tòa soạn **BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI**

Cuộc tranh - chấp quyền - hành ở Trung - Cộng

(Xin xem B.K.T.Đ, từ số 255)

Cuộc phản công của Mao —
Sau khi thắng nhóm Bành Đức Hoài trong phiên họp của Trung-ương Đảng vào mùa hạ 1959, Mao bắt đầu xây dựng một thần-thoại cho vai trò lãnh đạo của mình. Vào những năm ngay sau khi Staline bị hạ bệ, vai trò của Mao không được đề cao mấy vì xu-hướng chung của cộng sản là nhấn mạnh vào sự lãnh đạo tập-thể.

Nhưng từ cuối năm 1959, việc tôn thờ cá nhân Mao lại trở nên thịnh hành và còn hơn cả sự tôn thờ Staline và Hitler vào thời-kỳ thịnh nhất. Mao bỗng trở nên người mác-xít lê-nin-nít vĩ đại nhất của thời đại và còn là một nhà tiên-tri mà mỗi lời nói và viết đều có thể giải đáp được tất cả các vấn-đề. Tư-tướng Mao-trạch-Đông được coi như giải-pháp của tất cả mọi việc lớn nhỏ. Nó giải quyết những bối rối cho ông thầy thuốc đang cố gắng cứu người trong những cuộc mổ xẻ khó khăn ; nó sửa đổi chiến-thuật để cho các đội tuyển-thủ có thể thắng trong các trận bóng bàn, nó làm cho một người bán dưa có thể bán được nhiều dưa. Thợ của một xưởng chế-tạo xe hơi, hoàn thành được

kế-hoạch cũng là nhờ ở tư tưởng Mao trạch Đông. Đại leo núi leo được lên đỉnh núi Hi-mã Lạp-sơ cũng là nhờ ở tư-tưởng Mao-trạch-Đông.

Dần dần, tất cả chủ-nghĩa mac-xít-lê-nin-nít ở Trung-Hoa đều nằm trong những lời nói của Mao-trạch-Đông. Trong tất cả các cuộc mít-tinh của quần chúng, trong tất cả những buổi học-tập ở các cơ-quan, các cơ xưởng, các đoàn-thể, cả trong các buổi họp của chính phủ và của Đảng nữa, những lời nói của Mao đều được đem ra thờ đọc, nghiền ngẫm và ghi chép. Việc tôn Mao coi như vị lãnh-tụ và người chèo lái vĩ-đại nhất được loan truyền qua các câu chuyện, các bài hát, các cuộc vui biến Mao thành một vị thần-thánh giống như mặt trời mọc ở phương Đông. Bài hát «Đông-phương hồng» là bài hát đề ca tụng Mao-trạch-Đông.

Dần dần có những huyền-thoại được thêu dệt xung quanh ông, biến ông thành một bậc siêu-nhân với tất cả những đức-tính phi thường.

Có một thời gian Mao biến dạng, không hề thấy ra mặt trước công chúng trong nhiều tháng liền. Người

ta đồn đại là ông già yếu, bệnh tật nên phải nghỉ. Thế rồi ông lại xuất hiện, người ta tuyên truyền rùm beng về tình trạng sức khỏe kỳ lạ của ông. Vào mùa hè 1966, ông đã 74 tuổi mà còn bơi được qua sông Dương-tử một cách nhẹ nhàng. Kỳ lạ hơn nữa là ông đã thắng được cả thanh niên trong một cuộc bơi thi. Các quan sát viên ngoại-quốc cho là có những người lặn ở dưới nước để đỡ ông bơi, hoặc có những phao ngầm để cho ông nổi lên một cách dễ dàng. Nhưng dù sao đó cũng là một cách tuyên-truyền chứng tỏ cho dư-luận thế-giới và trong nước biết là ông vẫn còn khỏe mạnh, chưa cần phải lo đến vấn đề kế vị.

Tại sao phe đối-lập lại có thể chấp nhận và có khi lại còn tham gia vào việc tôn sùng cá nhân đó mà bất cứ một người Trung-Hoa có học nào cũng phải ghê tởm. Sự thực có nhiều người cũng chống đối sự tôn thờ đó, nhưng họ chống đối theo những đường lối khúc mắc và tế nhị. Chính bọn thân Mao cũng nhận thấy như vậy. Từ xưa tới nay, ở Trung-Hoa, người ta vẫn thường dùng thơ, vè, những câu nói ý nhị, có hai nghĩa, để dả kích chế diễu nhau, vì người ta cho rằng nói toạc ra nhiều khi thô lỗ mà còn nguy hiểm cho người nói và viết nữa. Nếu có ai chịu khó nghiên cứu văn chương Trung cộng sẽ nhận thấy nhiều khi có những bài viết, ngoài mặt thì hết sức ca tụng Mao nhưng bên trong thì có ý nghĩa chế diễu theo các thể văn thơ rất tế nhị. Bởi thế cho nên Mao bắt đầu tấn công phe chống đối vào năm 1965, nhóm văn thi sĩ Vũ-Hán bị lên án trước tiên, rồi đến các chủ báo và các cán bộ tuyên truyền. Tất cả đều bị buộc tội đã dùng hoặc đã cho phép dùng

các thể văn thơ, kịch hát để chế diễu tư tưởng Mao. Những lời buộc tội đó nhiều khi vu vơ nhưng nhiều khi cũng đúng sự thực một phần nào. Nhưng các lãnh tụ của phe chống đối như Lưu thiếu Kỳ và Đặng tiểu Bình thì lại ra mặt chế diễu sự tôn thờ Mao. Nếu Mao chỉ thích tôn thờ cá nhân mà không chạm gì đến quyền hành của họ thì họ cũng để mặc cho làm. Nhưng đảng này, chính Mao đã dùng việc tôn thờ cá nhân đó làm bàn đạp để cho ông khôi phục chính quyền. Đó là điều họ không thể tha thứ. Với những tư tưởng của mình được đưa lên mây xanh, Mao có ý định làm sống lại cái mộng «bước tiến nhảy vọt» và với cuộc cách-mạng văn-hóa, Mao muốn loại bỏ tất cả những bọn «trần rết» để đưa Trung Hoa vượt lên trên con đường kiến thiết Cộng-sản chủ nghĩa.

Mao âm - mưu đoạt lại quyền lãnh-đạo Đảng.

Với những ý nghĩ đó, Mao đã phát động cuộc đại cách-mạng văn-hóa vô sản vào tháng 4-1966. Thực ra thì nó đã bắt đầu từ năm 1962 với cuộc vận động «giáo-dục xã-hội», kế tiếp theo là «hội nghị công tác toàn quốc» vào tháng 1-1965. Nhưng nó chỉ mang tên cách-mạng văn-hóa vào tháng 4-1966. Trần-bá-Đạt, bí thư riêng của Mao từ ngày ở Diên-An, người đã viết những bài diễn văn và báo-luận cho Mao, là vai trò nổi bật nhất của phong trào này, chủ yếu dùng việc tôn thờ Mao làm vũ khí để khôi phục lại quyền lãnh đạo trong đảng.

Bộ phận cách-mạng văn-hóa của Trung ương đảng đặt ra từ tháng 8-1966 dưới quyền điều khiển của Trần bá Đạt và Giang Thanh, vợ ba của Mao Trạch Đông, thiết lập tại mỗi ủy-ban của

ta đồn đại là ông già yếu, bệnh tật nên phải nghỉ. Thế rồi ông lại xuất hiện, người ta tuyên truyền rùm beng về tình trạng sức khỏe kỳ lạ của ông. Vào mùa hè 1966, ông đã 74 tuổi mà còn bơi được qua sông Dương-tử một cách nhẹ nhàng. Kỳ lạ hơn nữa là ông đã thắng được cả thanh niên trong một cuộc bơi thi. Các quan sát viên ngoại-quốc cho là có những người lặn ở dưới nước đề đỡ ông bơi, hoặc có những phao ngầm đề cho ông nổi lên một cách dễ dàng. Nhưng dù sao đó cũng là một cách tuyên-truyền chứng tỏ cho dư-luận thế-giới và trong nước biết là ông vẫn còn khỏe mạnh, chưa cần phải lo đến vấn đề kế vị.

Tại sao phe đối-lập lại có thể chấp nhận và có khi lại còn tham gia vào việc tôn sùng cá nhân đó mà bất cứ một người Trung-Hoa có học nào cũng phải ghê tởm. Sự thực có nhiều người cũng chống đối sự tôn thờ đó, nhưng họ chống đối theo những đường lối khúc mắc và tế nhị. Chính bọn thân Mao cũng nhận thấy như vậy. Từ xưa tới nay, ở Trung-Hoa, người ta vẫn thường dùng thơ, vè, những câu nói ý nhị, có hai nghĩa, để đả kích chế độ nhau, vì người ta cho rằng nói toạc ra nhiều khi thô lỗ mà còn nguy hiểm cho người nói và viết nữa. Nếu có ai chịu khó nghiên cứu văn chương Trung cộng sẽ nhận thấy nhiều khi có những bài viết, ngoài mặt thì hết sức ca tụng Mao nhưng bên trong thì có ý nghĩa chế độ theo các thể văn thơ rất tế nhị. Bởi thế cho nên Mao bắt đầu tấn công phe chống đối vào năm 1965, nhóm văn thi sĩ Vũ-Hán bị lên án trước tiên, rồi đến các chủ báo và các cán bộ tuyên truyền. Tất cả đều bị buộc tội đã dùng hoặc đã cho phép dùng

các thể văn thơ, kịch hát để chế độ tư tưởng Mao. Những lời buộc tội đó nhiều khi vu vơ nhưng nhiều khi cũng đúng sự thực một phần nào. Nhưng các lãnh tụ của phe chống đối như Lưu thiếu Kỳ và Đặng tiểu Bình thì lại ra mặt chế độ sự tôn thờ Mao. Nếu Mao chỉ thích tôn thờ cá nhân mà không chạm gì đến quyền hành của họ thì họ cũng đề mặc cho làm. Nhưng đảng này, chính Mao đã dùng việc tôn thờ cá nhân đó làm bàn đạp để cho ông khôi phục chính quyền. Đó là điều họ không thể tha thứ. Với những tư tưởng của mình được đưa lên mây xanh, Mao có ý định làm sống lại cái mộng «bước tiến nhảy vọt» và với cuộc cách-mạng văn-hóa, Mao muốn loại bỏ tất cả những bọn «trần rết» để đưa Trung Hoa vượt lên trên con đường kiến thiết Cộng-sản chủ nghĩa.

Mao âm - mưu đoạt lại quyền lãnh-đạo Đảng.

Với những ý nghĩ đó, Mao đã phát động cuộc đại cách-mạng văn-hóa vô sản vào tháng 4-1966. Thực ra thì nó đã bắt đầu từ năm 1962 với cuộc vận động «giáo-dục xã-hội», kế tiếp theo là «hội nghị công tác toàn quốc» vào tháng 1-1965. Nhưng nó chỉ mang tên cách-mạng văn-hóa vào tháng 4-1966. Trần-bá-Đạt, bí thư riêng của Mao từ ngày ở Diên-An, người đã viết những bài diễn văn và khảo-luận cho Mao, là vai trò nổi bật nhất của phong trào này, chủ yếu dùng việc tôn thờ Mao làm vũ khí để khôi phục lại quyền lãnh đạo trong đảng.

Bộ phận cách-mạng văn-hóa của Trung ương đảng đặt ra từ tháng 8-1966 dưới quyền điều khiển của Trần bá Đạt và Giang Thanh, vợ ba của Mao Trạch Đông, thiết lập tại mỗi ủy-ban của

Cuộc tranh - chấp quyền - hành ở Trung - Cộng

(Xin xem B.K.T.Đ, từ số 255)

Cuộc phản công của Mao —

Sau khi thắng nhóm Bành Đức Hoài trong phiên họp của Trung-ương Đảng vào mùa hạ 1959, Mao bắt đầu xây dựng một thần-thoại cho vai trò lãnh đạo của mình. Vào những năm ngay sau khi Staline bị hạ bệ, vai trò của Mao không được đề cao mấy vì xu-hướng chung của cộng sản là nhấn mạnh vào sự lãnh đạo tập-thể.

Nhưng từ cuối năm 1959, việc tôn thờ cá nhân Mao lại trở nên thịnh hành và còn hơn cả sự tôn thờ Staline và Hitler vào thời-kỳ thịnh nhất. Mao bỗng trở nên người mác-xít lê-nin-nít vĩ đại nhất của thời đại và còn là một nhà tiên-tri mà mỗi lời nói và viết đều có thể giải đáp được tất cả các vấn-đề. Tư-tưởng Mao-trạch-Đông được coi như giải-pháp của tất cả mọi việc lớn nhỏ. Nó giải quyết những bối rối cho ông thầy thuốc đang cố gắng cứu người trong những cuộc mồ xẻ khó khăn ; nó sửa đổi chiến-thuật để cho các đội tuyên-thủ có thể thắng trong các trận bóng bàn, nó làm cho một người bán dưa có thể bán được nhiều dưa. Thợ của một xưởng chế-tạo xe hơi, hoàn thành được

kế-hoạch cũng là nhờ ở tư tưởng Mao trạch Đông. Đợi leo núi leo được lên đỉnh núi Hi-mã Lạp-sơn cũng là nhờ ở tư-tưởng Mao-trạch-Đông.

Dần dần, tất cả chủ-nghĩa mac-xít-lê-nin-nít ở Trung-Hoa đều nằm trong những lời nói của Mao-trạch-Đông. Trong tất cả các cuộc mít-tinh của quần chúng, trong tất cả những buổi học-tập ở các cơ-quan, các cơ xưởng, các đoàn-thể, cả trong các buổi họp của chính phủ và của Đảng nữa, những lời nói của Mao đều được đem ra thờ đọc, nghiền ngẫm và ghi chép. Việc tôn Mao coi như vị lãnh-tụ và người chèo lái vĩ đại nhất được loan truyền qua các câu chuyện, các bài hát, các cuộc vui biến Mao thành một vị thần-thánh giống như mặt trời mọc ở phương Đông. Bài hát «Đông-phương hồng» là bài hát đề ca tụng Mao-trạch-Đông.

Dần dần có những huyền-thoại được thêu dệt xung quanh ông, biến ông thành một bậc siêu-nhân với tất cả những đức-tính phi thường.

Có một thời gian Mao biến dạng, không hề thấy ra mặt trước công chúng trong nhiều tháng liền. Người

tất cả các cấp bộ đảng từ Trung-ương đến tỉnh một nhóm trung-kiên thân Mao. Nhóm này có nhiệm vụ kiểm soát chính quyền và thanh trừng tất cả các viên chức bị nghi ngờ có xu hướng đối lập. Các nhân viên của những nhóm này một phần được chọn ngay trong các ủy ban ở địa phương, một phần nữa được gửi thẳng từ Tổng-hành-dinh ở Bắc-kinh xuống.

Mưu toan cướp chính quyền trong Đảng của nhóm thân Mao tuy nhiên cũng không tẩy trừ được hết phe đối lập vì họ đã đề phòng rất kỹ càng. Do đó, Mao còn phải chú trọng đến một lực lượng khác nữa là quân đội.

Dưới quyền lãnh đạo của thống-chế Lâm-Bưu, « giải phóng quân » Trung Hoa ít lâu nay đã trở nên một lực lượng chính ủng hộ Mao. Cuộc thanh trừng 1959 đã loại Bành-đức-Hoài, Hoàng quốc Trường và hơn 40 sĩ quan cao cấp khác ra khỏi hàng ngũ quân đội. Những cuộc thanh lọc tiếp tục sau này đã loại thêm một số nữa, trong số đó người ta phải kể đến hai vị tướng lĩnh cao cấp nhất và có nhiều công nhất là Chu Đức và Hạ Long.

Từ năm 1960, quân đội, sau khi được thanh lọc rồi, được coi như là một điển hình đạo-đức cách-mạng để cho toàn quốc noi theo. Chính Mao đã tuyên bố trong một hội nghị của trung-ương đảng vào năm 1962 là « Giải phóng quân » sẽ là khuôn mẫu để xây dựng tinh thần cách-mạng đứng đắn và bắt đầu từ năm 1964, báo chí chính thức của đảng và các lời tuyên bố công khai đều nhắc đi nhắc lại là cả nước phải học tập « giải phóng quân ».

Vào cuối năm 1954, nhiều sĩ-quan của quân đội Trung-cộng được đặt vào các bộ trong chính phủ, các cơ quan, các xưởng máy, các ngân hàng quốc doanh, các trường học, nơi là đề phổ-biến tinh thần của « giải phóng quân » nhưng thực ra là để chuẩn bị cho một cuộc giành chính quyền sau này.

Tinh thần cách mạng của quân đội lại càng được củng cố thêm bằng những đạo luật ban hành vào tháng 5-1965 hủy bỏ tất cả các cấp bậc, huy hiệu trong quân đội. Cũng năm đó, theo một lời tuyên bố chính thức, hàng trăm ngàn tân binh và cán bộ xuất sắc được chấp nhận vào đảng, và vào cuối năm 1965, một phần ba quân đội đã là đảng viên. Ở trong quân đội, việc học tập tư tưởng Mao-trạch-Đông, và chống lại tư tưởng xét lại vẫn tiếp tục được hưởng quyền ưu-tiên. Vào khoảng tháng 9 và 10-1965, các thanh niên vừa xuất ngũ đều được nhận vào các trường đại học. Không cần biết sức học của họ ra sao, nhưng nếu họ là nông dân và ở trong quân đội ra, thì lập tức họ được nhận ngay làm sinh viên và được tham dự vào việc quản-lý nhà trường. Dần dần họ giữ vai trò lãnh đạo trong các nhóm sinh viên hoạt động và sau này trở thành các đội vệ-binh-đỏ tại các trường trong toàn quốc.

Mặc dầu được sửa soạn rất kỹ lưỡng, thế mà một trong những nhóm công-tác đầu tiên của trường đại-học Bắc-Kinh đã bị coi là một ổ gián điệp của phe đối lập và các nhà lãnh đạo tối cao Trần, Giang, Chu đã phải đích thân can thiệp, để giải tán. Sau khi đã loại bỏ được nhóm công tác giả hiệu đó rồi, ban tổ chức mới tin được vào các nhóm sinh-viên mà đưa họ ra tranh đấu. Ngày 2-6-66

các nhóm này tấn công vị chủ-tịch Viện đại-học, sau đó đến lượt ông Bành-Chân thị trưởng Bắc-Kinh và bí-thư tỉnh đảng-bộ thành phố này.

Trước khi thanh trừng Bành Chân, Lục Đình Nhất và nhiều người khác để nắm vững quyền lãnh đạo đảng, Mao và những người theo ông thấy cần phải triệu tập Ban chấp hành Trung ương để thông qua chương trình của cuộc cách mạng văn hóa, làm như cuộc cách mạng này là do toàn đảng chứ không phải một nhóm của ông phát động. Ban chấp-hành Trung ương họp từ ngày 1 đến 12 tháng 8-1966. Chỉ có 80 người có mặt trong đó có 47 thực thụ và 33 dự - khuyết. Trong số này có nhiều người mới được đưa vào Ban chấp hành một cách không hợp lệ. Có 101 người vắng mặt (44 chánh thức và 57 dự khuyết). Sau tám ngày bàn cãi, Ban chấp hành Trung ương đưa ra một quyết nghị 16 điểm phát động cuộc cách mạng văn-hóa. Sau này người ta được biết rằng cuộc tranh luận trong khóa họp đó rất sôi nổi và có rất nhiều người phản đối chương trình cách-mạng văn-hóa đưa ra.

Vệ-binh-đỏ ra trò.

Mao đã phải khó khăn lắm mới buộc được Trung-ương đảng thông qua quyết nghị nói trên, nay đề thi hành quyết nghị đó trong toàn quốc, chắc chắn ông sẽ gặp phải sự chống đối công khai hay ngầm ngấm của bộ máy đảng trong đó phe chống đối còn có cơ sở vững vàng. Do đó, Mao thấy cần phải tấn công ngay vào tổ-chức của đảng. Công cụ của cuộc tấn công đó là vệ-binh-đỏ. Vệ-binh-đỏ đầu tiên là các nhóm sinh viên học sinh công tác, sau này tổ chức rộng thêm ra, có đồng phục và đặt dưới quyền chỉ huy của quân đội.

Các trường trung, đại học đều đóng cửa từ tháng 6-1966 và đến tháng 8 thì tất cả các sinh viên đều gia nhập vệ-binh đỏ để « làm cách mạng ». Ngoài mục đích tham gia cuộc đại cách - mạng văn - hóa vô - sản để quét sạch những tàn tích của chế độ cũ và thiết lập một kỷ-nguyên mới, các sinh viên trong toàn quốc đều được mời tham dự một cuộc cắm trại ở Bắc-Kinh do chính phủ đài thọ tất cả mọi phí tổn.

Sau cuộc cắm trại ở công trường Thiên-An Môn của hàng mấy triệu thanh thiếu đến kéo dài từ tháng 8 đến tháng 12-1966, khi sự hăng say cách mạng đã được kích động đến cực độ, họ được trả về địa phương để tẩy trừ các phần tử chống đối ra khỏi các tổ chức đảng và phát triển cuộc cách-mạng văn-hóa trên toàn quốc. Tất cả tổ chức đi đến, đi lui, biểu tình, ăn ở của vệ-binh-đỏ đều do quân đội đảm trách. Mọi phương tiện vận tải đều được trưng dụng để chở vệ binh đỏ lên Bắc Kinh và chở vệ binh đỏ từ Bắc-kinh về các tỉnh.

Tại khắp nơi trong toàn quốc, phong trào vệ binh đỏ đều vấp phải sự chống đối của bộ máy đảng. Những vụ tố cáo của vệ binh đỏ đối với các cấp lãnh đạo đảng và chính quyền cả trung ương lẫn địa phương đã mở rộng cửa cho dân chúng tỏ sự bất bình của họ đối với chính sách của đảng cộng sản. Bị tố cáo lung tung nên không còn ai kiểm soát được ai nữa, nhiều trại tập thể bị giải tán, của công đem ra phân phát, nhiều cửa hàng bị cướp phá. Nhiều lãnh tụ đảng địa phương bị vệ-binh-đỏ đả kích, tìm cách mua chuộc thợ thuyền và nông dân trong địa-phương mình bằng cách trả lương cao và phân phát của công để mong được sự che chở của họ. Những người

đó lại bị phe Mao tố cáo là mắc phải tội «kinh-tế chủ-nghĩa».

Khi cuộc thanh trừng có tính cách hết sức rộng lớn, bắt buộc phải ngưng lại, thì tình thế đã đến một trạng-thái hỗn loạn cực độ. Những lời tuyên bố huênh hơang thẳng lộn của phe Mao ở chỗ này chỗ khác càng chứng tỏ là vẫn còn sự kháng cự ở khắp nơi. Vào tháng 12-1966, Giang Thanh đã bước lên hàng thứ nhì trong nhóm chỉ-huy cuộc cách mạng văn hóa, và được mời làm cố vấn cho Cục « Cách mạng văn hóa » của « Giải phóng quân ». Điều đó chứng tỏ là quân đội đóng một vai trò quyết định trong cuộc cách-mạng văn-hóa này.

Trong khi đang hỗn loạn, Chu Ân Lai đã nhiều lần khuyên nên ôn hòa đừng đề xáo trộn quá đáng nền kinh-tế quốc gia. Ông cũng đã nhiều lần cảnh cáo về binh-đỏ đừng đem cuộc tranh đấu vào các xưởng máy và các nông trường. Nhưng những lời cảnh cáo đó đều không được ai để ý tới. Việc các xưởng máy và các nông trường ủng-hộ phe đối lập (vì trước kia các cơ sở sản-xuất này đều do họ thành lập) đã bắt buộc bọn thân Mao phải giải tán tổ chức Tổng-liên đoàn lao-động cũ và dựng nên những tổ chức thợ thuyền và nông dân theo đường lối của họ. Cuộc cách mạng văn hóa lan rộng đến kỹ-nghệ vào ngày 9-12-1966 và đến nông trường vào ngày 15-12-66

Triển vọng của phong trào vệ-binh đỏ và cuộc cách mạng văn hóa.

Vào tháng 1 và tháng 2-1967 nhóm theo Mao tuyên bố thắng thế ở Bắc-Kinh, Thượng Hải và nhiều thành phố lớn khác ở nhiều nơi người ta đã đem ra thử áp dụng các hình thức công

xã mới hoặc các hội-đồng cách-mạng để thay thế cho những cơ quan của đảng và chính phủ hiện hữu. Nhưng trên thực tế, những người của Mao đã tỏ ra bất lực trong việc thay thế các nhân viên của đảng có nhiều kinh nghiệm, do đó mà nhiều người vẫn còn được tạm thời lưu dụng. Ở nhiều nơi, nhất là ở miền Tây Trung-Hoa, nhóm thân Mao mất quyền kiểm soát và có nhiều đội vệ binh đỏ bị tấn công kịch liệt. Những lộng hành của vệ binh đỏ đã gây nên một phong trào chống đối mãnh liệt mà phe Mao gọi là « khủng bố trắng ».

Vào tháng giêng 67, quân đội được gọi ra để giúp đỡ vệ binh đỏ đàn áp những cuộc chống đối. Nhưng sự hưởng ứng của các bộ đội địa phương không đều. Có nhiều vị chỉ-huy quân sự ra mặt kháng lệnh của Bắc-kinh và có khi đứng hẳn về phe của các nhà cầm quyền chống Mao. (1)

Tháng 3-1967, có nhiều dấu hiệu về một sự rút lui tạm thời của phe Mao. Người ta thấy có những lời tuyên bố mà người ta cho là của Mao và bộ-hạ nói rằng cả vệ binh đỏ lẫn các công-xã (như kiểu các công-xã được thành lập ở Thượng-Hải rập theo khuôn Ba-lê công-xã) cùng các ủy ban cách-mạng đều không thành công trong việc thay thế các tổ chức đảng và chính phủ mà họ đã đập tan. Thủ tướng Chu-Ân-Lai đã tỏ ra rất khôn khéo, một mặt vẫn giữ vững lập trường theo Mao một mặt cố gắng khôi phục hệ-thống của tổ-chức

(1) Từ Washington Post ngày 1-2-1967 kể lại một bài tường thuật của Đài phát-thanh Bắc-kinh nói là phe Mao vừa thắng một đạo quân ly khai ở Thanh đảo đồng thời cũng nói tới các cuộc phiến loạn chống chính phủ ở miền Tây Trung Hoa tại các vùng Tân-Cương, Tây Tạng và Nội Mông.

đảng và nhà nước để tránh tình trạng hỗn loạn làm cho nền kinh tế càng thêm suy sụp. Chính ông đã chủ tọa các cuộc họp để tổ chức các « hội nghị đại biểu » gồm có các đại diện thợ thuyền, nông dân và vệ binh đỏ. Vệ binh đỏ có mặt ở đây là để tạm thời thay thế cho các ủy ban cách mạng mới thành lập dựa trên căn bản « tam phương liên minh » gồm có các đảng viên thuộc thành phần các ủy ban cũ đã tổ ra trung thành, các đại-diện quân đội và các tổ chức cách mạng thân Mao.

Như vậy là phe Mao đã lui bước chút đỉnh để thu hút một phần nào những phần tử chống Mao. Tình hình không vì thế mà bớt căng thẳng. Hiện nay phe thân Mao chỉ kiểm soát được 4 tỉnh trong số 26 tỉnh Trung Hoa. Tình trạng hỗn loạn lan tràn khắp nơi. Tuyên truyền của Trung Cộng không thể dấu được tình trạng đó. Ngày 1-7-67, một bài báo đăng trong tờ « Hồng Kỳ » cho biết là Lưu Thiếu Kỳ đã bị lật đổ. Nhưng đến giữa tháng 7 người ta lại chứng kiến một cuộc mít-tinh được tổ chức có hàng trăm ngàn người tham dự để đả đảo họ Lưu. Một người đã bị lật đổ rồi, thì cần gì mà phải đả đảo nữa ! Vậy tình trạng vẫn chưa có gì rõ rệt cả.

Quân đội cũng không hẳn trung thành với Mao. Theo đài phát thanh Mạc tư Khoa có ít nhất 52 sĩ quan cao cấp bị cắt chức. Những biểu ngữ của vệ-binh đỏ mang tên 2500 sĩ quan bị tố cáo là có xu hướng chống Mao.

Vào khoảng tháng 6-67 tờ báo Star ở Hong-Kong có đăng tải một bức thư của viên Tổng-trấn Tân-Cương là chính-ủy Vương-An-Mậu gửi cho Mao Trạch Đông

trong đó ông dọa sẽ lập một đảng cộng sản mới nếu đại hội thứ 9 đảng cộng sản Trung Hoa không được triệu tập ngay. Khi gửi bức thư này, tướng Vương có lẽ đã được sự ủng hộ của tất cả các tỉnh miền Bắc và miền Tây cực lực chống đối cuộc cách mạng văn hóa. Thư đó có đoạn nói : phải chấm dứt mọi sự hỗn loạn. Đó sẽ là mục đích của đại-hội. Có lẽ một phần cũng vì để thỏa mãn sự đòi hỏi của các tỉnh miền Tây Bắc mà Mao vừa quyết định triệu tập đại-hội đảng lần thứ 9 vào mùa xuân năm 1968.

Có một điểm cần chú ý là Mao không thể coi thường ý kiến của tướng Wang được là vì tướng này kiểm soát khu vực nguyên-tử của Trung Cộng.

Thành phố Tạng-Hải với 10 triệu dân vẫn chưa thuộc hẳn về phe Mao. « Ủy ban cách mạng » chỉ mới kiểm soát được có một phần thành phố mà thôi.

Quân đội địa phương của thành phố Vũ-Hán đã nổi lên chống lại Mao kéo theo cả tổ chức đảng và các lực lượng thợ thuyền. Vũ-Hán là khu vực kỹ nghệ lớn nhất của miền Hoa Trung, nằm trên sông Dương-tử, cửa ngõ của Tứ Xuyên. Mao đã phải huy động quân nhảy dù và tàu chiến đến bao vây và dọa ném bom 2 triệu dân Vũ-Hán nếu không chịu đầu hàng.

Tỉnh Sơn Đông đang có nạn hạn hán, cuộc tranh chấp cũng không kém phần quyết liệt. Ở các tỉnh An-Huy và Hồ-Nam cũng có nhiều cuộc nổi dậy. Đài phát-thanh địa phương còn tố cáo rằng có sự hợp tác giữa các phần-tử chống Mao và các lực lượng chống Cộng. Sự liên lạc giữa Quảng-Châu (thủ phủ

Quảng Đông) và Hong Kong bị gián đoạn vì hai phe ở đây đã chống đối nhau loạn xạ.

Trước tình trạng này, Mao đã muốn hãm đứng cuộc cách-mạng văn-hóa nhưng hãm không nổi vì máu đã đổ và hận thù đã gây. Có lẽ vì thế mà giữa phe thân Mao cũng chia ra làm hai cánh, một cánh muốn hãm vệ binh đỏ lại không cho chúng tự do hành động nữa, đứng đầu là Chu Ân Lai, một phe nữa do Lâm Bưu cầm đầu muốn cứ phóng tay cho vệ binh đỏ tiếp tục quét sạch phe chống đối ở mọi nơi. Hai cánh đó cũng lại tổ cáo lẫn nhau và nhiều khi cũng xảy ra xung đột.

Tình trạng rối loạn cực độ đó đã làm nảy ra những tin đồn như Mao cùng các bộ hạ đã gửi tiền sang các ngân hàng Thụy-sĩ để chuẩn bị lưu vong.

Ngày nay người ta phải tự hỏi : Liệu Mao với tất cả cái uy tín mà người ta đã tạo nên cho ông, có còn làm chủ nổi tình thế nữa không ? Chắc chắn là ông đã già yếu và không còn minh mẫn như xưa. Những kẻ đứng sau ông, dựa vào danh nghĩa của ông liệu có đàn áp nổi phe đối lập không ? Đại hội lần thứ 9 liệu có triệu tập được không và nếu triệu tập được, có hòa giải được hai phe đối lập không ? Phe nào sẽ thắng ?

Nếu phe thân Mao thắng thì cái hố chia rẽ Nga-Hoa sẽ đào sâu thêm. Trung

cộng sẽ còn đẩy mạnh thêm các cuộc cách mạng dân tộc giải phóng ở các nước Á-Phi. Chính sách của Trung cộng đối với Hoa Kỳ sẽ cứng rắn hơn. Cuộc chiến tranh tại Việt-nam do đó cũng bị ảnh hưởng lớn và viễn vọng hòa bình có thể còn bị đẩy xa hơn nữa.

Nếu phe chống Mao thắng, sẽ có thể tiến tới một sự hòa-giải Nga-Hoa. Khối cộng sản sẽ hết sóng gió Hoa-kỳ sẽ phải đương đầu với một khối kẻ thù mạnh hơn.

Nhưng nguyên-tắc sống chung hòa bình cũng có thể được thực hiện rộng lớn hơn. Trung cộng có thể quay về kiến thiết trong nước và đỡ quấy rối thế-giới hơn. Hòa bình Việt Nam cũng có hy vọng thực hiện được mau lẹ hơn. Nhưng Trung Cộng lúc đó vẫn còn là một mối lo ngại lớn cho Hoa kỳ, có lẽ còn lớn hơn là ngày nay. Biết đâu Hoa-kỳ lại không mong muốn cho phe Mao đứng vững vì sự chia rẽ Nga-Hoa sẽ được duy trì, có lợi cho Mỹ.

Dù sao, sự biến chuyển của tình hình chính trị trên lục địa Trung-Hoa trong một tương lai rất gần đây sẽ có một ảnh hưởng rất lớn đến tình hình Á-Châu nói riêng và thế giới nói chung. Cố nhiên là giải pháp cho vấn đề Việt Nam một phần cũng trông vào những biến diễn của tình hình ở Trung Cộng.

VIỆT PHƯƠNG

Du khách thăm Dalat nên dùng :
áo len đẹp, rẻ, bền, và hợp thời trang
của **TRANG NHÀ**

32, Duy Tân — DALAT

của ANDRÉ MAUROIS
NGUYỄN HIỂN LÊ giới thiệu

Thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo sống

(Lettre ouverte à un jeune homme sur la conduite de la vie)

Nhà xuất bản Albin Michel (Pháp) cho rằng thế kỷ của chúng ta mỗi ngày một « nhạt nhẽo » vì không còn cái không khí tranh luận sôi nổi về các vấn đề nữa ; người ta không thẳng thắn chỉ trích nhau nữa mà nhượng bộ nhau, hoặc đưa ra những ý tưởng ngược đời, hoặc hèn nhát mà làm thinh. (Đó là ở phương Tây, còn ở phương Đông chúng ta thì tôi nghĩ có lẽ nên thêm : nhiều khi người ta còn hèn nhát chup mũ mà không dám đối thoại thẳng thắn). Và để gây lại cái không khí kích thích của thế kỷ trước, nhà xuất bản có sáng kiến cho ra một loại sách nhan đề chung là « Thư ngỏ » (*Lettre ouverte*) trong đó các tác giả sẽ thẳng thắn đưa ý kiến của mình, mạnh bạo « tấn công » bằng một giọng nếu cần thì có thể cay độc, nhưng vẫn di dỏm, đề bênh vực chân lý hoặc sự công bằng, bênh vực cái quyền chính đáng hoặc cái lương thức hợp tình hợp lý.

Nhiều danh sĩ đã hoan nghênh sáng kiến đó và đã hợp tác với nhà xuất bản, như Jules Romains trong cuốn Thư ngỏ chống một cuộc âm mưu (1) rộng lớn (*Lettre ouverte contre une vaste conspiration*), Maurice Garçon trong cuốn : Thư ngỏ gửi Công lý (*Lettre ouverte à la Justice*), Robert Escarpit trong cuốn Thư ngỏ gửi Thượng Đế (*Lettre ouverte à Dieu*), Abert Simonin trong cuốn Thư ngỏ gửi bọn du côn (*Lettre ouverte aux voyous*....

André Maurois cũng đã hưởng ứng và viết cuốn Thư ngỏ gửi cho một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống Nói cho dễ hiểu thì ông lão đó muốn chỉ cho những thanh niên đôi mươi một cách sống.

Non ba chục năm trước ông đã viết cuốn Một nghệ thuật sống (*Un art de vivre* — nhà xuất bản Plon 1939 ; bản Việt dịch của Hoàng Thu Đông — nhà P. Văn Tươi) trong đó ông xét về nghệ thuật tư tưởng, nghệ thuật yêu, nghệ thuật làm việc, nghệ thuật chỉ huy và nghệ thuật già, để hướng dẫn chung mọi hạng người già trẻ, trai gái.

(1) Âm mưu hay kết đảng ? Và âm mưu nào ? đảng nào ? Chúng tôi thú thực không được rõ vì chưa đọc cuốn đó. Sách Pháp lúc này đắt quá, không dám mua.

Non mươi năm trước, ông lại cho in cuốn *Những bức thư gửi cho Người đàn bà không quen biết* (*Lettres à l'Inconnue — Fayard — 1959*), đề hướng dẫn phụ nữ.

Lần này ông viết riêng cho thanh niên đề khuyên họ về mọi vấn đề thiết thực trong đời sống, từ vấn đề quy tắc phải theo, mục tiêu phải lựa, trở ngại phải thắng, tới những vấn đề học hỏi, tiêu khiển, tiêu tiền, hôn nhân, tôn giáo, chính trị, cả viết văn nữa...

Nếu ta nhớ rằng cùng một năm với cuốn *Thư ngỏ gửi một thanh niên* (1966) ông còn cho nhà Plon xuất bản cuốn *Thoạt kỳ thủy là hoạt động* (*Au commencement était l'action*) (2), cũng nhằm mục đích giáo dục thanh niên, hướng dẫn họ trong mọi hoạt động (hoạt động võ bị, hoạt động chính trị, hoạt động kinh tế, hoạt động nghệ thuật, hoạt động khoa học), thì ta không thể không phục tinh thần nhiệt tâm giúp đời của ông lão tám mươi đó.

Khoảng ba năm trước, sau khi viết xong cuốn *Prométhée*, một tác phẩm dày sáu bảy trăm trang lớn kể đời của Balzac, và tuyên bố rằng không còn đủ sức làm những công trình lâu dài nữa, ta đã tưởng ông sẽ nghỉ viết, hoặc có viết thì chỉ lâu lâu viết một bài báo, không ngờ ông vẫn sáng tác đều đều. Câu dưới đây ông viết ở cuối cuốn *Au commencement était l'action*, phải chăng là ông nói về chính ông : « Đối với một người đã (...) chơi một canh bạc lớn thì sự rút lui về nghỉ ngơi là một điều gần như chịu không nổi. Người đó đã ghiền một thứ : là hoạt động rồi, không thể tự tẩy độc được nữa ».

ooo

Đề tài cuốn *Thư ngỏ gửi một thanh niên* thực là hợp thời. Từ sau thế chiến thứ nhất, thanh niên phương Tây đã hoang mang, mà từ sau thế chiến vừa rồi, nỗi hoang mang đó càng tăng lên, lan tràn qua cả phương Đông chúng ta, qua cả các nước cộng sản nữa. Đa số thấy những giá trị cổ truyền đã sụp đổ, « Thượng Đế đã chết » và đời người là phi lý. Vì mất hẳn tin tưởng, nên họ mất luôn cả tinh thần trách nhiệm, có những hành động rất phóng đảng, phản kháng lại xã hội, dả phá tất cả, cơ hồ như không chấp nhận xã hội nữa mặc dầu vẫn sống giữa xã hội, và vẫn hưởng thụ của xã hội, mà lại hưởng thụ một cách nhiệt tình hơn bao giờ hết.

Trước tình cảnh đó, André Maurois thẳng thắn đưa chủ trương của ông ra ; chủ trương đó có thể tóm tắt trong câu này mượn của Alain, một triết gia mà Maurois là môn đệ : « ... loài người có thể tạo vận mạng cho mình và luân lý không phải là một tiếng hão huyền ». Vậy thì ở thời đại này, « chúng ta phải rón thích nghi với mọi sự thay đổi mà vẫn giữ những đức nó không thay đổi » (A. Maurois.).

Thấy những vấn đề ông nêu ra cho thanh niên Pháp cũng là những vấn đề của thanh niên Việt Nam ta, thấy nhân sinh quan của ông có nhiều điểm hợp với

(2) Nhan đề này ông mượn của Goethe mà Goethe đã dùng một câu trong Thánh Kinh « Au commencement était le Verbe » (Thoạt kỳ thủy là Đạo) rồi đổi đi một chữ.

nhân sinh quan của phương Đông chúng ta, cho nên trong loạt bài này, chúng tôi xin lược dịch hoặc tóm tắt ít đoạn trong cuốn Thư ngỏ của ông để cho các bạn trẻ và nhất là các bậc phụ huynh suy ngẫm. Ông không phải là một tư tưởng gia trác việt, chính ông cũng tự nhận rằng Alain, thầy học của ông, Valéry và Proust là những đỉnh núi cao để ông ngưỡng vọng, nhưng đọc tác phẩm nào của ông tôi cũng thấy thích : tư tưởng ôn hòa, khoan dung, lạc quan vừa phải mà không lạc hậu — ông đọc sách rất nhiều, theo dõi mọi sự tiến bộ về triết lý, nghệ thuật, khoa học.... Còn văn chương thì luôn luôn tao nhã, dí dỏm, càng về già càng cô đọng, có một vẻ đẹp cổ điển. Tôi chắc ông mà đọc văn Tô Đông Pha thì cũng thấy thích, (ông thiếu cái phóng khoáng của Tô) và tuy ông sinh ở phương Tây, được đào tạo trong văn minh cơ giới mà tâm hồn ông rất hợp với chúng ta. Phải chăng vì ông đã được hấp thụ sâu đậm văn minh Hi, La mà văn minh đó với văn minh cổ chúng ta có nhiều điểm tương đồng ?

Dưới đây là đoạn đầu trong cuốn Thư ngỏ, trong nguyên văn không có nhan đề : tôi đã theo đại ý trong đoạn mà đặt cho nhan đề :

BỐN QUY TẮC

Tôi tám chục tuổi; bạn vào cái tuổi đôi mươi. Tất cả những người biết bạn đều khen với tôi về những giá trị của bạn. Mà bạn lại xin tôi vài lời khuyên về cách sống, tóm lại là một « bức thư tập vào đời » như bức thư mà, trong tiểu thuyết của Balzac, bà De Mortsauf viết cho Félix de Vandenesse, hoặc bức thư mà Goethe viết cho Wilhem Meister. Tôi thú thực rằng lời yêu cầu của bạn đã làm cho tôi vui thích. Do một sự lựa chọn đắn đo, tôi đã từ chối, không chịu theo những cái mốt trí thức bây giờ, tôi đã từ bỏ những sự dục hoặc dễ dàng của những tiếng lóng giả triết học, và nghĩ rằng như vậy tất mất sự tán thành của các bạn trẻ dễ bị cái hào nhoáng của từ ngữ làm cho mắt. Bây giờ nghe lời kêu gọi của bạn, tôi cảm động và vững tâm Tôi sẽ rón cùng với bạn dạo quanh khắp một vòng chân trời.

Và trước hết tôi xin bạn quét sạch tư tưởng của bạn cho nó khỏi dính cái yếm thế tân-lãng-mạn hoàn toàn giả tạo đã

đầu độc cả một thế hệ rồi. Người ta bảo rằng thế giới này phi lý. Như vậy là nghĩa làm sao? Một mệnh đề phi lý khi nó trái với lý trí. Một đạo luật phi lý khi nó nghịch với lương thức (3) của con người. Còn thế giới này ra sao thì nó vậy. Nó không thuộc về lý trí, cũng không thuộc về lương thức. Nó là cái căn bản xuất phát, là một dữ kiện. Người ta muốn gì đây? Muốn rằng thế giới được tạo ra để thỏa mãn chúng ta chăng? Nếu vậy thì quả là một phép màu lạ lùng nhất đời. Thế giới không muốn gì cả. Nó chẳng có hảo ý cũng chẳng cừu nghịch con người. Người ta bảo rằng con người sinh ra để chết, và bạn luôn luôn phải có cái tâm trạng khổ não vì vậy. Nhưng tại sao lại khổ não? Sự chết không phải là một ý tưởng. Montherlant đã viết : « Đặc tính của những tư tưởng về sự chết là nó không chứa một tư tưởng nào cả ».

(3) Chúng tôi dịch chữ bon sens: tiếng « lương tri » (vốn của Mạnh Tử) trở một trình độ cao hơn, có ý nghĩa về đạo đức hơn là thực tế.

Cái chết của người thân làm cho chúng ta đau khổ, rối loạn. Nhưng còn cái chết của ta ? Sự nó thì tức là cùng một lúc tưởng tượng một thể giới trong đó có chúng ta và một thể giới trong đó vắng mặt chúng ta. Hai ý tưởng đó không thể đồng thời tồn tại được.

Người ta bảo bạn rằng chúng ta đang sống trên bờ một vực thẳm và khi mà chúng ta nhận định được nguy cơ đó thì chỉ thấy choáng váng. Nhưng loài người thời nào cũng đã luôn luôn sống trên bờ một vực thẳm, và người ta cũng đã yêu, đã làm việc, đã sáng tạo. Có gì ngăn cản bạn không làm như họ ? Người ta sẽ đáp : « Mọi sự đã thay đổi cả rồi. Người thời xưa còn dựa được vào một tin tưởng. Họ không như chúng ta ngày nay lúc nào cũng nơm nớp lo địa cầu bị hủy diệt hoàn toàn. » Vậy chứ ai cấm bạn tin tưởng ? Các thần thánh đã chết cả rồi ư ? Ta nên nói rằng những hình ảnh về Thượng-Đế đã có những hình thức mới thì đúng hơn. Nhưng bạn biết rằng ở trong con người của bạn có cái gì cao đại hơn bạn chứ; bạn biết rằng cái cao đại đó, người nào cũng có và ngay kẻ hèn nhất cũng tự phê phán mình, bạn biết rằng những tai biến, rình rập nhân loại chính là do nhân loại tạo ra cả và một ý chí chung, bền bỉ có thể gạt nó ra được, bạn biết rằng nếu chúng ta cố men theo bờ một vực thẳm thì không có gì bắt buộc chúng ta phải té xuống đó.

Người ta bảo bạn rằng những giá trị luân lý cổ đã thuộc về thời cổ rồi. Sai bét. Nếu bạn cạo lột cái lớp từ ngữ nó che lấp con người thời nay đi thì bạn sẽ tìm lại được con người vĩnh viễn của mọi thời. Có những nhà văn báo trước với bạn rằng những

nền văn minh cổ điển sắp tàn. Họ bảo : « Phải nhìn nhận cái hiện nhiên ; thế kỷ XX này sẽ chấm dứt một thời đại năm ngàn năm của nhân loại — tức cái Kỷ nguyên của những nền đại văn minh cổ điển — và chúng ta sắp bước qua một thời đại khác Cái nó sắp tới đó không có một chút gì giống cái nhóm kia cả ; không phải là một biến thể mới của linh hồn ở trong một thân xác đã có sẵn định hình trong lịch sử ; mà là một linh hồn mới trong một thể xác mới. « Một linh hồn mới trong một thể xác mới ư ? Tôi không tin điều đó. Thể xác mới, điều đó không đúng. Thử hỏi tim, gan, mạch máu, dây thần kinh của ta có khác gì của những người Cro-Magnon thời tiền sử không ? Còn về linh hồn thì những giá trị luân lý đâu phải là do những luân lý gia già nua vô cổ bày đặt ra để chơi. Nó là những giá trị vì thiếu sót thì không một xã hội nào, không một hạnh phúc nào có thể tồn tại được. Vậy, mới đầu tôi hãy xin nhắc bạn vài quy tắc cũng cổ như nền văn minh, nhưng bây giờ vẫn còn đúng, mặc dầu chúng ta đã có những kỹ thuật mới và những triết học hư vô.

* * *

Quy tắc thứ nhất là phải sống cho một cái gì khác, chứ không phải cho mình. Người nào cứ ngẫm nghĩ hoài về mình thì luôn sẽ tìm ra được cả ngàn lý lẽ để mà khổ sở. Không bao giờ người đó làm được tất cả những điều mình muốn làm và phải làm ; không bao giờ người đó được hưởng tất cả những điều mà người đó đáng hưởng, theo người đó nghĩ ; rất ít khi người đó được yêu như đã ước ao được yêu. Nếu người đó cứ

nhai lại cái dĩ vãng của mình thì tất sẽ thấy hối tiếc hoặc ân hận, mà điều đó thật là vô ích. « Lỗi lầm của ta sẽ bị quên đi và nó cũng chỉ đáng như vậy thôi ». Đừng mất công gạch bỏ một dĩ vãng mà không có gì hủy diệt được ; nên rán xây dựng một hiện tại mà sau này bạn có thể lấy làm vinh hãnh được. Không có gì tai hại bằng mình bất hòa với chính mình ; người nào sống cho những người khác cho xứ sở, cho một người đàn bà, một sự nghiệp, cho những kẻ đói khát, những kẻ bị hành hạ thì quên được hết những ưu tư, những lo lắng lằng nhằng của mình, một cách thần diệu. « Cái ngoại giới chân thực chính là cái nội giới chân thực ».

* * *

Qui tắc thứ nhì là *phải hoạt động*. Ngồi đó mà than thở cái vô lý của thế-giới thì sao không rán biến đổi cái khu vực nhỏ nhỏ trong đó ta phải sống này? Chúng ta không thể thay đổi toàn thể vũ trụ, nhưng ai là người muốn thay đổi toàn thể vũ trụ? Mục tiêu của chúng ta gần hơn, giản dị hơn : làm cái nghề của ta, lựa chọn nó kỹ lưỡng, hiểu rõ nó, thành một bậc thầy trong nghề đó. Mỗi người có một khu vực hoạt động; tôi viết sách, người thợ mộc ghép ván đóng tủ sách cho tôi, người cảnh sát điều khiển sự giao thông trên công lộ, viên kỹ sư xây cất, viên xã trưởng cai trị một xã. Tất cả những người đó nếu lúc nào cũng bề bộn những công việc mà mình biết làm cho khéo thì trong cái lúc hoạt động, đều thấy sung sướng cả. Điều đó rất đúng, đến nỗi khi rảnh rang, họ thấy khó chịu phải tự buộc mình có những hoạt động bề ngoài có vẻ vô ích, như du hí và thể thao. Người chơi ruy-bi kia, bị đối thủ

làm cho té lăn trên bùn mà thấy sung sướng. Còn như những hoạt động hữu ích, thì nó làm cho ta được hưởng thêm cái vui là thấy nó có hiệu quả : một viên thị trưởng hoạt động làm cho một châu thành hóa sạch sẽ, một vị mục sư hoạt động làm cho giáo khu linh động, và những thành công đó làm cho họ hài lòng.

* * *

Qui tắc thứ ba là *phải tin ở sức mạnh của ý chí*. Không, tương lai không phải là hoàn toàn do tiền định đâu. Một bậc vĩ nhân có thể thay đổi dòng lịch sử được. Ai có can đảm muốn thì có thể sửa đổi tương lai của mình được. Dĩ nhiên, chúng ta không có ai là vạn năng cả : sự tự do của mỗi người đều có giới hạn. Sự tự do ở trên cái ranh giới giữa những cái mình có thể làm được và những cái mình muốn làm. Tôi không có quyền năng gì để ngăn cản chiến tranh nhưng tôi có thể dùng lời nói hoặc cây viết mà gây một tác động, tác động đó nhân lên với hàng triệu tác động khác, sẽ làm cho chiến tranh khó xảy ra hơn. Tôi có thể tự ngăn lại, đừng luôn luôn nói với các đồng bào của tôi, và nói không hợp lúc, rằng họ bị lãng nhục và danh dự buộc họ phải tự tử với xứ sở của chúng tôi. Tôi không có tài năng gì để thắng trận, nhưng ở trong cái địa vị của tôi, tùy khả năng của tôi, tôi có thể làm một người lính can đảm. Và vì « cái giới hạn của ý lực tùy thuộc điều người ta dám làm », cho nên luôn luôn phải làm chủ được mình càng nhiều càng tốt, đừng quá thắc mắc về cái giới hạn. Lười biếng, hèn nhát tức là tự khí (tự bỏ mình) ; đức siêng năng và can đảm là do những hành động tự ý mà có. Và

có lẽ nghị lực là đức cao quý nhất.

Tuy nhiên — đây là qui tắc thứ tư — tôi còn đề nghị với bạn một giá trị khác cũng quý báu bằng đức có nghị lực, tức đức trung tín. Trung tín với những lời hứa, những hợp đồng, với người khác và với bản thân mình. Chúng ta phải là hạng người không bao giờ làm cho người khác thất vọng về ta. Trung tín không phải là một đức dễ dàng đâu. Có cả ngàn cái quyến rũ xen vào ngăn cản ta giữ lời hứa. Bạn sẽ bảo : «Ừa, nếu tôi cưới phải một người vợ lẳng lơ, không trung thành và mê trai thì tôi cũng phải chung thủy với ả ư ? Nếu tôi đã lựa một nghề và thấy rằng không hợp với sở nguyện của tôi thì cũng phải tự cấm mình không được kiếm một nghề khác ư. Nếu tôi đã gia nhập một đảng và thấy rằng nó gồm toàn một bọn người hư hỏng, tham lam thì tôi cũng không được gia nhập một đảng khác, mà tôi đã điều tra kỹ hơn và biết là lượng thiện hơn ư ? » Không. Trung tín không phải là mù quáng. Nhưng cũng không thể viện cái lẽ đã lầm lẫn trong sự lựa chọn để biện hộ cho những hành động bất trung tín, nó chỉ là dấu hiệu của một tấm lòng thiếu đại độ. Alain nói : «Trái lại, ý này mới đúng, là nếu người ta phỏng túng, tự khí thì sự lựa chọn nào cũng là lầm lẫn hết, còn như nếu người ta có thiện chí thì sự lựa chọn nào cũng có thể thành ra tốt được cả. Không ai có những lý lẽ tốt khi lựa nghề của mình cả vì phải có lựa nó rồi mới biết được nó. Cũng vậy, không ai lựa những tình yêu của mình cả. Nhưng (thường khi) có thể uốn nắn một

người đàn bà được, làm cho khéo cái nghề mình đã lựa, và thay đổi được một đảng. Sự trung tín tạo ra những lý lẽ để biện hộ cho nó.

Tôi đoán rằng bạn cho bốn qui tắc kể trên vừa quá nghiêm khắc vừa quá khái lược. Tôi biết vậy lắm, nhưng không còn qui tắc nào khác. Tôi không đòi bạn phải sống như một nhà khắc kỷ yếm thế. Bạn nên có tinh thần hài hước. Tôi mong rằng bạn có thể mỉm cười về chính bạn — và về tôi nữa. Nếu bạn không chế ngự được những nhược điểm của bạn thì đành nhận nó đi, nhưng mặc dầu có những nhược điểm đó, bạn cũng phải rán giữ một cốt cách mạnh mẽ. Trong xã hội nào mà mọi công dân chỉ sống để thỏa mãn những tham vọng, những truy lạc của mình, xã hội nào mà sự tàn nhẫn, sự bất công không bị trừng trị, xã hội nào mà không ai còn ý chí nữa thì xã hội đó là một xã hội bỏ đi rồi. Khi mà thành La Mã còn là thành La Mã của các vị anh hùng, thì nó vẫn còn thịnh vượng ; nhưng ngay từ khi nó không tôn trọng những giá trị đã tạo ra nó, thì nó đã không còn nữa. Những kỹ thuật mới đã thay đổi những cách thức hoạt động ; nhưng nó không hề thay đổi cái giá trị của sự hoạt động và những lý do để hoạt động. Khởi thủy là như vậy mà cũng sẽ như vậy hoài cho tới chung cục.

ANDRE MAUROIS
NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(giới thiệu)

Nội dung khách quan và nội dung chủ quan trong tác phẩm

Muốn thâm định tác phẩm văn học một cách đúng đắn, người ta thường ghi nhận nơi tác phẩm ấy hai thứ nội dung : một nội dung khách quan và một nội dung chủ quan.

Nội dung khách quan là cái thế giới của sự vật hoặc con người mà tác giả đã dựng nên trong tác phẩm. Nội dung ấy có thể là cái xã hội có thực do tác giả quan sát ghi nhận rồi đưa vào nghệ thuật, như cái xã hội trường giả đời Pháp thuộc vừa qua trong tác phẩm của nhóm Tự Lực Văn Đoàn hay Vũ Trọng Phụng. Đó cũng có thể là những mảnh lịch sử đã thuộc quá khứ được tác giả phục hồi trở lại, như truyện Thành Cát Tư Hãn của Vũ Khắc Khoan, Kinh Kha của Vũ Hoàng Chương, hoặc cái xã hội đời Lê mặt qua một số truyện lịch sử của Phan Trần Chúc. Ngoài ra thì nội dung ấy còn có thể là một vũ trụ phi thực do óc tưởng tượng của tác giả đặt ra, như truyện thần thoại đời cổ, truyện khoa học giả tưởng của J. Verne, truyện đấu chưởng của Kim Dung, hay truyện người hóa thành sâu bọ của Kafka. Cũng trong sự tưởng tượng phi thực này, người ta có thể kể đến các truyện ngụ ngôn viết về cỏ cây súc vật của La Fontaine, phỏng theo văn học truyền miệng.

Như vậy ta thấy nội dung khách quan

trong tác phẩm không hề bị gò bó ước thúc bởi giới hạn nhất định nào, mà chỉ tùy thuộc vào trình độ văn hóa của mỗi xã hội, cũng như tùy thuộc rất nhiều vào vốn sống của tác giả thôi. Có điều cần ghi nhận về mặt nghệ thuật là muốn miêu tả, thể hiện một nội dung khách quan nào đó, tác giả bắt buộc phải tìm hiểu đối tượng đến nơi đến chốn. Cho một bộ hạ của Thành Cát Tư Hãn nói chuyện như một tên du đảng văn nghệ bây giờ, hoặc cho một người thợ nhà in phát ngôn như một nhà văn tiểu tư sản, cũng chẳng hay ho gì hơn việc không chịu nghiên cứu lịch sử cho tường tận mà cứ nhất định đòi viết về cuộc Trịnh Nguyễn phân tranh vậy. Tính chất địa phương và lịch sử trong sự việc, điều kiện sinh hoạt của nhân vật là những yếu tố khách quan mà nhà văn phải tôn trọng để tác phẩm khỏi trở thành gượng ép.

Còn nội dung chủ quan trong tác phẩm là cách thức miêu tả của tác giả về cái nội dung khách quan ấy, tức là thái độ, tư tưởng chủ quan của tác giả đối với thế giới mà tác giả đã chọn lựa thể hiện. Như vậy ta thấy cùng kể một việc, cùng kể một điều, mỗi tác giả có những cách nói khác nhau — không những khác nhau về bút pháp, mà

còn khác nhau về trình độ nhận thức đối tượng, khác nhau về quan điểm, lập trường nhìn xét đối tượng nữa. Cùng là một Từ Hải, nhưng chúng ta đều biết rằng từ một tướng cướp bề lỗ mãng trong truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, qua tác phẩm của Nguyễn-Du thì lại thành một anh hùng đội trời đạp đất. Cai xã hội thị dân ở nước ta trên đường Âu hóa của nó cũng vậy. Qua ngòi bút của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, nó là một lớp người cách mạng cao thượng; nhưng qua sự miêu tả của Vũ-Trọng-Phụng, nó lại hóa ra thật lỗ bịch, thối tha. Lịch sử được dựng đi dựng lại nhiều lần trong văn nghệ nhưng vẫn không giống nhau, chính là do cái thái độ chủ quan của tác giả đã bề cong đi vậy.

Người cầm bút có nhiều cách để biểu hiện cái thái độ chủ quan của mình. Cách tầm thường nhất là xen ngay vào giữa tác phẩm để giảng giải triết lí. Nguyễn Du ngày xưa cũng thường dùng đến phương pháp này, đôi khi ông bắt bênh về việc bọn sai nha bắt cóc tra khảo người giữa ban ngày, hoặc khi ông không dẫn được tiếng than định mệnh mỗi lúc nàng Kiều bước vào lầu xanh. Áp dụng phương pháp này một cách quá lộ có ông Lê văn Trương đời tiền chiến, vì vậy mà tác phẩm của ông có nhiều trang không khác chi những bài luận lí thật rẻ tiền và nhạt nhẽo.

Phương pháp hay nhất là để cho thể giới nghệ thuật của mình tự nó nói lên ý nghĩa của nó. Nhìn thấy óc người tung tóe từ một cái đầu rớt ngóu vì bom đạn, không cần giảng giải gì, tự nhiên ai cũng cảm thấy rùng mình. Muốn cho tác phẩm văn học của mình làm độc giả rùng mình thì phải vận dụng ngôn ngữ để thể hiện, chứ không thể cứ nhai đi nhai lại : « rùng mình quá,

rùng mình quá » mà được. Hội họa, màn ảnh, vì tính chất đặc biệt của nghệ thuật tượng hình, nên đã đạt được cao độ yêu cầu đó. Tiểu thuyết, dùng ngôn ngữ, có thể đi sâu được vào cảm giác, tâm hồn con người, song vẫn không thoát khỏi được quy luật tự biểu-hiện bằng hình ảnh.

Sự tự biểu hiện ấy có được là nhờ cái cách thể miêu tả-của tác giả, cái bút pháp thể-hiện của tác giả. Bút pháp trong tiểu thuyết không những quan hệ ở giọng văn mà còn ở nơi những tình tiết được chọn lựa nữa. Chọn lựa những nét kỳ cục, bất toàn của con người, rồi khoét sâu vào mà đưa cọt, tác phẩm sẽ trở nên những hài kịch, những bài phóng thích, những truyện khôi hài. Nụ cười khai thác những khía cạnh bất toàn của sự vật và con người, nên có thể biến thành một lợi khí chiến đấu. Ngược lại với nụ cười, người ta có thể tô đậm những xung đột gay go trong đời sống để biến tác phẩm thành những bi kịch, những cuốn truyện tả thực bi đát. Truyện *Kiều* hoặc một số truyện tả thực đời tiền chiến là những truyện có tính chất bi kịch, vì nghiêng hẳn về phần đau khổ của con người. Bi kịch gây nơi chúng ta lòng thương xót, kêu đòi những gì thực tại chưa có. Cũng nằm trong chiều hướng bi kịch, nếu người ta chú trọng khai thác cái sức mạnh của con người trong việc chinh phục trở ngại của thiên nhiên và xã hội, tác phẩm sẽ mang tính chất anh hùng ca. Anh hùng ca không thể xuất hiện trong những thời-đại trầm trệ suy đồi. Ngoài ra, người ta còn có thể chú mục đến những khía cạnh tươi đẹp của sự vật để thưởng ngoạn và đề cao nó : đây là những thứ văn chương hưởng thụ, nhân du, thủ tặc.

Đi sâu hơn vào thể hiện những cách

thể miêu-tả này, chúng ta có thể nói đến hai phương pháp thông thường đề tác giả bày tỏ chủ quan : một là sự xây dựng nhân vật, hai là kết cấu tác phẩm.

Xây dựng nhân vật là chọn những nhân vật chính với những hành vi và suy tưởng của họ để phát ngôn cho tác giả. Có hai loại nhân vật : nhân vật tích cực và nhân vật tiêu cực. Nhân vật tích cực là loại nhân vật mà tác giả tập trung sức miêu tả để lôi kéo lòng sùng bái, cảm phục của độc giả (như trong *Anh hùng ca*), hoặc gợi lòng mến yêu thương xót nơi độc giả (như trong *bi kịch* và *truyện có tính chất bi kịch*). Nhân vật tiêu cực là những nhân vật mà tác giả dựng nên để tố cáo nó, phủ nhận nó, châm biếm nó. Nhiều tác phẩm chỉ thuần có những nhân vật tiêu cực, như trong *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng. Phần nhiều nơi các tác phẩm khác, nhân vật tích cực và nhân vật tiêu cực xen nhau làm thành mâu thuẫn, xung đột : trong *Kiều*, Nguyễn Du đem *Kiều*, *Kim Trọng*, *Từ Hải* để đối lập với *Tú Bà*, *Mã Giám Sinh*, *Hồ Tôn Hiến*. Chọn lựa nhân vật là cách thông thường nhất để tác giả phát biểu chủ đề. Các nhân vật vô danh trong một số tác phẩm mệnh danh là «hiện đại», tuy được nhiều người gọi là tiểu thuyết «nhân vật tan rã», vẫn nằm trong nguyên-tắc trên.

Kết cấu tác phẩm cũng là cách để tác giả phát biểu chủ đề. Muốn chứng minh quan niệm «làm thiện gặp thiện» thì dù *Lục Vân Tiên* và *Kiều Nguyệt Nga* có lên rừng xuống bể, gian khổ ra sao, cũng được Nguyễn Đình Chiểu gọi về tụ họp xum vầy. Muốn cho cái «mối» của từng lớp trường-giả thẳng thế đối với thế lực phong kiến lạc hậu, *Nhất Linh* đã cho tòa án tha bổng cô

Loan, chẳng cần biết đến tính chất phi thực về kết cấu, và vô lý về mặt luật pháp. Ngày nay, những lối kết cấu lộ liễu như vậy không được người ta ưa chuộng nữa nên các tác giả thường bỏ lửng câu chuyện giữa chừng, hoặc viết những cuốn truyện «không có cốt truyện» gì cả, viện cớ rằng thời hiện đại, con người bơ vơ không thể làm chủ được đời mình, do đó có nhiều vấn đề không biết giải quyết ra sao. Nhưng đó vẫn không thoát khỏi nguyên tắc dùng kết cấu để thể-hiện một lối nhìn đời. Kết cấu của những loại tác phẩm này thường nằm trong cái «không khí» do toàn bộ cuốn truyện thoát ra.

Phân biệt được nội dung khách quan và nội dung chủ quan là công việc đầu tiên trong vấn đề nhận thức tác phẩm nghệ thuật. Chính vì không phân biệt được như vậy, mà người ta thấy nảy sinh trong những ngày gần đây không ít những ý kiến thật ấu trĩ về văn học. Chẳng hạn như vấn đề kết án thứ văn nghệ mà người ta thường gọi là văn nghệ «dâm ô đồi trụy». Nhiều người đã cho rằng kết án như vậy là thái độ khắt khe của những người «giả đạo đức», không dám can đảm nhìn thẳng vào cái xã hội bao trùm xấu xa thối nát hiện tại của chúng ta. Nếu đòi hỏi nhà văn phải gấn chặt ngòi bút của mình vào những vấn đề lớn lao của thời đại, thì ca tụng trời bể trắng sao trong một không khí âm u như vậy chính là thoát ly thực tế. Do đó nói lên cái thực trạng đương thời là một điều đáng khuyến khích, chứ sao lại đem những thứ luân lý cồ lỗ ra để cản ngăn ?

Thật ra, ý kiến trên đây, về một mặt nào đó, không có gì để gọi là sai lầm cả. Trong những xã hội mà cơ cấu

tổ chức của nó không cho phép những giá trị tốt đẹp này nở, văn nghệ chỉ có thể đi một con đường duy nhất để thoát khỏi bế tắc là «dấn thân» ngay vào thực trạng ấy để tố cáo nó, phản kháng nó. Truyện *Kiều* làm sao trở thành một tác phẩm bất hủ được nếu Nguyễn-Du cũng như bao «khuyển nhc» khác cả ngày cứ vui đầu vào những thứ văn thơ thù tạc ? Vũ Trọng Phụng ngày nay làm sao được chúng ta nhắc nhở nhiều nếu ông không dám dấn thân ngồi bút của mình vào cái thế giới xa hoa thối nát của phường thống trị tội đời ?

Nhưng vấn đề không giản dị như vậy, bởi vì không phải cứ dùng ngòi bút «nói lên» cái xấu, mọi người đều có thể trở thành Vũ Trọng Phụng cả ! Vũ Trọng Phụng, qua cái thế giới điểm đang thối nát, thái độ chủ quan của ông lúc nào cũng sáng tỏ phân minh, sự bất bình của ông lúc nào cũng rõ ràng sòng phẳng. Luôn luôn căm giận bọn tham tàn thối nát, luôn luôn hướng về bênh vực cho q yền sống con người đau khổ lầm than, đó chẳng phải là những nét lớn trong trong chủ quan của Vũ Trọng Phụng đó

sao ? Các nhà văn gọi là «đời trụy» ngày nay có thể bắt chước Vũ Trọng Phụng để nói nhiều về cái xã hội rã mục, nhưng nào họ có bắt chước cái thái độ ấy của ông ? Họ đâu có nói tới những xấu xa để «phản kháng» nó, «tố cáo» nó như họ thường rêu rao ? Làm sao có thể gọi được là phản kháng khi bọn thối nát dưới ngòi bút của họ lại trở thành những triết gia kênh kiệu khinh đời ? Làm sao gọi được là tố cáo khi qua cái nội dung chủ quan của họ, những loại Khuyển, Ưng thời đại mới đã trở thành hiệp sĩ anh hùng ? Thái độ của họ rõ ràng là thái độ «đồng lõa» với tham tàn bạo ngược, chỉ cốt lợi dụng sự xấu xa của xã hội để kêu gọi thị hiếu thấp kém của con người, hoặc mượn đường nhờ nhờp để rướm rà nguy hiểm. Kết án thứ văn nghệ này, người ta không kết án cái nội dung khách quan mà họ mang vào tác phẩm, nhưng chỉ kết án cái nội dung chủ quan đồng lõa với thối nát sa đọa của họ mà thôi.

(Còn tiếp 1 kỳ)

LỮ-PHƯƠNG

Thuộc mới :

Viên thuốc bọc đường

ALGAN

KHÔNG CÓ THUỐC NGỦ)

Trị : Cảm, Cúm, Đau, Nhức, v..v...

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC-PHẨM SAIGON

K.N số 2080-BYT/QGDP

75, Nguyễn-bình-Khiêm — SAIGON

B. N. P.

BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — SAIGON

Tél. 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

SUCCURSALE DE HONGKONG :

**Central Building, Queen's Road Central
HONG KONG**

**Téléphones : 94 — 6081 (8 lignes)
P.O. Box N° 763**

Bureau Permanent Causeway Bay

60-62, Yee Wo Street — HONGKONG

Tél. 772.171 à 772.173

Bureaux De Kowloon :

Agence TSIM SHA TSUI

Milton Mansion, 96 Nathan Road

KOWLOON Tél. 667.254

Bureau Permanent

Sham Shui Po :

290 et 292, Castle Peak Road, KOWLOON

Tél. 863.875

Bureau périodique

«Des Voeux Road» :

Realty Building, 71 des Voeux Road

Central, Hongkong

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37

B.P. N° 122



Chúa Yêsu

trước quyền chính-trị

(Xin xem BK.TĐ. từ số 253)

CUỘC ĐỐI THOẠI CĂN BẢN VỀ QUYỀN HÀNH TRẦN THỂ

MÀN II : QUYỀN CHÍNH TRỊ CÔ YẾU TRƯỚC SỨC TẤN CÔNG CỦA QUYỀN TẮM TỐI

Xem ra việc Philatô đứng trung-lập trước Sự-thật cũng không thay đổi gì cả trong vụ-kiện này. Ông có thể bắt cần đến Sự thật mà vẫn nắm vững được những sự-kiện hiển nhiên. Và sự-kiện hiển-nhiên đó là bị-cáo Yêsu, đứng về mặt chính-trị, không có gì đáng lên-án cả. Quyền chính-trị đã thẳng thắn nói lên điều đó :

Ta không thấy nơi người ấy một lý do nào để khép án !

Nhưng thấy sự-kiện hiển nhiên là một chuyện, mà theo đó đề hành động cho ra nhẽ lại là chuyện khác. Philatô nhận ra công-lý nhưng ông đã đề rớt mất động-lực làm cho ông có thể quyết-tâm hành-động theo công-lý. Thay vì dựa vào Sự-thật để thẳng-thắn thi hành nghĩa vụ, Philatô lại dùng đến mánh-khóe. Thay vì tha Chúa Yêsu như công-lý đòi hỏi, Philatô lại xin ơn với dân-chúng cầu họ tha cho người vô tội :

Đã thành thói quen đối với các ông, là ta phóng thích một người theo ý các ông vào dịp lễ Vượt qua. Vậy các ông có muốn ta phóng thích Vua Do-thái cho các ông không ?

Vì không quyết-tâm theo Sự-thật, Philatô đã bắt đầu nhượng bộ Quyền tắm-tối. Một khi có kẻ hở thì Tắm-Tối sẽ tràn vào như nước lũ, sẽ ò-ạt, trở thành một áp-lực không sao cưỡng nổi. Những hình ảnh còn in hằn trong ký-ức những quang-cảnh và quyết-định của các tòa-án cách-mạng, các tòa-án đặc-biệt... vẫn còn khá gần để nhắc nhở chúng ta điều đó.

Trước thể đứng cô-yếu của Philatô, Tắm-tối đã âm ầm nhào tới :

Họ kêu lớn : không phải tên ấy nhưng là Barabba !

Barabba bị khép tội là tướng cướp. Phải hơn Barabba chính là một chiến sĩ cách-mạng của nhóm «Nhiệt-Thành». Trong một vụ bạo-động ông đã đâm chết lính la-mã hay một vài «tay sai, bù-nhìn» gì đó của Đế-quốc, nên bị bắt-giam, liệt vào hàng tử-tội và chờ ngày hành-quyết.

Cái mai mỉa của vụ kiện này là chính những người tố-cáo Chúa Yêsu về một tội phản-loạn vô căn-cứ, lại la ó xin tha cho một kẻ nổi loạn đích-danh. Philatô là người đại-diện chính-quyền. Ông có phận

sự duy-trì trật-tự La-mã chống lại những cuộc xáo-trộn chính-trị. Thế mà chính Philatô ấy lại chấp-nhận yêu-sách xem ra không thể nào chấp-nhận được của đoàn người Do-thái.

Chính-quyền, qua Philatô, đang thực-sự bị áp-đảo, thực sự trở-thành cô-yếu vì đã không quyết-tâm với Sự thật.

Bị áp-đảo, Philatô vẫn cố tìm cách gì để vớt vát chút ít uy-tín cho quyền-bàn và cũng để cứu sống người bị-cáo vô-tội. — cả hai bây giờ đã bị dồn về cùng một phía nạn-nhân. Nhưng biện pháp thứ hai của Philatô vừa yếu hơn, vừa phạm đến công-lý hơn biện-pháp trước. Ông truyền

đánh đòn Chúa Yêsu để khơi mồi từ-tâm của đoàn người cuồng-nộ.

Lẽ tất-nhiên là biện-pháp này cũng lại thất-bại : trước một người tội tã, đang đứng cạnh một chính-quyền cô-yếu, Quyền tâm-tối ồ-ạt tấn công như sóng cả :

Đóng đinh, đóng đinh ngay đi !

Philatô nổi sùng nói lại : *Thì các ông hãy đem đi mà đóng đinh !* Khi giới cuối cùng của Philatô là lời mai mỉa đó. Ông thừa biết là quyền Do-thái không còn quyền xử tử một ai. Chỉ có ông mới là người cầm quyền sinh tử ấy. Khờ một điều là hiện giờ ông không còn nắm vững được quyền đó trong tay nữa...

MÀN III : QUYỀN CHÍNH TRỊ SỤP ĐỔ TRƯỚC QUYỀN TÂM TỐI.

Trước sức tấn-công ồ-ạt của Quyền tâm-tối, Philatô vẫn muốn nặn óc tìm phương thế nào để phóng-thích Yêsu. Nhưng ông không còn tự-do để hành-động như ông muốn. Quyền-lực Tâm-tối chỉ cần tung ra một chương-lực cuối cùng là thừa sức đè bẹp quyền chính-trị ở trong ông. Quyền chính-trị giờ đây chỉ còn là một con người đơn-độc, ở vào một đại-vị bấp-bênh, đang bị hăm-dọa cả về tương-lai của chính mình. Đối lại, lực-lượng Tâm tối có cả một đoàn-lũ vô-danh họp thành một tiếng nói ghê-gớm. Đoàn lũ đó không cần kiêng nể gì, họ đông và mạnh hơn một con người đơn-độc nhiều. Họ dọa thẳng Philatô :

Ông mà tha cho tên ấy là ông thất-nghĩa với Hoàng-đế ! Ai dám cho mình là vua tất chống lại Hoàng-đế !

Trước lời đe-dọa địa-vị đã lung-lay của mình ấy, Philatô đành long trọng nhượng-bộ. Ông đành đóng nốt vai trò của ông. Từ đây ông chỉ còn là một người đóng trò, chỉ còn là một con cò của Quyền Tâm-tối. Ông đưa Chúa Yêsu

lên tòa và đồng-dặc hỏi đoàn người Do-thái lần cuối cùng :

Ta lại đóng đinh vua các người sao ?

Và họ đã đáp lại một câu nặng đầy ý-nghĩa buông-xuôi :

Chúng tôi không có một vua nào cả ngoài Hoàng-đế !

Những người lãnh-đạo Do-thái đã chối-từ Sự-thật, chối từ Hồn Dân-tộc của họ. Họ đã liều lĩnh gởi gắm tất cả hy-vọng cứu sống của họ vào một Hoàng-đế trần-gian, mà từ xưa họ vẫn coi là tượng trưng cho sức mạnh phản-lại Thiên-chúa coi như chính nguyên-hình của Quyền Tâm tối.

Và quyền chính-trị đã trao phó Chúa Yêsu cho Quyền tâm-tối đem đi đóng đinh.

Vai trò đã đảo-lộn. Không còn phải là một nhóm người Do-Thái nộp Chúa Yêsu cho quyền chính-trị. Nhưng là quyền chính-trị nộp Ngài cho quyền Tâm-tối. Thực ra cũng không thể nói là chính-quyền

được nữa. Chính quyền đã sụp đổ rồi. Chỉ còn một bộ máy gì đó đã tự hiến mình cho Quyền Tăm tối, đặt tất cả uy-quyền, tất cả công-lý — mà bề ngoài xem ra mình vẫn đại diện — dưới sự điều-động của Quyền Tăm tối.

Như thế việc Chúa Yêsu ra trước tòa Philatô có thể mang lại cho chúng ta một cái nhìn sâu vào thực-chất của quyền chính-trị. Quyền chính-trị này có uy-lực và quyền-hành hợp-pháp, có thể tự-do hành-động để ngăn-chặn Quyền-lực Tăm tối ở trần-gian, mặc dầu quyền chính-trị này cũng thuộc về bình-diện trần-gian.

Nhưng muốn có điểm tựa, muốn có động lực để hành-động chí-lý với chính ý-nghĩa và mục-tiêu của mình, thì quyền chính-trị cần phải hướng về Sự-thật,

CÔNG-DÂN VỚI CHÍNH-QUYỀN

Nhận ra được sứ-mạng của quyền chính-trị và những đe dọa rình-rập quyền ấy, những người có tinh-thần tôn-giáo chỉ có thể cố-gắng hành-động theo sức mình, hành-động với người khác, thúc-dẩy những người khác cùng hành-động để giúp quyền chính-trị chu-toàn được sứ mạng của mình. Sứ mạng này, thánh Phaolô, người môn-đồ chọn lọc của Chúa, đã tóm gọn trong câu :

Họ thi-hành quyền Thiên-Chúa trên người để người làm điều thiện.

(Rm. 13, 4)

Trong nhân-giới Kitô-giáo, quyền dân-chủ chỉ có thể là để chống-dỡ, để trợ-lực, để làm hậu thuẫn cho quyền chính-trị trong việc làm điều-thiện. Quyền dân-chủ phải được dùng để ngăn-chặn Tăm tối không cho toàn-quyền tung-hoành trên quyền chính-trị.

lệ-thuộc Sự-thật. Sự-thật ấy, trong nhân-giới Kitô giáo, chính là ý-định và tình thương của Thiên-Chúa và cũng là sức mạnh giải-phóng của Thiên-Chúa. Chỉ khi nào quyền chính-trị chấp-nhận Thiên-Chúa và quyết hành-động theo Sự-thật của Ngài, thì quyền đó mới mong được giải-phóng khỏi sức thu-hút và vòng cương-tỏa ghê-gớm của Quyền Tăm-tối, luôn rình-rập chi-phối quyền này.

Nếu chính-quyền từ chối hay dừng đứng với Sự thật ấy, thì sớm muộn chính quyền sẽ phải qui-hàng Quyền Tăm-tối. Và, một khi Quyền Tăm-tối hoàn-toàn thống-trị, thì tất cả sẽ bị bao trùm trong giả dối và bị lái đi lệch hướng-đường định mệnh mà Thượng-đế đã dành cho con người.

Chung chung, Kitô-giáo rất nghi ngại những cuộc đảo-chính tàn-bạo, tuy không phủ-nhận quyền làm cách-mạng, không tuyệt-đối cấm dùng vũ-lực để lật-đổ một chính quyền chỉ còn là quân cờ của Quyền Tăm tối,.. Lời đức Phaolô VI, trong thông điệp "Phát triển các dân tộc" chứng minh điều đó:

Quả đang có những tình trạng bất công kêu thấu tận trời. Thực vậy, khi dân chúng thiếu cả những điều cần thiết để sống, phải lệ thuộc vào người khác đến độ không còn quyền có sáng kiến và trách nhiệm, không còn tiến triển được về mặt văn hóa và tham gia được vào đời sống xã hội và chính-trị, thì người ta có thể dễ dàng bị lôi cuốn muốn dùng vũ lực để chấm dứt cảnh nhục mạ phẩm-giá con người như thế.

Nhưng, ngoại trừ trường hợp để đánh đổ một chế-độ độc-tài rõ rệt và kéo dài

đã quá lâu làm thương tổn nặng nề đến những quyền căn bản của con người và nguy hại lớn cho lợi ích quốc gia, những cuộc nổi loạn và cách mạng (thường chỉ) làm cho thêm bất công, đem đến thêm chênh lệch, và gây thêm tàn phá. Điều đó ai cũng biết. — Như thế, người ta đâu có quyền diệt-trừ một sự dữ trước mắt bằng một đường lối có thể đem đến một sự dữ tàn-khốc hơn. (số 30-31).

Một khi đã nhận ra sự rình rập ghê-gớm của Tăm tối, luôn sẵn sàng ủa vào và áp-đảo tất cả, thì nghi-ngại việc xử dụng sức mạnh phũ-phàng là điều hợp lý.

Cũng thế, thái-độ của người chung-thân bất-mãn với mọi chính-quyền, luôn tìm dịp phản-đối vào lật-đổ chính-quyền thường bị Thánh Phao-lô liệt và thái độ bị Quyền Tăm-tối chi-phối, như thái-độ của nhóm Do-thái đã áp đảo quyền công lý của Philatô.

Đứng về một mặt khác, người ta có thể thấy thiện chí tranh đấu, gây áp lực và

bảo vệ quyền lợi, được coi là chính đáng của giai cấp mình, đoàn-thể mình, cả tôn-giáo của mình nữa, mà vẫn có thể bị Quyền Tăm tối nắm lấy, xô đẩy và xử-dụng .. Những vụ xuống đường, những lần tranh đấu, những tổ chức biểu dương ý-chí và lực-lượng, cả những buổi truy-diệu, cầu-nguyện, cầu-siêu..., sát-khí và uất-khí ngút trời, hẳn cũng đủ để ta thấy rõ điều ấy.

Quyền Tăm tối có thể phá vỡ tinh thần tôn giáo bằng cách xử-dụng ngay độ quá-khích của tinh thần tôn-giáo.

Chính khi nhân danh Sự thật, chính khi võ ngược tự xưng chiến-đấu cho Sự thật, nếu không tỉnh-thức, người ta vẫn có thể đi ngược lại Sự-thật ấy và tiếp tay cho Quyền Tăm tối.

Ít ra, trong khi tranh-đấu quá nhiệt-nồng, người ta có thể quên đi sức mạnh của một Sự-thật cao cả, để chỉ dựa vào lý-luận trần gian, quyền lợi trần gian, sức mạnh trần gian...

CÁI NHÌN TIN TƯỞNG

Trong Tân-Uớc, Quyền Tăm-tối luôn được trình bày như một mãnh-lực ghê-gớm, mạnh hơn mọi người, mạnh hơn tất cả mọi người họp lại, có thể nắm lấy và điều-động mọi chính quyền... Thánh Yoan, trong đoạn 13, Sách Khải-Huyền, đã mô-tả Quyền Tăm tối ấy như sau :

Và tôi thấy từ dưới biển lên là một Mãnh thú có mười sừng và bảy đầu... và con Rồng (Satan) trao quyền mình cho nó, cả ngai báu và quyền binh lớn lao của mình... Cả mười vua đồng ý đem uy-lực quyền-hành trao cả cho Mãnh-thú. Và

thiên-hạ thờ lạy con Rồng, bởi nó đã ban quyền-hành cho Mãnh-thú ; họ cũng thờ lạy cả Mãnh-thú và hoan-hô :

Ai nào giống như Mãnh-thú ?

Ai nào có thể nghinh-chiến được với ngài ?

Mãnh-thú này, nói theo kiểu đời nay, xử-dụng một guồng máy tuyên-truyền ghê-gớm, xử-dụng những phát-minh khoa-học tân-kỳ và bí-hiêm. . và cố làm cho mặt đất cùng dân-cư trên trần-gian thờ lạy mình... Nó bắt mọi người, bé cũng như lớn, giàu cũng như nghèo, thông dong

cũng như nô-lệ, hết thầy phải xin thích chữ nơi tay hữu hay trên trán họ, khiến cho không ai còn có thể mua hay bán gì mà lại không thích chữ, mang tên Mãnh-thú, hay mã-số tên nó.

Trong lịch-sử, Mãnh-thú này đã xuất-hiện, đang và còn sẽ xuất-hiện dưới hình-thức những chế-độ độc-tại, thần-thánh, kiểm soát cả lương-tâm lẫn kinh-tế của con người... Trong hoàn-cảnh đó quyền chính-trị sẽ chẳng còn gì là quyền chính-trị. Trong hoàn-cảnh đó, người Kitô hữu, cũng như những người có tinh-thần tôn-giáo, không thể thờ lạy Mãnh-thú Họ chỉ có thể chiến-đấu cho

Sự thật bằng cả niềm Tin, cả Con người và có thể bằng cả cái chết làm chứng cho một Sự-thật cao-cả hơn của họ.

Nhưng cuối cùng, theo nhân-giới Kitô giáo, tang chứng của Sự-thật sẽ bừng sáng, sẽ toả lan trong trận chiến-thắng sau cùng, nhờ chính quyền-lực của Thiên-Chúa, Đấng đã chiến-thắng Tăm-tối. Quyền lực của Thiên-Chúa ấy sẽ tái-tạo trần-thế này thành một trời mới và một đất mới !...

Đó là cái nhìn tin-tưởng và lạc-quan của Kitô-giáo.

HỒ-ĐÌNH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12

KH SỞ 889 817, QCDP

- CON NỮ MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO - MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THẾ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

VĂN TOÀN LÁ THUỐC
THƠM NGUYÊN CHẤT

Virginie



LONDRES

Thuốc thơm hảo hạng

với

3 *đặc điểm*

- HƯƠNG THƠM NGÀO NGẠT
- VỊ NGON ĐẬM ĐÀ
- GIÁ RẺ NHẤT



20 \$ 1 Gói

LONDRES

*Gói thuốc thơm hảo hạng
của mọi giới.*

GIÓ CUỐN

4 | Thăng Sinh và con Huệ thôi. Hai đứa hứa hôn được ba năm, nay còn sáu tháng nữa cưới thì hết nhiên đoạn giao. Sinh vừa tốt-nghiệp Đại-học sư phạm năm ngoái. Được bổ dạy học ở tỉnh nhà, gần gia đình, gần người yêu ... Cuộc đời như vậy có thể gọi là may mắn. Nhớ hôm gặp nó ngoài phố, tôi hỏi :

— Bây giờ tốt-nghiệp đang hoang rỗi, tha hồ sướng nhé ? Hồi mới đỗ tú tài, cậu cứ lo là thiếu vai vế bà con thì thi vào Đại-học sư-phạm chả có hy vọng đỗ.

— Vâng, đỗ rồi cũng là một đợt khỏe. Được về gần nhà cũng là đợt khỏe thứ hai. Có mấy thằng bạn của em bị đưa đi Banmethuot nó bỏ luôn.

— Sao vậy ? Đi vài năm rồi xin đòi về miền xuôi.

— Đợi vài năm thì đã «lúa» đời mình rồi. Lương Đại học sư-phạm độc thân có tám ngàn. Tụi nó ở lại Saigon làm cho sở Mỹ phây phây cũng được mười lăm ghim mỗi tháng.

Thời thế đổi thay ! Mới chừng ba, bốn năm trở lại đây thôi mà những giá trị trong xã hội đã đảo lộn kinh khủng. Trước đây những giáo sư trung học xuất thân từ Đại học sư phạm ra được có giá. Thiếu nữ thích chọn một người chồng trí thức làm ăn nhu mì. Đó là truyền thống của mẹ, của bà nội trao lại. Các cô không ưa sĩ-quan mang tiếng là kém trí - thức hơn. Đến lúc chính phủ Ngô Đình Diệm ra sắc lệnh động-viên tất cả những người có bằng tú tài trở lên cho vô Thủ-đức làm nhiệm vụ quân dịch thì quan-niệm của các bà mẹ và các cô lần lần thay đổi. Nhà nào cũng có con, có anh mặc quân-phục. Những anh chàng nhu mì trắng-trẻo nặn đầu là ra triết lý và công thức đó, cuối cùng đều mặc kaki. Kỹ sư, tiến sĩ ở bên Tây về cũng đều thấy vô Thủ-Đức hết. Rốt cuộc Thủ-đức trở thành một loại bảo đảm mới. Song song với tình trạng chiến tranh đó là sự đào luyện quan-niệm Đẹp do phim ảnh ngoại-quốc đảm trách. Người anh hùng của thời đại là người đấm đá giỏi, lăn vào hiểm nguy mà không biết lạnh ở xương sống lưng, lái máy bay nhào xuống họng súng địch cũng tươi cười như ngồi tán tỉnh các cô trên băng đá ngoài vườn. Kết quả là những cô thiếu nữ tân tiến bạo dạn khiêu vũ giỏi và thích hội hè đều chọn nhà binh. Còn lại những cô nhu mì tính toán làm ăn mới chọn Đại-học sư-phạm hay Quốc-gia hành-chánh. Văn giai thua võ giai bắt đầu từ đó. Nhưng chưa

hết. Khi vật giá cao vọt mà lương tháng cầm chừng không chịu vọt theo thì vẫn giai bị sụt giá rõ ràng nữa. Nạn nhân cụ-thể là Sinh.

Sinh ngồi than thở ở xa-lông nhà tôi.

— Dẹp hết tình nghĩa. Chữ tình chữ nghĩa trở thành lạc hậu, lảm càm. Bây giờ người ta chỉ biết chữ tiền. Lương em độc thân có hơn tám nghìn. Cưới vợ được chín nghìn. Tiền nhà mỗi tháng ít nhất ba nghìn, Tiền chợ, tiền gạo, tiền điện, tiền quần áo phấn son, tiền xi nê, tiền Bác-Si... đủ thứ tiền. Ly nước mía năm đồng. Bác phở ba chục.

— Huề nó bỏ Sinh để lấy ai ?

— Một anh thông ngôn lương hai mươi lăm ngàn.

— Sinh biết chắc ?

— Chắc. Nó mang pick-up, magnétophone đến bày ở phòng khách nhà nàng ngồi. Ông cụ nàng thôi uống ba xi để sợ đồ mồ hôi chua mùi gạo. Ông cụ tuyên bố với người quen là không thể sống được một ngày nếu thiếu Old Fitzgerald và Seven Crown. Thằng em nàng đeo máy ảnh Canon phóng xe Suzuki chạy cả ngày ngoài phố.

— Nó nói như thế nào để đoạn giao với Sinh ?

— Chẳng nói gì hết. Em đến nhà thăm mà không được gặp thì đã thoáng biết. Đàn bà rất có nhiều có đề mà bận nhưng những có khác nhau đã dùng hết nên cuối cùng chị của Huề phải nói thật.

— Rất là khó nói khi lời từ hôn của mình trắng trợn quá.

— Em cũng quên đề ý bộ mặt của chị Huề khi nói nó ra thế nào, nhưng em chắc là cũng chả có gì ngượng lắm. Thời bây giờ người ta trắng trợn và như vậy thì được khen là cởi mở hợp thời.

— Tôi, vẫn còn thắc mắc. Có phải chỉ vì lương của Sinh thua lương của thông-ngôn mà bị đoạn giao hay còn lý do nào khác ?

— Chỉ có thế. Làm thầy giáo thì quả tình không giàu được. Em cũng đang lo làm sao dành dụm cho đủ năm chục ngàn để cưới vợ.

— Có thể bày biện ít đi, hạ bớt tiền chi phí xuống.

Sinh lắc đầu.

— Khó lắm. Thằng Uyên bạn em nó vừa cưới vợ. Tốn một trăm ngàn. Chạy tiền mua nữ trang, nẹp-tài, in-thiệp, đặt tiệc cưới, mời đưa họ, đưa họ từ Huề vào đây, phải có lọng, có xiềng, có phu ôm cặp ngỗng, có đồng nam đồng nữ đi kèm... Trong khi bố thằng Uyên đau ung thư ở gan không có tiền đi Grall. Bố nó phải hy sinh vì con. Già rồi, thôi chết cũng được. Thật là một vụ sát nhân.

Tôi rót nước thêm cho Sinh rồi nói :

— Thế Sinh cũng buồn chứ ?

— Có. Nhưng chả bao nhiêu. Giận đời thôi. Không phải buồn về mất vợ mà buồn vì đời sao nó chó thối.

— Tiếc ?

— Hoàn toàn không. Nếu không có vụ thông-ngôn thì làm sao em biết được tình thật của Huê và của gia-đình Huê ? Quen ba năm rồi mà em nào có rõ ? Lúc nào cũng đẹp đẽ tử tế, cao thượng. Chị hãy tưởng tượng nếu chúng em cưới nhau rồi và sau đó em mới phát giác ra tính xấu đó.

— Chị tưởng đó cũng là những khuyết điểm thông thường.

— Em chưa kể chị nghe chuyện này : Huê có khoe với con Minh Châu bạn của em là Huê sắp lấy một ông phó kỹ-sư Việt-Nam làm cho nhà tạo-tác Hoa-kỳ. Ông phó kỹ-sư đó nhà giàu lắm. Bố nguyên là tỉnh trưởng. Minh Châu nó không biết công chuyện giữa em và Huê nên nó mới thuật lại một cách tự nhiên và Huê cũng không biết Minh Châu nó quen với em nên nàng mới tha hồ nói khoác. Viên Phó kỹ-sư chính thực là anh thông ngôn đó. Bố anh ta mở tiệm tạp hóa ở Qui-nhơn, có ứng-cử quốc-hội thời ông Diệm nhưng hình như kết quả không ra gì. Thăng cử hay thất cử, điều đó chẳng có ý nghĩa gì đối với mình. Nghề nghiệp không làm vinh hay làm nhục con người.

Sinh nhìn xuống đồng hồ và xin cáo từ.

— Đề em đi lại thăm bạn một chút.

Tối đó tôi kể chuyện Sinh cho Thuýên nghe. Thuýên bảo :

— Trong thời đại của chúng ta, người ta ghét cái nghèo như ghét hủi.

— Ghét nó thì chỉ làm khổ mình thôi. Hồi xưa ông Thánh dạy người « an bản lạc đạo » Thuýên ngắt lời tôi :

Hồi xưa ông Thánh làm được. Ai cũng ăn cơm rau mặc áo vải, cắt cái mo làm quạt đay tấm tranh tấm rạ mà lợp nhà. Thời nay chúng ta cần proteine, cần sinh tố giải khát không đơn giản bằng nước lã hay nước vối mà bằng bireley's, đi lại không bằng đôi chân mà bằng ô-tô. Bao nhiêu là tiện nghi cần thiết. Con mình lớn không thể không cho đi học.

Tôi ngẫm nghĩ : Thuýên nói cũng phải. Cho dầu tôi hy sinh trong đời sống vật chất của tôi để an bản, mua cái thông thả trong tâm hồn nhưng tôi không thể bắt con tôi cũng hy-sinh theo, Nó phải lớn, phải học, phải bằng người. Mà sự học thì tốn kém lắm, ở Trung học, ở Đại-học. Người có tiền cho con ra ngoại quốc du học. Bao nhiêu là gánh nặng,

Căn nhà ở trước mặt tôi của một ông công chức. Không biết từ ngày nào bỗng dưng thấy có vài người Mỹ vào ra. Hàng rào bằng cây bông giấy bị chặt rụi, dọn dẹp khoáng đãng khiến ngôi nhà như tăng thêm chiều cao. Bác Tư xích lô gái bảo rằng ông chủ thu dọn xuống ở nhà bếp còn nhà trên cho thuê.

— Phải dọn cả bàn ghế xa-lông, bàn thờ xuống một cái bếp hẹp. Phải che thêm tôn cho lũ con có chỗ ngủ.

Tôi thấy có giọng đả kích trong khi bác nói đến tiếng « bàn thờ ». Tôi bảo :

— Có lẽ vì đời sống đắt đỏ quá nên mới bị bắt buộc như vậy.

— Nhưng ở chật chội thì trẻ con nó bệnh. Nhà đông con, đến sáu đứa vừa lớn vừa nhỏ. Lại thêm có ông cụ bà cụ.

— Ông ta có thể nghĩ khác : phải kiếm thêm tiền để mua ăn đầy đủ cho lũ con.

— Tôi không chịu vậy. Nhà cửa của mình, chỗ thờ Thần thờ Thánh của mình mà bây giờ để lũ nó đem đi thỏa vô chơi bởi giỡn hớt trong đó. Thà nghèo chịu nghèo, không cho mượn nhà thì đã chết ai.

Con người vốn có tính độc miệng. Tôi nghĩ rằng khi túng, ông công chức đó có thể ở xúm xít lại, chịu chật một chút để có thêm tiền chi tiêu trong nhà. Có gì là phi nghĩa, phi luân lý, phi đạo đức đâu ? Đồng tiền đó không do sự lừa đảo mà có, không nhờ gây thiệt hại cho ai mà có. Nhưng bác Tư không bằng lòng và tôi thấy bác cứ lưu ý dòm ngó sự vào ra của mấy người Mỹ và của mấy cô giang hồ. Bác lại bắt tôi phải biết đến nề nếp sinh hoạt của căn nhà trước mặt đó,

— Mấy thằng Mỹ, ở trần lòng lá đầy ngực. Còn bận cái quần đùi gì mà chật bó và dài thậm thượt tới đầu gối vậy ?

— Đó là kiểu cách tục lệ của họ, tôi trả lời. Quần rộng hay chật là tùy theo phong tục và ở nước họ kiểu áo quần thay đổi từng năm.

— Nhưng còn mấy cô giang hồ ? Bận quần áo lò lủi vú hỏ mông. Con nào con nấy vú to như trái đu đủ.

— Tôi chỉ cười và nhìn sang bộ ngực bác Tư lép kẹp như con cá hổ. Bác gầy yếu hóm hèm, da vàng bủng như một người sốt rét kinh niên. Lúc nào cũng vẫn hùm hụp một cái khăn trên đầu.

Bác Tư trai cũng thường được vợ gọi ra chỉ nhỏ nhưng trông bác thân nhiên bình tĩnh.

— Thầy kệ. Chuyện ai nấy lo, việc ai nấy làm. Họ làm đi thì cũng như mình đập xích-lô.

Chừng nửa tháng sau đó, vào một buổi tối, bác Tư trai uống rượu say mặt đỏ như một miếng các-tông lịch rồi bước lên phòng chúng tôi, lè nhè bảo Thuyên :

— Thầy coi chỗ nào rộng rãi thầy thuê. Tôi lấy lại nhà để ở.

Tôi choáng váng vì tin đuổi nhà đột ngột đó.

Thuyên khôn ngoan không cãi lại mà chỉ nhẹ lời năn nỉ :

— Xin bác nằm ơn... Chỗ bà con quen biết. Một đêm nằm bằng một năm ở.

«Bà con quen biết» ! Thật quá dễ dề trở thành bà con. Nếu tìm thuê nhà dễ thì chắc chắn là Thuyên không chịu nhận một người bà con như vậy. Thuyên lại khéo tìm một câu tục ngữ hợp cảnh «Một đêm nằm bằng một năm ở». Nói tục ngữ, con người trở thành nhu mì hiền hậu khúm núm nhẵn nhụi. Tỏ rằng mình là người bình dân, ngang tầm với trí thức bình dân nghĩa là gần gũi với người đối thoại.

Tôi ái ngại nhìn Thuyên. Anh có dáng lúng túng của một người học trò không thuộc bài. Tôi chợt có ý nghĩ anh đang trả nợ nhân quả cho những thế hệ nhân viên hành chánh lớp trước của anh : Ngày xưa, làm hành chánh nghĩa là có quyền hống hách. Một người tốt nghiệp Y khoa đại học không được kính trọng bằng một Tri huyện xuất thân làm thư ký hành chánh. Bây giờ đến lượt Thuyên phải trả nợ.

Bác Tư không tỏ ra cảm động, nhượng bộ. Tôi có cảm tưởng là bác cũng chẳng suy nghĩ gì hết khi tôi nhìn làn da mặt màu đỏ hừng hực và đôi mắt quăm quăm. Có thể là bác sắp ngã gục xuống để ngủ một giấc nặng nhọc. Bác lại nhai nói lại hai câu căn-bản bác đã chuẩn bị sẵn ở nhà trước khi đến ngồi đây.

— Thầy coi chỗ nào rộng rãi à à .. Tôi lấy nhà lại ở.

Thuyên không phải là người thiếu khôn ngoan. Luật lệ anh cũng thuộc lòng nữa. Tôi nhìn anh đi lò dò rón rén giữa những khoảng luật lệ còn có thể đặt chân đến, nhưng luật lệ áp dụng quá linh động trong một xã hội trải qua quá nhiều phong trào cách mạng, linh động đến mức nhiều khi ta tìm không thấy dấu vết luật lệ ở đâu nữa ?

— Thời giá đất đỏ, tuy Nhà nước không cho phép tăng tiền cho thuê nhà nhưng chúng cháu cũng đã định thưa với bác là đề gởi thêm cho bác mỗi tháng một ngàn rưỡi.

Dài dòng làm sao ? Quanh co làm sao !

Bác Tư lè nè ;

— Ai lấy tiền thêm chi của thầy. Thầy coi có chỗ nào rộng... à à... Tôi lấy lại nhà đề ở.

— Xin bác vui lòng giúp đỡ.

— Tôi lấy lại nhà...à à... đề ở.

Thuyên đứng dậy trước :

— Thôi, bác đã nói vậy thì cháu biết vậy. Bác đề cho thông thả, cháu sẽ liệu.

Bác Tư đứng dậy theo. Cái đầu quay ngật ngừ và đôi tay vung vẩy.

— Thầy coi...à à.... có chỗ nào khác. Thầy kiểm gấp gấp.

Chúng tôi không ngạc nhiên lắm về trường hợp xảy đến cho mình. Bao nhiêu người thuê nhà đã gặp tai nạn như vậy vài tháng nay. Luật lưu cư còn được áp dụng nên nhiều chủ nhà dùng những phương pháp tà đạo. Anh Nghĩa công chức ở Ty Ngư nghiệp bữa nọ đến chơi than rằng:

— Không trả nhà cho nó là nó cứ sai con đánh nhau la khóc cả ngày, la ngay ở cửa sổ nhà mình vào giấc nghỉ trưa.

— Con họ la thì cả mình và cả họ cùng nghe — tôi nói :

— Nhưng mà chúng nó vừa gào vừa khóc, vừa chửi vừa nói tục, mình chịu sao nổi ? Chúng nó còn rủ nhau đến tiêu ở cửa nhà mình xèo xèo như ngựa đá. Mụ vợ lắm lời cứ cách bữa thì lại chửi xỏ chửi xiên nói xa nói gần.

— Có sự bất tiện đó là bởi chủ nhà và người thuê ở gần nhau.

— Vâng. Tai nạn ở chỗ đó. Thằng bạn tôi làm ở Ty Y Tế thì bị cúp điện bất ngờ. Tắt công tơ hồi chín giờ rưỡi tối còn từ bảy giờ đến chín giờ rưỡi thì tha hồ chớp tắt. Có khách đang nói chuyện thì chợt tắt. Bốn phía, nhà ai cũng sáng. Đập cửa hỏi thì suýt điều cãi nhau. Có một cơ bất khả kháng đề mà trưng ra là đứt cầu chì. Túng quá và chịu lì, nó luôn luôn sẵn sàng đèn dầu. Nó đã sống mười năm kháng chiến rồi nên nó đã quen với đèn dầu.

Thuyền nói :

— Ở kháng chiến đèn dầu hỏa còn là xa xỉ phẩm. Đồng bào thắp đèn dầu dừa, đèn dầu phộng, những thứ dầu tự mình sản xuất lấy. Nhưng có một nỗi khổ là khi đã quen với đèn điện, nhất là đèn nê-ông rồi thì nhìn vào đèn dầu lửa cũng như nhìn vào đêm tối. Không thể đọc được sách.

— Nhưng chủ nhà họ sống cách nào mà có thể tắt đèn lúc nào cũng được ?

— Khi mà họ đã lập tâm thì có khó chi ? Chiều đã ăn cơm xong. Mình ăn trễ là lãnh đủ bóng tối suốt bữa ăn. Thằng bạn tôi có con nhỏ nên nỗi khổ của nó nằm vào giữa khuya, trẻ đi tiêu, trẻ tiểu, trẻ đòi uống sữa, trẻ ẵm đầu...

Tôi muốn bệnh theo người vợ của anh bạn đó. Tưởng tượng giữa khuya mà lò mò tìm hộp diêm đốt đèn rồi cầm cái đèn đỏ mù đi loạng choạng giữa những khối bóng tối. Tôi nói :

— Rút kinh nghiệm, mình nên thuê nhà của những chủ ở cách xa mình.

— Chưa bảo đảm. Thằng Tiểu bị chủ nhà nó dọa sơ sơ : anh coi chừng. Nếu anh không liệu trả nhà thì có bữa anh sẽ bị du đũa cho nếm dao găm. Thằng Tiểu không phải là tay nhát. Nó xuống Ty Cảnh sát thưa luôn. Cảnh sát mời chủ nhà đến hỏi cung, lập biên bản. Nhưng con vợ thằng Tiểu nó sợ. Năm chiêm bao liên miên và toàn thấy chồng bị vỡ đầu, rách mặt thủng ruột. Nó bỏ ăn, phát bệnh và cuối cùng dầu được Cảnh sát hứa sẽ bảo đảm an ninh nhưng nó cũng đành dọn nhà chịu đi tìm xó khác.

Làm thầy giáo cô giáo trong giai đoạn này cũng đỡ khổ hơn đôi chút. Hy vọng nhà trường có dư vài phòng học và xin ở cho qua cơn ngặt.

— Có dư phòng học ? — tôi hỏi. Tôi cứ nghe dân chúng than thở thiếu trường thiếu lớp, trẻ em không có đủ chỗ học. Mỗi năm trường công chỉ thu nhận một số ít. Số còn lại phải đi học ở trường tư, phải trả tiền tốn kém.

— Trên thực tế thì trường học và phòng học không thể nào gọi là đủ, chứ đừng nói là dư. Nhưng không hiểu do những khuyết điểm ở cấp nào, do những nhược điểm về tài chánh ? mà có trường dư phòng học. Chắc-chắn không phải do thiếu học sinh. Người ta nói thiếu giáo sư, bộ Giáo dục bỏ thiếu. Thiếu giáo-sư thì phòng học bỏ không, học-sinh phải ra trường tự học. Trong trường hợp đó thì phòng học dư nên để cho thầy giáo ở. Như vậy không phải là không hợp lý.

Thời Pháp thuộc, làng nào cất trường cũng lo cất kèm thêm một tư thất cho ông thầy giáo ở một góc vườn trường. Thời nay thỉnh thoảng đi ngang qua một đôi trường tôi thấy có vài phòng nằm cách biệt có treo bức sáo gỗ và dăm chậu phong lan nở hoa tím. Có những đường dây thép trên đó phơi sơ-mi màu hồng màu vàng và đặc biệt là xung quanh giếng nước có trồng những bụi ớt, những bụi tía tô, có rãnh rau muống rau lang và vài cây đu đủ.

Những điều nghe, biết khiến Thuyên dè dặt không dám đưa luật lưu cư ra dọa bác Tư. Cuộc sống muôn mặt có những luật lệ của nó. Phải tìm đọc những đạo luật đăng trên công báo vừa lắng nghe những luật lệ khẩu-trước lưu hành từng thời kỳ trong xã hội.

Đầu tháng Thuyên trả tiền nhà một nghìn năm trăm đồng nhưng bác Tư không nhận. Bác hoàn lại cả số tiền và lặp lại lời yêu cầu “Thầy đi tìm chỗ nào...”

Những điều anh Nghĩa thuật lại hôm trước lần lượt xảy đến cho chúng tôi Bác Tư gái khai mạc. Thật là điều đáng ngạc nhiên vì bác vừa tỏ lòng kính mộ đạo đức. Bây giờ thì bác lại nói cạnh nói khé, rửa sả cả ngày :

— Mồ tồ cha mi. Lì lợm như con chó. Nặng hơi mỗi nghìn. Nói nhẹ không chuyển, đợi người ta đào mồ cuốc mả lên răng ? Ăn học chữ nghĩa làm chi mồ ? Đông hồ viết máy mang chi cho nhục nhả ? Lịch sự lắm nờ. Áo dài ni lông, xắc đầm, tóc uốn, môi son để đi làm đi nờ. Mồ tồ ông bà cha mẹ mi. Tau đào mồ cuốc mả ông bà cha mẹ mi. Tau rửa răng cho cây úa lá vàng....

Tôi chưa bị một lời phán đoán nào hiểm độc và bất công như vậy.

Thằng Lâu con bác Tư hay ném đá vào lửa làm tôi giật mình. Nhưng dường như sau một cuộc hội thảo bí mật thấy rằng phương pháp đã có tổn hại cho tài sản của chính họ nên nó chuyển sang đi tiểu bậy ở góc phòng tôi. Con Cháu thì hề tôi bỏ quên cái gì ở sân ở bếp quên đẹp là nó lấy mất. Con dao, cái khăn, cục xà phòng.... cho đến cái đĩa, cái bát. May là chúng tôi không bị cúp điện vì điện dùng trong nhà phải cầu ở hàng xóm.

Tôi tự biết mình không thể nhẫn nại được. Lúc nào mình cũng có mặc cảm là mình mang lại bất hạnh cho họ. Nếu cho một chủ chứa, một cô sến thuê thì họ có hy vọng được mười ngàn một tháng. Tôi chỉ có thể cố gắng hết sức là một ngàn rưỡi. Bởi vì đồng lương không biết cố gắng. Tôi tìm về một căn nhà tồi hơn.

Chỉ có một phòng, phải kéo một cái rèm vải để ngăn đôi. Giá hai ngàn đồng. Những con số làm mình kinh hoàng.

Người ta kể chuyện rằng ông Thông Thống Ngô Đình Diệm không có ý niệm đúng về phương thức sinh hoạt của xã hội xung quanh ông. Một người có công cứu mạng giúp đỡ ông trong hồi cùng ông bị cầm tù một chỗ, sau này có đến yết kiến ông và ông tặng cho, nghe đâu ba, bốn ngàn bạc gì đó. Chắc ông nghĩ rằng với số tiền đó ân-nhân của ông có thể mua được vài chục mẫu ruộng như hồi ông còn làm Thượng thư, Tuần vũ. Nghe nói ông vẫn còn định giá năm cái một nải chuối, bốn đồng một con gà và thấy người binh nhì lãnh lương tới một nghìn năm mươi đồng một tháng là ông sung sướng lạc quan cho rằng quốc dân đang sống sung túc. Tôi không biết đó là chuyện thật hay là huyền thoại. Tôi chắc chuyện ấy có thật. — có sai chăng chỉ là chi tiết, — vì nó không có tính cách đề cao ông, nên tôi nghĩ rằng nếu ta lên núi cao năm tịch-cốc chừng một tháng thì khi xuống trần ta cũng sẽ lạc-hậu về giá cả như ông Tổng-Thống Ngô Đình Diệm.

(còn tiếp)

VÕ-HỒNG

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

Tâm sự KIM CƯƠNG

(Xin xem B.K. T.Đ từ số 225)

— Thời buổi chiến tranh phần nhiều người ta đổ xô vào tiền bạc, chỉ khổ cho những ai đi tìm tình nghĩa trong lúc này !

— Kim mất tin tưởng một đôi phần vì thấy các em thanh thiếu niên hư hỏng quá nhiều bởi ảnh hưởng của lớp người lớn gieo lại cho chúng.

— Ước vọng của Kim Cương là cố gắng : giữ khán giả càng ngày càng đông cho sân khấu thoại-kịch, rồi nhân đà đó sẽ mở một trường thoại-kịch, mời những vị lão thành, giàu kinh nghiệm về hợp tác...



Nữ nghệ sĩ Kim-Cương trong vai
Điều Thuyền

Đối diện với Kim Cương (một kỳ nữ đã sáng chói trên sân khấu cải lương) trong khung cảnh phòng khách của bà Bảy Nam hôm nay, tôi cố hình dung quang

cảnh của sân khấu cải lương những năm trước, để tìm lại vóc dáng của Kỳ-nữ Kim-Cương đã từng kênh kiệu trong vai Dương Quí Phi bắt Đường Minh Hoàng kẻ lông mày, quuyến rũ trong vai Điều Thuyền nũng nịu cho mềm lòng Lữ Bố, yêu kiều diễm lệ khi Bàng Quí Phi làm điều đứng Tổng Nhân Tôn, và kiêu sa rực rỡ trong vai Giai Nhân qua vở Giai Nhân và Ác Quỷ. Thật hoàn toàn không còn đọng lại một dấu vết nào của một kỳ nữ Kim Cương lộng lẫy huy hoàng như một nàng công chúa dưới ánh đèn sân khấu, mà chỉ thấy một cô Kim Cương với cử chỉ khiêm tốn hồn nhiên trong lối phục sức đơn sơ và ứng đối rất thông minh. Những lúc gặp câu hỏi khó, đưa vào thể bí, Kim Cương khéo léo đặt lại những câu hỏi rất tế nhị, nàng giành lấy phần chủ động để đẩy câu chuyện đi tới rất tự nhiên ; lúc này tôi mới chợt thấy thấp thoáng bóng

dáng khả năng chỉ huy của cô Giám-đốc-đoàn-Nam-Phi — Kim-Cương năm xưa, và nghệ thuật lãnh đạo của cô Trưởng-ban Thoại-kịch-Kim-Cương hôm nay. Tôi chợt rảy ra một thắc mắc, hỏi nửa đùa nửa thật :

— Nhiệm vụ bầu gánh cái lương có gì nặng nhọc hơn bầu một ban thoại kịch, mà sức khoẻ Kim Cương chỉ cho phép đảm nhiệm trưởng ban thoại-kịch? Hay là vì Kim Cương ưa thích thoại-kịch cho nên sức khoẻ gia tăng ?

Mắt Kim Cương ngời sáng:

— Chắc anh có biết qua nếp sống của anh chị em nghệ sĩ và nhân công sân khấu của vài đoàn cải lương ở đây chớ ?

Tôi ngập ngừng đáp có.

— Như anh đã biết, thì trừ một vài đào kép chánh có đầy đủ phương tiện sống riêng biệt, còn hầu hết đều ăn, ngủ tại rạp hát suốt thời gian biểu hiệu của của đoàn hát dựng trước cửa rạp ấy. Họ sống no đủ hay thiếu thốn là do số tiền thu được của đêm hát đó cho phép quản lý đoàn hát phát lương đủ hoặc lương dư mi hay phát tiền cà-phê. Nhiệm vụ của người bầu gánh là phải luôn luôn gắn liền với cuộc sống đời no của mỗi cá nhân trong đoàn hát, phải bận tâm thường xuyên đến sự suy thịnh tồn vong của đoàn hát, từ năm này qua tháng kia, có thể ví như một vị quản-gia trong một đại-gia-đình. Đó là chưa kể đến việc cạnh tranh với đoàn khác, đến việc mua đào chuộc kép chiều đãi soạn-giả, đối đãi với nhân-viên hữu-trách vân vân... Còn đối với nhiệm vụ của một người đứng ra tổ chức ban thoại-kịch thì....

Nói đến đây, Kim Cương vói tay bung ly xá - xì, lắc lắc mấy cái,

uống xong hớp nước ngọt nàng nói tiếp :

Thiệt tình mà nói thì tổ chức và duy trì cho được một ban thoại-kịch có trăm ngàn lý do khó khăn, không thể nào nói cho anh nghe đầy đủ được. Chẳng hạn như chuyển đi Đà Nẵng—Huế của Kim tổ chức vừa rồi. Anh nghĩ coi, chương trình đã quảng cáo ngoài đó cả tuần trước, 7 giờ sáng mai phải có mặt ở phi trường, mà 9 giờ tối hôm nay, Thanh-Tuyền và Minh-Hiếu mới báo tin là kẹt không thể nào đi được. Và còn nhiều khó khăn khác nữa, ví dụ như trong những ngày đang trình diễn chẳng phải bao giờ cũng thông suốt hoàn toàn, nào là mâu thuẫn quyền lợi giữa ban kịch và chủ rạp, chương trình phải uyển chuyển theo từng thủ-tục kiểm-đuyệt mỗi địa-phương nhưng lại vẫn phải thỏa mãn được đòi hỏi của khán giả, những đụng chạm giữa nghệ sĩ và nghệ sĩ trong nội bộ v.v.. Cũng trăm ngàn thứ chuyện làm Kim muốn điên đầu.

Tuy nhiên, giữa những cuộc tổ-chức lưu-diễn các tỉnh hoặc trình diễn ở Saigon Kim có được một thời-gian nghỉ ngơi. Vì ban thoại-kịch qui tụ anh em nghệ-sĩ với tánh cách hợp tác từng đợt một, chỉ lưu-diễn nhiều lắm là vài tuần lễ ở các tỉnh, khi về Saigon thì ai về nhà nấy, chỉ gặp nhau ở những buổi trình-diễn hoặc những buổi tập dợt. Nhờ vậy mà Kim có thời giờ để bồi dưỡng sức khỏe, chớ không mệt hường-xuyên năm này qua tháng nọ như nhiệm vụ một bầu gánh cải - lương Kim vừa nói.

Rồi Kim Cương vừa cười vừa nói tiếp :

—Kim xin phép nhắc lại rằng vì tổ chức của ban thoại-kịch có thời gian nghỉ ngơi để bồi dưỡng nên sức khỏe Kim cho phép Kim đảm nhiệm nhiệm-vụ trưởng-ban, chớ

không phải vì Kim ưa thích thoại kịch mà sức khỏe Kim gia tăng đâu nha anh !

Tôi hỏi một câu gần như ngoài đề : «Kim thường đau lắm hay sao mà phải cần có thời-gian bồi dưỡng mới tiếp tục được ?

— Kim bị yếu phổi. Nhưng hôm nào mệt quá, sau khi diễn xong một lớp, Kim vào hậu-trường mà khát nước đến nỗi phải uống luôn một lúc đến hết chai xá - xì, là nhất định trong tuần sau đó Kim bị đau...

Tôi cười hỏi đùa : Nghe người ta nói khóc nhiều thì sưng tim, sao Kim Cương khóc nhiều mà lại yếu phổi ?

Kim Cương cũng cười xòa :

— Nếu khóc nhiều mà sưng tim thì Kim đã nổ tim mà chết ngoẻo từ khuya, từ năm 1960, khi ban Thoại-Kịch Kim-Cương khai trương với vở Tôi là Mẹ ; chớ đâu còn tới bây giờ hả anh ?

Kim Cương uống một hớp xá xì, đồng thời nàng chỉ tay về ly xá xì phía trước mặt tôi ra dấu mời tôi uống rồi nói tiếp :

— Như anh đã thấy Kim trên sân khấu đó, dù là đóng kịch, Kim cũng luôn luôn sống trọn vẹn với nhân-vật trong kịch. Có những lúc khóc ở sân khấu chưa hết nước mắt, màn hạ rồi, Kim vào hậu trường còn khóc thêm cho nó đã; chẳng hạn như cảnh chị Tư Thọ May gặp lại con mà không dám nhìn trong vở Tôi là Mẹ, hoặc cảnh ghen ngào ở màn viết thư trong vở Trà-Hoa-Nữ đó, Kim ghen thật tình, nước mắt Kim ràn rụa, lẽ tự nhiên là phải thấm xuống khán giả, có phải không anh ?

Tôi gật đầu tán đồng rồi hỏi tiếp : Tại sao lúc Kim Cương soạn vở Tôi là Mẹ, lại ký tên soạn-giả là Hoàng-Dũng ?

Kim Cương quay vào ttong gọi lớn : Dũng ơi ! Ra mẹ biểu chút con ! Một đứa nhỏ độ 6, 7 tuổi lóc cóc chạy ra. Kim Cương bảo : « Khoanh tay chào cậu đi con ». Chờ đứa bé chào xong, Kim Cương đưa ly nước xá - xì cho nó uống một hớp rồi bảo : « Thôi đi chỗ khác chơi đi con » Chờ đứa nhỏ đi khuất sau khung cửa, Kim Cương mới hạ thấp giọng :

Hoàng Dũng là tên thằng nhỏ đó, đó anh. Vì thích có một đứa con, nên hồi năm 1960 Kim xin nó đem về nuôi làm con. Bấy giờ cũng đang dịp Kim soạn vở kịch dài «Tôi là Mẹ» để trình diễn đêm khai trương ban Thoại Kịch Kim Cương, vì muốn đánh dấu một kỷ-niệm Kim mới lấy tên Hoàng-Dũng của nó khi giới thiệu tác giả vở kịch ấy trong đêm khai trương. Và Kim mới có đứa con gái nuôi tên là Bích Liên, không chừng sẽ có vài vở kịch Kim ký tên nó. Sở dĩ Kim tự soạn lấy kịch cho ban kịch của Kim diễn là vì lúc ấy mấy ông soạn giả hay làm eo quá, nhận tiền tác-quyền rồi mà không chịu đưa kịch cho mình, gần tới ngày khai-trương, Kim thúc hoài mà chẳng thấy mấy ông soạn được màn nào cả. Túng quá, Kim đánh liều soạn thử, do đó, Kim không dám ký tên là Kim Cương, vì sợ kịch sẽ không thành công khi trình diễn...

Tôi hỏi : Xin cho biết Kim Cương soạn thoại-kịch như thế nào ?

Kim Cương cười với ánh mắt láu lỉnh :

— Chắc anh nghi rằng Kim bỏ tiền mướn người khác soạn những vở kịch ấy rồi ký tên Hoàng-Dũng, để đến bây giờ Kim nhận là của Kim Cương chớ gì ?

Tôi toan cãi chính, Kim Cương đã đưa tay phác một cử chỉ bảo dừng, rồi mỉm cười nói tiếp :

— Hồi đó Kim còn ở đường Lê Lai, mỗi lần soạn kịch, Kim và ba người thư ký đánh máy, vào phòng có máy lạnh, đóng cửa, miễn tiếp khách có khi đến hai ba ngày trong thời gian Kim soạn kịch. Kim đi qua, đi lại giữa phòng vừa nói vừa diễn tả điệu bộ các vai trò trong vở kịch ấy cho ba người thư ký đánh máy theo, cho đến lúc mệt quá, thì nằm khoèo ngủ tại chỗ. Máy người thư ký đánh máy mệt quá cũng ngủ theo. Khi thức giấc lại tiếp tục cho đến hết vở kịch. Đó, phương pháp soạn kịch của Kim giản dị và thực tiễn như vậy đó.

Tôi lại hỏi : Khi vở Tôi là Mẹ đã thành công, thì những vở sau đó như vở Cuối đường hạnh phúc, Mưa Nguồn, Trà Hoa Nữ v. v. Kim cũng vẫn ký Hoàng-Dũng mà không đổi là Kim-Cương, lại chờ ngày ở Pháp về, mới tuyên bố Hoàng-Dũng, tác-giả trên hai mươi vở thoại-kịch trên sân-khấu thoại-kịch Kim-Cương chỉ là một biệt-danh của Kim-Cương ? Có gì bí ẩn chăng ?

— Thú thật, lúc ấy một phần là do bản tính khiêm nhượng của Kim, hai là Kim chưa dám tin ở khả năng soạn thoại-kịch của mình, cho nên sẵn dà Hoàng-Dũng thì đề luôn cho nó tiện. Đến ngày Kim ở Pháp về, những vở mới soạn như « Khát-sống » « Người nuôi hy-vọng », « Nước mắt con tôi », « Chiều sâu vực thăm » v.v... Kim cũng vẫn đề là soạn giả Hoàng-Dũng đó chớ, nhưng đã có một số đông bạn thân biết do chính Kim soạn, đã hỏi, thì Kim phải nói, rồi anh em nhà báo phổ biến trên báo. Câu chuyện giản-dị như một với một là hai, có gì bí ẩn đâu anh ?

Tôi chưa biết trả lời sao cho phải, thì Kim Cương đã nói tiếp :

— Kim nói thiệt anh nghe, cho đến bây giờ Kim vẫn ước ao có một đứa con hơn là có chồng. Có nhiều khi Kim thích được hưởng cái cảm giác nằm nhà bảo sanh, được nghe tiếng khóc oa oa của một tác phẩm bằng xương bằng thịt do mình sáng tác, được lắng nghe bằng truyền cảm nhịp tim của một người đàn ông thân yêu nhất của mình đang hồi hộp đợi chờ từng giây phút đón đau đi qua khỏi thân thể mình.

Tôi bất giác buột miệng : « Chừng nào Kim Cương lấy chồng ? »

Kim Cương lại cười với tia nhìn thật tinh nghịch :

— Kim xin hỏi lại anh, chừng nào Kim lấy chồng ?

Tôi ngập ngừng : « Chừng nào Kim Cương gặp người hợp ý và chừng nào Kim Cương thích lập gia đình... »

— Đâu có dễ dàng và giản dị như vậy anh ! Còn phải do điều kiện chủ quan là gia đình Kim, điều kiện khách quan là người đến với Kim. Mọi việc thì Kim giải quyết rất nhanh chóng và cũng rất dễ dàng, nhưng chỉ có việc lập gia-đình là Kim chưa giải-quyết được. Sở dĩ Kim đắn đo là vì « lập gia đình thì rất dễ, mà giữ được hạnh phúc cho bền thì rất khó ». Vì theo quan niệm của Kim thì muốn giữ hạnh-phúc lâu dài, cả hai vợ chồng đều phải biết nuôi-dưỡng tình-nghĩa gia-đình mỗi ngày, phải biết chăm sóc và giúp đỡ nhau nuôi dưỡng tình nghĩa ấy...

Kim Cương chờ tôi đứng dậy bắt tay chào ký giả lão thành Trần-tấn-Quốc (một trong số hai người khách của bà Bảy-Nam) chẳng biết đến từ bao giờ và tôi chỉ nhìn thấy lúc bà Bảy tiến từ nhà trong ra, đi ngang qua chỗ chúng tôi ngồi. Thấy tôi đứng dậy, người cha

đề của giải Thanh-Tâm vui vẻ vỗ vai tôi nói « cứ tiếp tục câu chuyện đi ». Sau khi khách và bà Bảy đi rồi, Kim-Cương nói tiếp :

— Chắc lúc này Kim khó lập gia đình lắm ! Chẳng phải tại Kim đòi hỏi một người đàn ông phải hội đủ điều kiện này, điều kiện nọ đâu. Nhưng mà... ít nhất, người đàn ông ấy cũng phải có tâm hồn chút đỉnh. Mà người có chút đỉnh tâm hồn, chắc là khó đến với Kim lắm !

Một loạt tiếng đại bác nổ rất gần, rung chuyển cả nhà cửa, ngắt quãng câu nói của Kim Cương, sau đó nàng nói tiếp với giọng buồn buồn :

— Từ sau ngày Kim ở Pháp về nước, cũng có vài người « đến » với Kim, nhưng Kim xin thú thật với anh rằng sau những lần gặp gỡ xã-giao trong vài địa-diểm sang trọng, đến lúc ra về, Kim bỗng bàng hoàng vì bất thần Kim nghe tiếng đại bác từ vùng ven đô ì ầm vang vọng lại... Dường như những tiếng trái phá nào nùng ấy đã vô tình đè bẹp những câu tâm tình âu yếm vừa phảng phất đâu đây. Bởi những mâu thuẫn nội tâm của Kim đáng ghét như vậy cho nên Kim nghĩ rằng chẳng còn ai có thể thương mình được nữa ?

Tôi nhìn ra bên ngoài trời trắng sáng vắng vặc lóng lánh trên lá cành cây bờ rào phía ngoài cửa sổ, tôi nói :

— Coi bộ Kim Cương cũng bị quan dữ, chắc Kim Cương chán Saigon lắm ?

— Saigon đối với Kim còn đẹp lắm chứ anh ! Anh nhìn ra ngoài trời trắng mà xem kìa ! Những đêm đẹp trời như đêm nay, không biết ở Saigon hiện giờ còn được mấy người cũng trông thấy trời Saigon còn đẹp như Kim đang thấy ? Anh nói

Kim bị quan, Kim chán Saigon thì oan cho Kim lắm. Sự thật, Kim chỉ mất tin tưởng một đôi phần vì Kim thấy các em thanh thiếu niên hư hỏng quá nhiều bởi ảnh hưởng của lớp người lớn gieo lại cho chúng. Kim rất buồn phải nhìn thấy chúng bước vào lãnh vực sa đọa như dân quê Vietnam quen bước trong cảnh bom đạn chiến tranh ! Làm sao còn tìm thấy tình nghĩa trong lớp người trẻ ở Saigon hiện nay ? Có lẽ tình nghĩa vì sợ chiến tranh nên lánh mặt. Thời buổi chiến tranh phần nhiều người ta đổ xô vào tiền bạc, chỉ khổ cho những ai đi tìm tình nghĩa trong lúc này ! ! !

Tôi thở dài nói : Thôi bỏ chuyện Saigon đi ! Bây giờ nói chuyện những ngày Kim Cương ở Paris...

— Anh muốn biết về những vấn đề gì ? xin cứ hỏi, điều gì Kim biết, Kim sẽ trả lời tất cả.

— Tại sao không đi Nhật để học diễn xuất, vì lối diễn xuất của Nhật gần gũi với Vietnam ; hoặc xin đi Mỹ là một nước đang thịnh hành về điện ảnh mà Kim Cương lại đi Pháp ? Phải chăng có dính líu đến vụ tướng Khánh ? Và theo lời đồn thì vì bà Bảy Phùng-Há bị rắc rối sao đó ở phi trường Orly, nên Kim Cương vội vàng đem tiền qua Pháp để lo vụ ấy.

Với ánh mắt hóm hỉnh và nụ cười nở trên môi, Kim Cương hỏi lại tôi :

— Cũng lại chuyện thiên hạ đồn nữa phải không anh ? Chuyện Kim đi Pháp rõ như ban ngày, có giấy thông hành xuất ngoại của bộ ngoại giao. Trước ngày Kim đi (Kim Cương mỉm cười nhấn mạnh) và trước ngày bà Bảy Phùng Há đi độ hai

tháng, Kim đã ký một tờ giao kèo với ông Mùrì (Phạm-Văn-Mùrì) chủ quán Table des Mandarins (ở Paris), trong dịp ông Mùrì về thăm xứ sở sau chín, mười năm ông ấy nghịch với ông Diệm, nên đảo chánh xong mới dám về. Nhân dịp ông Mùrì cần một người biết đóng tuồng Tàu, đóng kịch, đóng phim, có thể ca tân nhạc, Kim ký kết đề được qua Pháp vừa học hỏi thêm, vừa được thỏa tò mò về những danh lam thắng tích mà thuở nhỏ Kim đã được học qua trong chương trình Pháp của nhà trường. Ngày Kim lên phi cảng Tân Sơn Nhất cũng bị khám xét rất kỹ, họ bắt Kim phải làm một bản kê khai tất cả những đồ đạc đem theo. Nếu Kim đi nhờ lệnh riêng của một ông lớn nào đó, thì làm gì có chuyện khám xét quá quắc như vậy; nay nhắc lại, Kim vẫn còn thấy ăm ức. Tóm lại, Kim chuẩn bị đi, đã có ký giao kèo từ trước, trước ngày Bà Bảy đi hơn hai tháng. Còn Bà Bảy, nếu lời đồn là đúng — có bị rắc rối ở Orly là chuyện bất ngờ. Làm sao đem chuyện đi của Kim có giao kèo, có chuẩn bị từ mấy tháng trước để phối hợp với một chuyện rắc rối bất ngờ xảy ra sau đó gần ba tháng, rồi kết luận rằng Kim đi Pháp với mục đích là mang tiền qua để cứu bà Bảy? Thiên hạ còn đồn những gì nữa, anh nói luôn cho Kim nghe hết đi anh?

— Nghe nói sở dĩ Kim Cương trở về quê hương là vì bị tình phụ, phải uống thuốc ngủ tự tử đến nỗi phải đưa vào nhà thương cứu chữa cả tháng mới bình phục. Sau đó, Kim Cương vì thất vọng nên quyết định trở về.

— Còn hết anh? Kim xin thêm điều Kim nghe được cho đủ bộ, thiên hạ đồn rằng ngày Kim đi Pháp cũng là trốn qua Paris để nằm nhà bảo sanh Và còn nữa, còn nhiều cái tin lặt vặt nhưng cũng ắc lăm! Nhưng mà chuyện thiên hạ đồn thì càng dính

chánh càng thêm một phải không anh? Dưới ánh mặt trời, có sự thật nào giấu kín được lâu, trước sau rồi cũng phơi bày ra ánh sáng. Trong câu chuyện họ đồn Kim uống thuốc ngủ tự tử ở Paris, Kim được nghe trong một trường hợp rất buồn cười là bấy giờ Kim đang ngồi tiếp chuyện với một người đồng hương, rất có tên tuổi trong số Việt kiều ở Paris, thì chuông điện thoại reo, ông ta điện đàm xong nhìn Kim cười ngặt : " Cô đang ngồi trước mặt tôi đây, mà trong téléphone vừa rồi bà.... báo tin cho tôi hay rằng cô " Kim-Cương uống thuốc ngủ đưa vô bệnh viện rồi. " Anh thấy có động trời không? Thôi, hỏi chuyện khác đi anh chớ loanh quanh chuyện thiên hạ đồn, thì nói tới sáng chưa hết chuyện. Anh hỏi những gì anh muốn biết nữa đi anh?

— Bây giờ xin Kim Cương kể cho tôi nghe những gì Kim Cương đã sống trên đất Pháp?

— Anh cứ tiếp tục ghi đi...

ooo

Ngày 2-5-1964 Kim Cương đến Paris nhân dịp ký giao kèo trình diễn cho quán Table des Mandarins của ông Phạm Văn Mùrì, với mục đích chính của Kim Cương là xuất ngoại học hỏi để trau giồi nghệ thuật diễn xuất kịch nghệ và điện ảnh.

Buổi ra mắt của Kim Cương ở quán Table des Mandarins vào dịp kỷ niệm đệ ngũ chu niên ngày thành lập quán này. Kim Cương gặp bà Bảy Phùng-Há ở đây cùng hợp diễn lớp Phùng-Nghị-Định (Kim-Cương vai Điều Thuyền bà Bảy vai Lữ Bố). Vì chỉ có hai người, nên phải cắt vài chỗ và bỏ bớt lời, thay vào bằng điệu bộ cho khán giả Pháp xem. Lúc đầu Kim Cương cũng ngỡ vì những lời nùng nịu của vai Điều Thuyền không



Kim Cương ở Paris

làm cho họ cười ầm lên như khán giả Việt Nam. Sau dần rồi cũng quen, nhưng không sống với nhân vật trong tuồng một cách say sưa như đã từng diễn cho khán giả Việt Nam xem.

Lúc mới qua Pháp, Kim chỉ hợp diễn với bà Bảy Phùng Há chừng ba tháng ở quán Table des Mandarins rồi thì bà Bảy không cộng tác với quán này nữa. Những ngày trình diễn ở quán Table des Mandarins và một vài quán khác nữa, Kim Cương lấy biệt danh là Phượng-Liên hoặc Ta-Ma-Ka-Wa v.v.. Và chỉ mang tên Kim Cương ở những buổi trình diễn giúp các tổ chức từ thiện của sinh viên Việt kiều, và trong lần theo nhạc-sĩ Trần-văn-Khê dự Đại Hội Âm-Nhạc Quốc-tế tổ chức tại Hambourg (Tây Đức), (1) trong ngày đặc biệt về nhạc kịch Á-Châu. Anh Trần văn Khê nhân dịp này thuyết trình về nguồn gốc kịch-nghệ Trung Hoa trong nghệ-thuật sân-khấu Việt-Nam, Kim Cương và bà Bảy Phùng

Há, (được Hội nghị mời chính thức) diễn lớp Phụng-Nghi-Đình, lần trình diễn này Kim Cương được đại biểu quốc tế hoan nghênh nhiệt liệt. Sau đó Kim Cương được mời sang trình diễn tại Viện-Bảo-tàng Nhân-chủng-học ở Thụy-sĩ, đa số khán giả là các nhà khảo cổ. Và Kim Cương được mời trình diễn tại trường Jacques Palorose tại Genève trước mấy chục ngàn khán giả Việt Kiều; Cũng dịp đó, Kim Cương còn trình diễn tại trung tâm nghiên cứu Nguyên-tử-lực Âu-Châu (có chị Mộng-Trung trình bày dân ca Việt Nam). Đó là những lần Kim Cương chính thức mang tên Kim Cương mà thôi.

Mấy tháng đầu ở Pháp, Kim Cương và cô Kim Quang là em gái (Kim Quang cùng sang Pháp với chị để theo học điều khiển máy rọi quang tuyến X (radiologie) ăn và ở tại quán Table des Mandarins. Lương mỗi tháng Kim Cương kiếm được

(1) Xin xem thêm B.K.T.Đ. số 188 ngày 1-11-1964) bài « Kịch Việt tại Ham-bourg » của Mộng-Trung.

đồng là ba ngàn quan Pháp (tính ra vào khoản trên dưới một trăm ngàn đồng bạc VN) số tiền này vừa chi phí hằng tháng cho hai chị em, vừa đóng học phí cho Kim Cương học diễn xuất (Cours dramatique) học lớp kịch câm (mime) và học thêm văn hóa Pháp (vì nàng không lãnh hội thấu đáo lời giảng của các giáo sư dạy về hai môn kể trên). « Cours dramatique » mỗi khóa hai năm, nhưng Kim Cương học có 6 tháng đầu, còn từ tháng thứ bảy trở đi, thấy không thể áp dụng cho kịch nghệ Á - châu được, nên bỏ. Về « Mime » Kim Cương cũng chỉ học có 8 tháng đầu (cours này cũng 2 năm)

Một năm sau, dành dụm được một số tiền, Kim Cương mua một căn nhà nhỏ ở Paris (mua trả góp) để hai chị em ở với nhau.

Dù số tiền hằng tháng Kim Cương kiếm được gần bằng lương một ông bộ trưởng Pháp (khoảng 3000 quan), nhưng muốn dành một số tiền để mua nhà Kim Cương vẫn phải ăn tiêu rất dè xẻn. Di chuyển hằng ngày, hai chị em Kim Cương chỉ dùng phương tiện duy nhất là tàu hầm (métro) hoặc tàu hỏa. Kim Cương rất thích đi xem kịch, nhưng giá vé thượng hạng mỗi vé đến 40 quan (khoảng 2000 VN), nàng chỉ dám mua giấy cá kèo độ 10 quan để phải leo tuốt lên ngồi trên lồng gà.

Ngoài việc trình diễn cho quán Table des Mandarins mỗi đêm, rảnh rỗi Kim Cương còn tìm đến các hãng phim, các hãng vô tuyến truyền hình để xin đóng các vai phụ, kiếm thêm tiền để đi xem các thắng tích ở Pháp và các nước lân cận. Mỗi lần đóng vai phụ một cuốn phim cho hãng phim hoặc cho đài truyền hình, nếu chỉ

đưa mặt cho có người để lãnh tiền, thì một ngày được trả công vào khoảng 6000 đồng VN. Còn vai phụ mà có diễn xuất chút đỉnh thì được lãnh từ 10 đến 12000 đồng VN mỗi ngày.

Trước khi về nước, có một hãng phim ở Paris mời Kim Cương đóng vai chánh trong một cuốn phim; các điều kiện thương lượng giữa đôi bên đề ký kết, coi như đã tạm xong, nhưng cuối cùng Kim Cương từ chối hẳn vì vai trò nàng đóng là một cô gái sống trên hoang đảo, phải lỏa thể từ đầu đến cuối cuốn phim! Dù biết rằng đây là một dịp may hiếm có để trở thành tỷ phú, Kim Cương cũng đành phải rút lui.

Ngoài sự học ở các lớp kịch nghệ Kim Cương còn được sứ quán Việt Nam Cộng hòa ở Paris viết thư giới thiệu với bộ văn hóa Pháp rằng Kim Cương là minh tinh màn bạc, diễn viên thoại kịch và tân cổ nhạc, là soạn-giả kiêm giám-đốc một ban thoại-kịch lớn ở Saigon. Nhờ sự giúp đỡ này, Kim Cương được vào các rạp hát lớn ở Paris để xem các ban kịch lớn tập tuồng, vào các phim trường lớn ở đây để học hỏi lễ lối làm việc, cách tổ chức lúc tập dượt và lúc quay phim của họ.

So sánh nền kịch nghệ nước mình và xứ người, Kim Cương nhận thấy chính quyền và khán giả của họ đều đóng góp một phần lớn trong việc nâng đỡ và khuyến khích rất nhiều cho việc phát triển nghệ thuật sân khấu nước họ. Về kỹ thuật diễn xuất, họ có trường, có giáo sư, có phát bằng cấp v.v. họ nghiên cứu và học tập rất tỉ mỉ từng động tác diễn xuất.

Tuy nhiên, vì diễn viên của họ quá chú trọng đến kỹ thuật diễn xuất một cách rất máy móc, nên họ diễn xuất thiếu truyền cảm, tẻ nhạt, không thấm được khán giả, bất khán giả phải cười, khóc theo mình; theo Kim Cương nhận xét, nếu chúng ta có phương tiện đầy đủ đề trang hoàng sân khấu, các nghệ sĩ Việt Nam có đủ điều kiện để tập dượt một vở tuồng mới thật thuần thực từ ba đến sáu tháng như họ (lúc tập, các diễn viên của Pháp được lãnh lương giờ), thì nghệ sĩ của mình cũng chẳng kém họ bao nhiêu. Nếu đem so sánh một diễn viên ưu hạng ở Việt Nam như nghệ sĩ Năm Châu, Ba Vân chẳng hạn, thì nghệ sĩ Việt Nam cũng thuộc vào hạng khó kiếm ở sân khấu kịch nghệ Pháp.

Sống ở ngoại quốc, dù vui sướng đến mấy cũng không khỏi nhớ quê hương. Hướng chi hằng ngày Kim Cương lại được nghe nhắc đến cảnh trạng lầm than của Việt Nam máu lửa. Hai năm đầu, tuy có nhớ nhà, nhưng còn lý do để ở lại Paris là hai chị em còn đang dở dang chương trình học tập. Đến nửa năm thứ ba, khi Kim Quang đã tốt nghiệp cours radiologie; và nhất là trong mấy ngày bà Bảy-Nam qua thăm, ba mẹ con sống chung với nhau một thời gian ngắn, rồi bà Bảy về nước, Kim Cương không còn lý do gì để cưỡng lại với tiếng gọi quê hương được nữa. Dù còn một năm nữa, giấy thông hành xuất ngoại mới hết hạn, nhưng Kim Cương nhớ nhà, nhớ khán giả V.N. (càng ngày Kim Cương càng thấy mình diễn xuất cho khán giả ngoại quốc xem thật là uổng, vì họ không nghe được tiếng nói để họ cười khóc theo mình) Kim Cương quyết định thu xếp trở về VN, sau thời gian sống gần ba năm trên đất Pháp.

Những ngày mới về nước, Kim Cương rất lo lắng trước sự tiếp đón nồng hậu của anh chị em nghệ sĩ sân khấu, của các anh em báo chí, sợ không biết rồi mình có đủ sức dựng lại ban thoại-kịch Kim-Cương đề phổ biến những gì mình đã học hỏi được ở nước ngoài cho sân-khấu kịch-nghệ nước nhà hầu đáp lại phần nào cảm tình của mọi người đã ban cho mình chẳng. Do đó Kim Cương cố gắng hoàn thành gấp rút việc quy tụ anh em nghệ sĩ, tập dượt nhanh chóng hai vở kịch dài (*Khát sống và Người mua hy vọng*).

Tuần lễ ra mắt ban thoại kịch Kim Cương tại rạp Thanh Bình (Saigon) với kịch dài *Khát sống* (vở này Kim Cương soạn ở Paris trong những ngày nhớ quê hương mà phải nằm chờ giấy tờ để về nước) được khán giả hoan nghênh và báo chí khen ngợi làm Kim Cương được khuyến khích rất nhiều. Đến tuần lễ thứ hai diễn vở kịch dài *Người mua hy vọng* ở rạp Nguyễn Văn Hảo lại thu hút một số đông khán giả và cũng được sự hoan nghênh của báo chí; điều này làm cho Kim Cương thấy rằng mấy năm nay sân khấu Việt Nam thiếu kịch dài, chỉ thỉnh thoảng mới có một vài kịch ngắn, kỳ dư là những vở hài kịch mục đích giải buồn khán giả trong các Đại Nhạc Hội mà thôi.

Hiện nay Kim Cương dành tất cả thì giờ cho sân khấu, cho Ti Vi, cho Đài phát thanh với ước vọng của Kim Cương là cố gắng hết sức mình để giữ khán giả càng ngày càng đông cho sân khấu thoại-kịch, rồi nhân đà đó nàng sẽ mở một trường Thoại-kịch, mời những vị lão thành, có kinh nghiệm diễn xuất như

lão nghệ sĩ Năm-Châu, Ba-Vân, Duy-Lân v.v., về hợp tác, trong lúc đó nàng sẽ đem những kinh nghiệm đã học-hỏi được của nước ngoài, phổ biến lại cho anh em học viên.

Nói xong ước vọng trên đây cho tôi nghe, Kim Cương hỏi tiếp với giọng lo lắng ;

— Anh thấy Kim có nhiều cao vọng quá không anh ? Với hoàn cảnh chiến tranh hiện nay của đất nước mình, Kim sợ ước vọng của Kim khó đạt được, phải không anh ?

Tôi mỉm cười nói đùa đề hoãn binh trước câu hỏi khó trả lời của Kim Cương :

— Câu hỏi cuối cùng đề kết thúc câu chuyện Tâm sự Kim Cương đáng lẽ phải là của người-phỏng-vấn mà rồi người bị-phỏng-vấn cũng giành luôn, tôi chỉ còn nước xin rút lui mà thôi.

Kim Cương nhìn đồng hồ tay rồi cười :

— Hơn mười một giờ rồi. Thôi, gần giờ giới nghiêm, Kim đề cho anh thiếu nợ câu trả lời đó. Chừng anh viết bài này xong, nếu anh không trả lời câu hỏi của Kim lúc này, nhất định Kim không chịu cho đăng lên Bách Khoa đâu à nhen !

Saigon tháng 8 năm 1967

(Những ngày thiếu ánh sáng)

LÊ-PHƯƠNG-CHI

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SK

HERMES

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ ĐÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

MÁ HỒNG

9 | Đại úy Trọng ngã người trong lòng ghế, hai cẳng chân ghếch trên bàn. Từ ngoài vào, hoạt chỉ thấy hai mảng để giày bành bạch và điều xì gà đen chúi chúi nằm cứng cứng giữa mặt ông, đang se từng sợi khói mảnh mai. Tôi hỏi có chuyện gì đấy, Đại úy. Chậm chạp, một làn khói ủa ra tỏa kín che vài chi tiết trên đầu ông. Đoạn ông rút điều thuốc, kẹp giữa hai ngón tay, hất về nơi cuối phòng. Trông theo, tôi gặp hai đứa bé, khoảng mười tuổi. Quần đen, Chân đất. Áo cánh có những miếng vá và không biết là màu gì. Tóc buộc kép sau lưng. Hai đứa đang ngơ ngác nhìn chúng tôi.

— Chắc Đại úy bắt ở trại tạm trú về.

Đại úy Quận Trưởng gật đầu. Tôi tiếp :

— Ăn cấp đồ tiếp tế của tỉnh ?

Đại úy Trọng hơi nhồm người ngồi dậy :

— Bộ cậu quên cái công văn mời Ty sở trưởng và thân hào nhân sĩ họp sáng nay đề bàn về kế hoạch cứu trợ đồng bào bị nạn rồi sao. Đó kết quả của những tư tưởng cao đó. Tôi một đứa, cậu một đứa. Cho cậu ưu tiên chọn trước đấy.

Tôi ngơ ngác hỏi :

— Đại úy nói vậy là nghĩa làm sao ?

— Nghĩa là mỗi vị phải nhận lãnh nuôi một nhóc ở ngoài trại tạm trú. Buồn cười, lúc xúm nhau đề chọn, không khác gì chọn heo. Ai cũng định chọn những đứa lớn.

Tôi chưa hết thắc mắc :

— Cha mẹ chúng có chịu không ?

— Kìa, bộ mình bắt cóc con nít sao. Cha thông tin thuyết một hồi những lá lành đùm lá rách, chị ngã em nâng rồi chúng tôi sẽ nuôi các cháu như con ruột, cho may mặc tươm tất và đi học tử tế, thì chờ gì mà không gửi con cho các vị, nhất là khi đang đói meo ruột. Mẹ, tớ lại sợ chính nhóc nào lọt vào tay cha thông

tin thì chỉ có nước ăn cơm nguội và rửa bát, bế em tối ngày. Nhà nó những hơn mười nời đồng, đang rất cần người làm.

Hai đứa bé vẫn nhìn tôi. Chúng nó đang nghĩ gì. Những ngón tay xoắn đan vào nhau cựa quậy yếu ớt như những con chuột mới đẻ bị bỏ ra khỏi tổ. Nửa giờ trước, có thể những ngón tay đó còn bốc những hạt gạo đồ vung vãi hay bôi tìm chấy, hay đuổi bướm hái hoa trong nắng, trong gió tung tăng. Tôi không biết sẽ phải nói câu đầu tiên với chúng như thế nào. Đại úy Trọng thả một hơi khói :

— Tớ tính hộ cậu rồi mới chộp nhóc lớn này đây. Ngày ngày cậu đi làm, nhóc đi học. Lúc nghỉ thì dọn cửa dọn nhà, giặt giũ cho cậu.

Tôi nói theo ý đang nghĩ :

— Không biết giải quyết vấn đề ăn uống ra sao ..

— Dễ quá, gọi tiệm xách cơm về nhà. Em này cũng lớn rồi, nếu cậu khéo võ thì chừng ít lâu là thành người em văn nghệ có hạng ấy chứ. Trông mặt mũi bộ cục khá lắm.

Hình ảnh Huyền vụt hiện ở trong đầu tôi. Huyền đã về nhà chưa. Còn mấy tên ma gà kia đâu. Có thể nào Huyền và tụi nó đang ngồi với nhau cười cười tính chuyện đi Saigon không. Tôi đã dợi đứng lên, làm một cử chỉ lắc đầu như người đóng kịch rồi tới trước mặt hai đứa trẻ. Ê, có em nào tình nguyện về ở với anh không. Lập tức có tiếng cười lạnh lạnh của Đại-Úy Trọng phía sau, cậu định trưng cầu dân ý hả. Tôi đáp, tôi định tìm một cái duyên hay cái nghiệp nào đó để lòng được vui. Tôi không muốn nuôi như nuôi heo.

Nói xong, tôi cúi xuống. Định xoa đầu hai đứa trẻ nhưng sao đôi mắt kia cứ như van nài cầu khẩn đừng đụng chạm tới thân thể chúng. Những tròng mắt nâu hạt dẻ in một điểm sáng trắng từ ngoài khung cửa, long lanh bất động. Bây giờ phải giải quyết ra sao chứ. Cuộc sống gán ép như vậy rồi sẽ đi đến đâu. Tôi quay lại bàn giấy Đại-úy Trọng :

— Tôi nhờ đại úy giúp cho đứa em nuôi của tôi ăn bữa trưa và tối nay. Đề buổi chiều tan sở, tôi ráng thu xếp mọi việc, sáng mai sẽ tới đón nó về.

— Không có gì trở ngại. Thế cậu tính em nào ?

— Đại úy hỏi chúng nó.

— Ô kê.

Suốt buổi chiều tiếp theo, lòng tôi như có nhiều hơi nóng. Một cảm giác nôn nao bồn chồn chột cồn lên rồi lại từ từ tan theo những tờ công văn, đơn thưa trình kiện cáo. Mình có nên mang con nhỏ về nhà nuôi ? Tôi nhìn ra ngoài khung cửa gió. Đôi gót chân Chi ghếch lên nhau đu đưa, một chiếc guốc cao gót màu vàng nằm xéo nơi lối đi. Như thế thì mình hết tiếp Chi được rồi. Có thể cả Huyền nữa. Đã bao nhiêu lần nằm với nhau mà sao chưa xoa nắn đôi bàn chân kia.

Sáu giờ, trời đã tắt nắng. Vầng trăng chênh chếch hóc trời mờ nhạt như bóng của một đồng bạc cắc nằm dưới đáy thùng nước trong. Tôi lấy xe, lái ra khỏi cổng. Cha Đạt lúc này đang ở nơi nào. Đồi mắt tôi chợt hiện choán mảnh gương chiếu hậu. Buồn đấy nhé, Đạt. Bơ vơ quá đi thôi. Chị Dung đang làm cơm hay đang dạo phố với cháu Hương. Chị có nhớ em không. Tôi cho xe chạy thẳng xuống hướng biển. Được một quãng, gặp chiếc xe của cơ quan viện trợ Hoa Kỳ đi ngược chiều. Trong phòng xe lơ nhố bốn năm cái đầu. Và khi qua ngang nhau, tôi thoáng nhận ra có con Đào. Vậy là em tiến bộ quá rồi. Những ý nghĩ vụn vặt như thế tiếp nối nhau, dẫn bánh xe lăn trên các giải đường cho tới khi thành phố lên đèn mới trở về nhà.

Nhưng tôi đã gặp chuẩn úy Giang đứng với bà Phước ở ngoài hiên. Giang reo lớn, tưởng cậu không về thì xui ơ là xui. Tôi cười, bởi cậu tới lâu chưa. Sao cậu nói buổi sáng là mai mới có mục. Giang đáp, đáng lý thì mai tới mới đông, nhưng tiện dịp với lại lâu lâu mà, cậu. Chúng tôi cùng cười, tỏ vẻ hiểu ý của nhau khỏi cần nói thêm. Tôi lấy chìa khóa mở cửa, mời Giang vào.

— Cậu tìm được chỗ tở ở kè cũng tài.

— Sĩ quan tâm lý chiến mà. Với lại ở cái tỉnh bằng lỗ mũi thì ai mà không biết tư thất của ông Phó chứ.

— Tôi đùa thân mật :

— Biết nhà đề tối tới hồi lộ, điều đóm hà ?

Giang cười, lắc đầu giả lả :

— Làm sao tớ biết được.

Đoạn Giang nhìn quanh quần khắp căn phòng, nói cậu có cái động kín đáo, sủa lẩn. Nhất định là nhiều em đã đồ lệ ở nơi này với cậu rồi, phải không. Tôi nói trước kia thì cũng văn nghệ một tí, nhưng giờ thì tu nhưn tích đức ngoan và hiền lắm. Giang gạt ngang, chắc cậu không muốn cho tớ tham dự các cuộc hành quân của cậu chứ gì. Giọng Giang mỗi lúc một lớn khiến tôi phải lảng sang chuyện khác :

— Thôi, mình đi ăn kéo hết cơm. Lát nữa tha hồ đấu láo. Tối cậu ngủ với tớ chứ ?

— Nhất định rồi. Trở ngại gì không ?

Tôi trả lời nhanh như phản ứng tự nhiên ;

— Không.

Giang cười, nắm cánh tay tôi :

— Tưởng cậu hỏi đề sắp xếp chương trình chứ.

Tôi đưa đầy cười theo, đoạn cùng Giang tới tiệm cơm. Gặp Huyền và Lâu ngồi chung bàn gần cửa sổ. Thấy tôi, anh chàng Trưởng Ty Mục-Súc mới ra trường ngoái cổ hỏi, này, cháu đâu mà bác không đưa đi ăn một thề. Tôi nghĩ Huyền hỏi

bóng gió về Huyền nên ào ạt vào chuyện đề đàn áp ngay, bác phải hỏi rõ là cháu nào thì mới phúc đáp được chứ. Huyền tiếp sau cái chặc lưỡi, thì cháu mới tiếp thâu vào gia phả của bác đó. Tôi à một tiếng, lòng thấy nhẹ bỗng, tôi cho cháu đi học rồi. Đến đây, tất cả cùng cười. Lâu hồi, mảy vớ được nhi đồng hay choai choai, Đạm. Tôi đáp, gần choai choai.

Đúng lúc mọi người tự nhiên ngừng nói như tuân một nhịp nghỉ, Giang hỏi, chuyện gì lạ thế, cho biết được không. Tôi gật đầu, kể hết mọi chi tiết. Giang không nói, không hỏi thêm. Đôi mắt anh hay nhìn ngược khiến vầng trán nổi sần những vết như trạm hình sóng nổi. Mãi tới lúc ngồi trên xe chạy dong dong trong phố, Giang mới hỏi ;

— Thời loạn là như thế phải không, Đạm.

Tôi bật cười; nói lớn :

— Định triết lý làm cầm gì đây ? Vấn đề đón người em sầu mộng ngày mai hả ?

— Tôi đang nghĩ tới số phận những đứa trẻ được đời chiếu cố sáng nay. Tại sao cậu định gửi phần của cậu ở nhà Trưởng Ty Bưu Điện ?

— Chị ấy hiền từ đôn hậu lắm, cậu ơi. Ngay từ buổi đầu mới gặp, nghe những lời luôn luôn lo lắng, nhìn nét mặt lúc nào cũng băn khoăn của chị ấy, tôi đã thấy lòng mềm yếu như lá cỏ, muốn được thuần phục chị như con thú hoang giữa sa mạc tìm thấy bóng mát của tàng cây. Tôi ao ước được xưng là em với chị. Nhưng không biết chị có thể hiểu lòng tôi không hay lại tưởng tôi âm mưu gì. Nhất là thằng chồng chị, lúc nào cũng muốn tỏ ra bay bướm, mèo chuột chắc sẽ còn nghi dử.

Nói đến Độ, tôi sực liên tưởng tới Chi. Và lập tức như có tiếng báo ở trên trời tối nay Chi tới. Tối nay Chi tới. Tôi quay sang Giang. Đôi mắt Giang đang thu hút những ánh đèn xung linh trong các cửa tiệm buôn bên đường. Vậy là mình kẹt rồi. Có thể Huyền cũng sang nữa. Đi máy bay thích lắm sao mà định theo chúng nó đi Sài Gòn, em. Chi tới. Không gặp Chi, không làm một cái là nhất định sẽ thức suốt đêm nay. Như một viên thuốc an thần cho chìm lắng những rạo rức. Bỗng tôi nghe tiếng Giang:

— Làm cách nào để em ở lại với tôi, cậu ?

— À, tôi cho mượn nhà đấy.

Giọng Giang xa xôi, — có một lần, em tới bảo khi chuyển bay từ Saigon tới đây, em sẽ xin phép các quan đề khởi ra Huế. Rồi khi máy bay từ Huế về, em lại tiếp tục nhiệm vụ trên đoạn đường về Saigon. Nhưng tôi không biết khoảng thời gian năm sáu giờ ấy, tại tôi ngồi ở đâu, làm gì cho xứng đáng. Nên đến nay vẫn chưa thực hiện. Nếu tôi ngẫm thì đấy là ước vọng không thành của em.

— Mai ra lệnh cho nàng dừng bước đi.

— Đề xem lại đã, cậu. Tôi hay sợ vợ vẫn lắm. Chẳng hạn khi gần nhau, nhớ tôi không kìm hãm nổi thì có phải khổ cho em và xấu mối tình của tôi không. Cậu phải biết suốt từng ấy năm tại tôi chỉ mới hôn nhau thôi, nhé. Nhiều khi, mẹ

ngồi bên em hứng quá, phải xin phép em về rồi đông một mách xuống xóm, làm một quả cho yên. Em đâu có hiểu những tình thiết lâm ly bi đát ấy.

Tôi bông đùa :

— Thế thì cậu xứng đáng đoạt giải Tự Lực Văn Đoàn cùng với Loan và Dũng, Ngọc và Lan rồi.

Giang cười theo. Ít phút sau, anh ngáp ngừng hỏi :

— Này, em ở cạnh nhà cậu thuộc loại chịu chơi lắm, phải không ?

Tôi nhìn thẳng vào mặt Giang :

— Ai ?

— Em tên Huyền đó. Buổi sáng, mỗi khi cậu lên máy bay, tụi lính mới cho tờ hay. Một tên thiếu úy còn biết rõ là nhà cậu ở sát nhà em và hai người du dương lắm. Cậu giới thiệu cho tờ được không ?

Tôi lắc đầu, đáp ga và nói quá nhỏ :

— Tờ không biết gì cả.

Được một quãng, tôi nói mình về ngủ nhé. Giang kêu lên, ấy đâu có được, tờ phải đi phố một chút đã. Cắt tóc gội chanh và đi một đường xẩy ép này, mua mấy ký nai khô làm quà này. Tôi không nói gì thêm. Hai tay cua bánh lái cho xe chạy ngược lối ngã tư giữa thị xã. Tối cậu cứ lại nhé. Chìa khóa ở trong khe cửa, cứ thò tay vào trong kéo sợi dây lên là thấy. Giang gật đầu, bước xuống rồi đi nhanh.

Bầu trời âm u với khối mây xám đen trĩu trĩu. Không một làn gió nào lạc lõng bay qua nơi này. Thành ra, vẫn như thường lệ, không gian của những phút vào đêm chỉ bị khuấy độ g bằng âm thanh oang oang từ chiếc loa chỗ kia nhại những chiếc loa chỗ nọ. Mình đi đâu giờ đây. Tôi liếc xem đồng hồ tay. Bảy giờ và khoảng hơn bốn mươi phút lẻ. Về nhà. Và thật nhanh, có lẽ ngay trong hai tiếng về nhà ấy, tôi đã nghĩ tới Huyền.

Nhưng có lẽ Huyền đã đi rồi. Gian nhà bên im lìm với mấy vệt sáng cô quạnh đìu hiu trên những dui mè và bụng ngói. Tôi hơi thất vọng. Tuy thế, lại có một cái gì níu kéo tôi, an ủi tôi bằng những lời thì thầm, hãy bình tĩnh, ráng chờ một chút, Huyền sẽ về. Nên tôi âm thầm nằm trong bóng tối, thấp thỏm, hồi hộp theo những tiếng động như một con thú đợi mồi bên cái bẫy đã giăng. Huyền mà sang, mình sẽ ôm ghì luôn. Nhất định không lơ mơ, lằm cằm nữa. Chứ chả nhẽ ngồi bó gối chờ tấm thân em nát nhão, ướp hàng trăm thứ mồ hôi rồi mới đến lượt mình sao. Hai cánh cửa đã khép kín. Cửa xuống sân sau, thông ra giếng và sang nhà Huyền mở rộng. Chiếc máy thu thanh ở trên bàn, sát vách vẫn đang phát những giọng hò miền Trung đề báo hiệu sự có mặt của tôi. Trong khung cảnh đó, tôi chờ mãi. Lòng ruột mỗi lúc một nóng nẩy, cồn cào. Đầu nhức nhối, vầng vất. Tôi nghĩ về tôi và tưởng tượng ra một lò lửa đang đun trong bụng, hơi dồn lên hừng hực. Rồi tiếng súng đại bác nổ rền vang từng trái từng trái tới tấp. Bóng

tối như lung lay ngã nghiêng. Gian nhà như tràn ngập những sợi tơ đàn rồi đang lênh bênh vật vờ. Vậy mà Huyền vẫn chưa về. Hay đi với mấy tên lính buổi sáng ? Tôi bực tức ngồi vùng dậy. Chờ làm chớ gì cho uổng công. Đoạn tôi mở cửa, leo lên xe. Chạy mãi vẫn quanh quẩn với mấy giải đường quen từng nơi lồi lõm. Tiếng động cơ đều đều trầm ầm. Có khi nào Huyền ngồi đi lang thang như đêm trước nữa không. Mặt chiếc đồng hồ vẫn mờ mờ như ngọn đèn ngủ. Hơi xăng cháy chưa hết vẫn thơm như mùi thuốc rửa móng tay mỗi lần tô son. Huyền. Bây giờ ở đâu. Vừa lúc ấy, một chiếc xích lô bỏ mui kín mít trờ tới. Tôi vội quay đầu nhìn theo. Ba chiếc bánh xe lăn chậm chậm. Trời chưa mưa. Mặt tôi nóng bừng như có một bó đuốc dí quá sát. Hay Chi đang du dương với Độ theo một của mình. Không suy nghĩ gì thêm, tôi nhấn ga và lái xe chạy thẳng tới Ty Bưu Điện.

Phải bấm chuông lần thứ ba và ấn thật lâu, trong nhà mới sáng ánh đèn. Rồi nhẹ nhẹ những tiếng dép lê lệt xệt. Bỗng nhiên tôi cảm thấy bối rối. Như vừa lỡ tay đưa một nét màu lạc điệu trên bức tranh sắp xong đề tự hỏi xé bằng cách nào cho hoàn toàn như trước. Nếu vợ chồng nó đang ngủ, không biết nó sẽ nghĩ sao. Nói chuyện gửi gắm con nhỏ, tin thế nào được. Lại vấn đề Chi. Tôi hừ trong cuống họng, hậm hực cha Độ thêm một dịp đề điệu mình như với đứa con nít. Cánh cửa sắt lạch cạch. Ai đấy ? Tôi vội đáp, tôi, Đạm đây, chị. Gì, sao ông bà ngủ sớm thế. Một lá sắt lật vào. Khuôn mặt chị Phương với mái tóc rối bầu bĩnh và như chiếc bánh bao. Tôi định nói một câu gì nhưng vụt quên biến khi thấy hai mi mắt chị mòng mọng như xưng nước.

— Ông ấy đâu rồi ?

— Nhà tôi mới ra phố. Mời anh vào chơi, chắc nhà tôi cũng sắp về.

Máu trong thân thể tôi vụt như mất hết hơi nóng. Da thịt tôi tê buồn kỳ lạ. Tôi nghĩ đến cái xe xích lô ban nãy. Thế thì láo thật. Nó yêu mãi rồi rồi cuộc sự thật chỉ có thế thôi. Vậy còn tần ngần lưu luyến gì nữa mà không rút khoát.

Tôi nghe giọng chị Phương hình như rung rung :

— Mời anh vô nhà chơi. Có chuyện gì quan trọng không, anh ?

Tôi ngần ngại, ngập ngừng :

— Thôi, xin phép chị đề ngày mai tôi tới. Định nhờ ông ấy gửi hộ cái điện tín thôi.

Đôi mắt chị Phương cau lại :

— Anh đánh điện đi đâu, cho ai, có gấp không ?

Tôi cười :

— Tôi có bà chị ruột ở Saigon. Đạo này bà ấy mắc bệnh lười viết thư nên tôi định đánh điện tía đề lên tinh thần bà ấy một chút. Chị thấy như vậy có suya không.

Sau đó, tôi cho xe chạy loăng quăng khắp nơi. Băng qua cả những đoạn đường chưa trải đá gồ ghề sống trâu và tối tăm. Lại bỏ hết con đường tình yêu nhỏ hẹp nơi ven biên thị xã um tùm những lùm dương mới lớn. Tôi đầu hai chiếc đèn pha cũng như hai chiếc chổi thần quét trắng từng mảng phía trước. Từng cặp, từng cặp bị bóc mất nơi ăn náu, bối rối xuất hiện tro vơ lộ liễu. Những cái đầu cúi gằm dưới cánh tay. Những vạt áo dài, những tờ báo úp trên mái tóc. Nhưng vẫn không tìm đâu ra bóng dáng Độ và Chi. Đầu tôi mỗi lúc một nặng như đội cái mũ sắt. Rồi một vật gì nhấp nhô chồm vờ trong ánh mắt, quay cuồng khi gần khi xa. Bóng đêm cũng nhầy nhụa, vây lấy tôi dày đặc. Tôi vội lái xe vọt về trung tâm thị xã. Thôi chứ, mình đi kiểm họ đề với mục đích gì? Đánh ghen? Hay chứng kiến phút giây họ đang hưởng hạnh phúc vụng trộm? Một làn gió chợt lạc vào xe, hất lên da mặt chút lạnh lẽo. Về nhà cho rồi. Phải chấm dứt. Phải chấm dứt từ đêm nay, đừng vẫn vương gì nữa nhé, Đạm.

Về tới cửa, tôi bẻ mạnh tay lái cho xe leo lên. Ánh đèn pha đốt sáng khoảng hiên, tôi chợt thấy nhiều người, cả bà Phước, đang đứng ngong ngóng lỗ nhỏ dưới cây trướng cá. Những con mắt dồn hết vào chiếc xe. Chuyện gì thế. Cánh cửa nhà tôi đã mở nhưng bên trong tối om. Bà Phước bước tới đứng đối diện với tôi, giọng bà hấp tấp;

— Nhà cậu mới chứa tên khốn kiếp nào đó?

Tôi nhớ Giang và linh cảm một điều gì không hay vừa xảy ra:

— Thưa bác, có một anh bạn làm chuẩn úy tới ngủ nhờ.

Tiếng bà Phước như chui hết vào lỗ tai tôi khiến tôi rùng mình:

— Chuẩn úy chuẩn đồ gì cái quạu ma cô ấy. Trời ơi, tôi không ngờ cậu lại chơi cả hạng mèo đang chó điểm ấy nữa. Cậu biết không, vừa rồi con Huyền đi chơi về, thấy bên cậu còn mở cửa, nó tưởng cậu có nhà nên vô thăm. Không ngờ cái thằng trời đánh ấy ôm chầm lấy nó, định làm việc bỉ ổi. Nó hét lên tôi mới hay.

Sáng hôm sau gặp Huyền rửa mặt bên bờ giếng, tôi rụt rè định nói xin lỗi Huyền, nhưng Huyền đã tươi tắn mỉm cười và nhí nhánh đưa chiếc khăn đầm nước lên lau dãi trên má.

(còn nữa)

ĐỒ-TIẾN-ĐỨC

Những ưu - thế

của văn - nghệ miền Nam

Miền Nam còn nhiều cái thuận lợi rất lớn mà miền Trung sẽ không bao giờ có được. Ấy là nhờ đất rộng nên tương đối *thống nhất* được những tiếng nói và giọng nói địa phương. Miền Trung quá chật hẹp, tiếng nói tuy ít khác nhau, nhưng giọng nói thì quá khác. Dù không phải nhà ngữ học nhưng theo tôi thì miền Trung có các loại giọng : «Thanh Hóa» có liên quan nhiều với miền Bắc. Khu vực «Nghệ-an Hà-Tĩnh, Quảng Bình + Quảng Trị, Thừa Thiên» đồng bào vẫn quen gọi giọng «trọ trẹ» ; Giọng này rất cứng nhắc khi không hiểu nói gì nhất là tiếng Nghệ-An Hà-Tĩnh, nhưng lại trở nên rất dịu, rất uyển chuyển khi vào đến Thừa - Thiên. Khối An-Tĩnh-Bình có rất nhiều thò âm giống Miền Bắc. Khối Trị-Thiên có nhiều thò âm làm gạch nối giữa hai khu ngoài và trong. Qua khỏi đèo Ai-Vân, giọng nói khác hẳn. Khác như hai người họ nội và ngoại. Chối bỏ hẳn màu sắc trọ trẹ, khu vực Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi giọng khô khan, rắn rỏi, không một tí uyển chuyển nào. Khu vực Bình-định, Phú-yên, Nha-trang nà loại giọng ấy nhưng âm thanh nhẹ hơn, dài hơn và uyển chuyển hơn, hình như là mở đầu cho giọng Miền Nam,

Ai có làm văn nghệ, cũng đều hiểu mấy điểm cơ sở này : về diễn xuất, phải nghe quen, nghe hiểu thấu đáo mới khoái và có phản-ứng rung cảm. Trong ấn phẩm, bản viết tay, phải quen lời, quen giọng, quen các thò ngữ thì xem mới thú. Có khi cả một quyển sách không kém mà chỉ vì năm ba từ-ngữ lạ, người ta có thể vứt, không xem. Nghe một diễn viên (kể cả xướng-ngôn-viên) giọng lạ, không rõ, người ta bỏ về dù anh ta có thể diễn xuất khá. Do đó, triều đình Huế ngày xưa lấy tiếng Quảng Nam làm tiếng chánh thức (1) có lẽ để dùng những khi đọc biểu, sắc cho dễ hiểu vì giọng không hay nhưng rõ ràng và mạnh. Đặc biệt là về hát bộ, cái qui-luật này rất được kính trọng : tiếng và giọng đều bắt buộc phải thống nhất. Giọng ấy là cái tinh hoa, là sự điều hòa rất khéo giữa hai giọng của khu vực Quảng-Nam và khu vực Bình-Định. Do đó sau này người Nam phần hát bộ được dễ dàng, nhưng người Huế ở sát nách Quảng Nam lại không hát tự nhiên được. Muốn hát phải đổi hẳn sang giọng Quảng Nam + Bình Định và chỉ khi nào hát đúng giọng đó mới hay. Cũng như

(1) Đại Nam nhất thống chí : tỉnh Quảng Nam,

ngày nay, ai muốn hát cải lương, tất phải tập giọng Nam phần túy. Nếu không nó lơ lơ rất khó chịu. Đặc điểm của hát bộ là còn thống nhất được nhiều giọng *hỏi ngã* mà vốn bản địa không phát âm (Điều này, nhiều người cho là do Đào-duy Từ dạy). Chính đó là lý do đã khiến hát bộ có điều kiện này nở, lớn mạnh, phát triển rộng rãi vì có được số khán giả đông đảo ở nhiều tỉnh. Nhờ thế, nó vượt vào Nam vượt ra Bắc (các tỉnh kề cận, mạnh nhất là ở cổ đô Huế). Ngược lại, ca Huế vốn có rất nhiều bản Nam, bản Bắc tức là hội đủ loại bài cần thiết nhất, phổ cập đến đông đảo quần chúng nhất, lại là nơi có nhiều anh tài, thế mà không làm sao tiến lên thành ngành ca kịch (1) vì không hội đủ đối tượng tức là *khán giả*. Vì nếu lập ca kịch sẽ đóng cho những ai xem trong hai tỉnh Quảng-trị và Thừa-thiên quá thừa thớt ấy? Thật đáng tức cho một vùng mà ngay đến dân ca cũng rất phong phú và âm nhạc được xem như vượt hẳn các vùng. Có người bảo giọng Huế khi nói mềm, yếu quá, đóng tuồng kịch không hay. Đó là chỉ vì khu vực Huế quá hẹp nên mới có các tỉnh kề cận khác giọng để so sánh chứ nếu nó bao gồm chừng năm ba triệu dân thì đương nhiên nó phải có ngành ca kịch riêng của nó. Và chắc chắn là không khu vực nào miền Trung chống lại nổi nó với cái vốn Bản Bắc Bản Nam và dân ca đặc sắc ấy!

Từ điểm luận về lợi hại của giọng nói và sự thống nhất giọng nói, địa lý Miền Nam có những may mắn lớn lao khác là không bị xén nhỏ như miền Trung mà có tính cách tập trung. Khi

có những khu vực rộng lớn chu tuần quanh đô-thị mà giọng nói tương đối thống nhất thì cái giọng đô-thị ấy sẽ có tính cách quyết định. Nó sẽ đưa những từ ngữ nào đó vốn là thổ âm trở thành tiếng chung. Nó sẽ làm tiêu-chuẩn cho sự cải tiến mà chính tự nó cũng rất mau cải tiến. Những gánh ca kịch giúp cho sự tinh thực hóa giọng nói, phong phú hóa từ ngữ, gây những niềm thông cảm sâu xa giữa các vùng. Hát bộ của miền Nam vốn có cơ sở vững từ miền Trung, gặp được cái giọng bắt tiếp liền giọng khu vực Bình Định, Phú Yên, Nha Trang, nên đã thành hình và phát triển rất mau. Từ đó, những gánh hát mọc lên, những nhân tài trời dẫy gây thành một lực lượng văn nghệ rất rộng lớn tiếp nối miền Trung đến Mũi Cà Mau. Rồi cũng từ cơ sở có đông đảo quần chúng đó, được tôi luyện vững vàng bằng sân khấu hát bộ, ngành ca kịch cải-lương gặp cơ hội là sẽ đứng lên để gây vũ bão. Những vũ bão không chỉ thấu hẹp trên Nam Phần mà còn ngang dọc tung hoành trên khắp « chiến trường » từ Nam chí Bắc...

Nhưng đó lại là chuyện sau...

Chuyện bây giờ là bàn về « chữ viết » và độc-giả hay... thính-giả của nền văn nghệ có nhiều thuận lợi nhiều ưu đãi thiên nhiên ấy.

Tiếng Việt phổ-biến trong toàn dân tộc Việt, nhưng thổ âm thì lại quá nhiều. Những thổ âm còn tệ hơn điển-tích vì nó không đẹp, văn hoa như điển-tích mà thường khó nghe, « kỳ cục » là khác. Chính thổ âm có nhiều, nhất là ở Miền Nam, vì chung đụng nhiều sắc dân rồi đồng hóa họ trên đường Nam tiến. Cái hại lớn của thổ âm khi xuất

(1) Khoảng sau 1930, có mấy đoàn ca kịch Huế, nhưng không thành công lắm khi đi diễn các tỉnh,

hiện trong văn nôm (chuyên ngữ chính thức của tất cả các văn nghệ phẩm thuộc loại sáng tác cho quần chúng) là gần như chắc chắn hề không biết thờ âm đó thì không dễ gì đọc thờ âm đó được. Nếu người Nam khi gặp những thờ âm Bắc và Bắc gặp Nam thì đành vút. Mà nếu tiếc văn phẩm hay, cố đọc thì sẽ đọc sai, chẳng còn nghĩa lý gì. Nếu có ai đọc một số bản Lục Vân Tiên in ở Hà Nội do các tũn-thư bán giá bình dân mới thấy tất cả sự khủng khiếp vì sai lầm hoặc sửa chữa liều lĩnh mặc dù với thiện-ý là cho đồng bào miền Bắc hiểu, Do đó, văn nghệ phẩm miền nào phong phú từ-ngữ thuần thực, nhiều giá trị về nội dung hình thức sẽ đi vào quần chúng, chiếm được cảm tình và họ sẽ tìm hiểu, làm quen dần với nền văn học, từ ngữ của vùng ấy. Chính trên lịch trình phát triển, văn miền Bắc đã hội đủ các điều kiện trên, đã trở thành một thứ văn chương chính thức. Người học-thức miền Trung, Nam, thế hệ 1932-1945, đều chịu ảnh hưởng sâu xa của loại văn này đến nỗi họ chịu nói cả những thờ âm như giăng (trăng), giời (trời) nhĩ, nhé, cơ... trong văn phẩm. Cái vô lý bậc nhất, thí dụ về tiếng *nhé*, tiếng *cơ*. Người Trung nói: Tôi đi ghé! Làm sao kia? Thì tiếng *ghé* đúng hơn tiếng *nhé* nhiều. Vì *ghé* là biến âm của *nghe*, trong giọng tán thán. Còn *kia* thì nó là chữ chính xác, *cơ* chỉ là biến âm xa lắc. Vậy mà người Miền Trung vẫn nói: ghé, kia, nhưng vẫn thích viết: là nhé! cơ! Đọc văn phẩm có những tán thán như ghé, hỉ, hả, mô, tê, rí, rứa, họ không chịu được... Khi Thế Lữ (miền Bắc) viết: «Lòng em theo lái tới phương mô» hay Lưu Trọng Lư (miền Trung): «Ngày mai, ngày một rồi ngày tê» người đọc Miền Trung nghe chướng tai, tưởng các tác

giả ấy chế-diễu thông ngữ, thờ-âm của mình. Họ không ngờ đó là bước đầu để người đọc làm quen rồi tiến tới việc đọc các thờ ngữ ấy một cách tự nhiên trong các văn phẩm của tác giả địa phương. Hình như nắm rõ nguyên tắc thờ ngữ nên Nguyễn-Du (Miền Nghệ Tĩnh) trong khi viết truyện Kiều đã cố hạn chế đến mức tối đa các thờ ngữ quá đặc biệt có lẽ dễ phổ biến rộng văn phẩm của ông ở miền Bắc với Thăng Long là Kinh đô văn hóa và cả miền Trung mà khí thế văn học đang lên. Điều may mắn là những thờ ngữ địa phương của Nghệ-tĩnh có giống phần nào tiếng miền Bắc nên đọc giả miền Bắc vào đến khoảng Huế theo dõi dễ dàng (tiếng Nghệ-tĩnh có liên quan với tiếng Huế). Ấy vậy mà khi vấp phải một số tiếng nào nặng về miền Trung, chẳng hạn *dạ rân* (Ả hoàn trên dưới *dạ rân*) thì người Bắc hết sức bối rối, dù người Bắc ấy là tay xê dịch như Nguyễn khắc Hiếu. Ông đã giảng tiếng «*dạ rân*» ấy bằng đủ cách ngoại trừ cách dễ hiểu nhất: ấy là một tiếng rất thông dụng ở Miền Trung. *Dạ ran* hay *dạ rân* đều là *dạ ầm*, *dạ vang*, *dạ* nối tiếp nhau, lối *dạ* của hạng dưới, đông đảo, đối với người quyền thế. Kinh nghiệm Nguyễn Du cũng là kinh nghiệm một số tác giả tuồng bìa ở Miền trong. Họ cũng đã cố gắng dùng tất cả những thờ ngữ cần thiết và phổ biến. Nhất là trong văn nói lời (bao gồm văn xuôi) là loại văn chỉ hay khi lời văn phù hợp tiếng địa phương. Đặc biệt trong các đoạn hài hước, nũng nịu, than thở, dạy bảo v.v... thì thờ âm giúp cho câu văn đậm đà, thú vị, nâng cao hẳn giá trị văn phẩm lên, dẫn người ta đi đến chỗ tinh-tế nhất, uyển chuyển nhất của tiếng nói. Chính Miền Trung vấp phải bước cản đó. Miền đất quá hẹp, thờ

ngữ lại nhiều, một tác giả Quảng-Nam không làm cho độc giả Bình-Định hiểu hoàn toàn, một tác giả Bình-Định không dễ làm cho độc giả Huế hiểu trọn vẹn. Vượt được cái cản trở Hát bộ, chưa hẳn vượt được cái cản trở về truyện. Chính đó là lý do để khi tiến dần lên phương pháp ấn-loát bằng máy, Miền Trung đánh thức thủ. Vì chẳng lẽ một quyển tiểu thuyết chỉ in bán trong mấy tỉnh nghèo? Anh em ông Nguyễn Tường Tam nếu cha mẹ không ra Bắc thì hẳn không làm sao phát triển được văn nghiệp tiểu thuyết của mình ở Hội-An (Tôi nói tiểu thuyết chứ không rói thơ). Trong khi đó, Miền Nam với những thổ ngữ không hay gì hơn hoặc không khác gì hơn, nhưng nhờ cái thể thống-nhất và nhờ đông đảo độc giả, đã vượt ra khỏi vòng kiểm tỏa của thổ ngữ, biến nó thành tiếng nói chính thức. Vì không bao giờ sợ thiếu người hiểu mình khi họ cùng chung tiếng nói ấy với mình, các nhà văn miền Nam mạnh dạn sáng tác và thúc đẩy tiếng Việt đi tới rất mau trong sự tận dụng trọn vẹn tiếng nói ấy.

ooo

Vượt lên trên tất cả, miền đất mới này còn một đặc điểm mà tôi nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Đặc điểm giống hệt Huê-Kỳ đề hứa hẹn một đời sống sung túc và cũng do đó một nền văn nghệ phồn thịnh. Đó là căn bản đất đai phì nhiêu. Nếu so sánh sức lao động của một người dân miền Trung, chẳng hạn anh dân nghèo ở Quảng Ngãi và anh dân nghèo ở miền Nam thì thật khác nhau xa. Người Quảng Ngãi phải cặm cúi, chật vật trên «những cánh đồng trắng lớp, chói cả mắt» (1) rồi dưới

nắng gay gắt chỉ che bằng một mảnh phen mỏng, anh hi hục tát nước, tát từng gàu nước nhọc nhằn để đến mùa thất bát, gặt chưa chắc trúng mà có khi còn bị quét sạch... Trong khi đó, người miền Nam làm việc trong những điều kiện thuận lợi mà số thu hoạch có thể gấp mấy lần. Hơn như thế, chim trời, cá nước vốn không thiếu nên đời sống thật dễ dàng. Nhìn một nông dân miền Nam với một người miền Trung ta thấy khác nhau như hai học sinh ở hai miền. Cứ ai có cặp má cốp thì biết là người Miền Trung (người Việt chứ không phải Trung-Hoa) ngay! Sự sung túc, cây ngọt, trái hiền đã giúp cho con người dễ có lòng tin yêu, chân thật, rộng lượng, bao dung, tình cảm nầy nọ. Tình cảm là yếu tố đầu tiên đi đến với văn-nghệ. Tôi giờ tương đối rảnh rỗi khiến họ có thể xem, nghe một cái gì để tiêu khiển. Họ có thể đãi quà bánh cho một ban hát tài tử, cho tiền người bát rong, mua giấy mực sao chép hay mua một ấn bản... Bất kỳ thể nào thì những hành vi này cũng rất khuyến khích cho mọi hoạt động văn nghệ. Một nhà văn trong thời gian sách vở ấn loát, khó khăn, nếu chắc chắn văn mình viết ra sẽ ít người sao chép, trình diễn cho đồng bào nghe, nhất định họ sẽ buông bút. Văn nghệ trước hết là sự tự thỏa mãn tác giả. Sự thỏa mãn ấy có khi trực tiếp như một bài thơ, một trang nhật ký nhưng phần lớn đòi hỏi phải được thông qua những độc giả tri âm hay quần chúng đông đảo. Văn-nghệ-sĩ có thể biết chắc là tác phẩm mình không được hưởng một đồng một chữ nào, nhưng vẫn có thể sáng tác mạnh dạn, hăng hái, nhiệt cuồng nếu biết chắc sẽ có người

(1) Lời nói miệng của một nữ sĩ, cô Văn Trang, miền Nam.

thường thức. Họ có thể hy sinh tài lực để không cầu mang lại một phần thưởng nào, ấy thế mà có khi còn bị tù đầy, chém giết như đã xảy ra suốt mấy nghìn năm dưới trời Á-đông. Cả đến cái tên, họ cũng khiêm nhượng không dám đề lên tác phẩm ! Họ quần quai trong bóng tối, trong đau khổ, trong bệnh tật, trong hải hùng nửa đêm mà sáng tác. Lịch sử văn học Á Đông cho đến năm nay, sau các thời Duy Tân, nhiều tác-giả đã nhận những tác quyền rất lớn, thu đủ vinh quang, nhưng đã có bao nhiêu tác phẩm so sánh nổi với cái thời âm thầm hy sinh làm việc đó ? Bao giờ nữa mới có một Ly Tao, một Đường Thi, một Thủy Hử, một Liêu Trai Chí Dị, một Truyện Kiều, một Hồ Xuân Hương, một cuộc bút chiến Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị ?

Đó là những lý do đã khiến các tác giả miền Trung đêm ngày viết và tu bổ các bản vẽ, truyện diễn tấu, tuồng bản. Đó cũng là lý do khiến các tác giả Miền Nam vừa hăm hở viết tuồng bản vừa hăm hở viết những truyện thơ, một hình thức rất thuận lợi cho những người ngôn ngữ tương đồng, nhưng sống thành chòm xóm xa cách nhau, không còn có môn giải trí gì thú hơn là nghe kể chuyện bằng thơ. Mà với điều- kiện đời sống phong phú hơn hết, họ lại càng đòi hỏi được giải trí hơn hết. Chính đó đã và sẽ là sức mạnh vô địch của miền Nam để dẫn đến những thành tích văn nghệ vĩ đại sau này nữa.

(còn tiếp)

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

Kỳ tới : Hiện-tượng Lục-Vân-Tiên

THUỐC
NƯỚC ĐƯỜNG **PIPEROL FORT**



Ascaris Oxyures
Sirop de
PIPEROL FORT
COUTIN

TRỪ HẾT GIUN SÁN
THƠM NGON
DỄ UỐNG
KHỎI KIÊNG CỬ

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Lá thư TÂY-BAN-NHA

Em Lê

Thật ra chị không định đi Tây-Ban-Nha, bởi theo lời M. thì đó là một xứ tệ nhất Âu-Châu, «một cái nhà thờ làm tám mươi năm mà chưa xong» ! Dĩ nhiên, M. chưa hề đặt chân đến xứ này, chỉ nghe bạn bè đi về kể lại. Chỉ được cái ăn uống rẻ, — vẫn theo lời M. — nhưng em nghĩ rằng chị còn cả một đời để mà ăn, qua đây cốt đi cho biết chứ cốt gì chuyện ăn ?

Lời cảnh cáo của M. chị vẫn tin, nhưng đến Toulouse gặp vợ chồng N. thì cô cậu này lại khuyến dụ chị :

— Trời ơi ! chị nên đi Tây-Ban-Nha một lần kéo về lược rồi lại tiếc. Tại em Hà nào cũng qua bên đó, vui lắm, lạ lắm, chị ơi !

— Chị lên Madrid coi chọi bò này, coi nhảy flamenco này, ăn uống rẻ, chỗ trọ rẻ, đồ kỷ niệm rẻ...

T. chen vào ;

— Thôi, lên Madrid chi cho xa ? chỉ đến Barcelone là đủ rồi. Chị sẽ xuống thuyền Kha-Luân-Bổ, cái thuyền mà hồi ông ta...

Thuyền Kha - Luân - Bổ ? Lê em, có bùi tai không ? Nghe vậy chị đủ thích.

Hôm sau, chị nhất định đi Barcelone. Ở Toulouse làm quái gì kia chứ. Ít nhất, mình cũng biết thêm một xứ «và chị sẽ có dịp hãnh diện được thêm một dấu kiểm nhận trong thông-hành ». T. thêm : Préfecture Pháp cho phép rồi đến lượt lãnh sự Tây-Ban-Nha. Theo lời vợ chồng N. thì mình phải cho tiền gã tùy phái nó mới đưa ký liên, không thì nó ngâm cho năm hôm là mệt. Chị ngán ở Toulouse quá rồi nên đành nghe theo điều đó — Lê thấy chưa : đó chính là những món chi mà mình không có dự trù — Đến cái khoản tiền đóng cho lãnh sự Tây-Ban-Nha lại làm chị ngán hơn : 25 quan ! gấp năm lần xin đi Thụy-sĩ, gấp bốn lần xin đi Anh, đi Ý. Nhưng mà biết sao hơn ? T. giải thích cho chị biết bởi ở xứ Tây-Ban-Nha ăn uống rẻ, chỗ trọ rẻ, đồ kỷ niệm rẻ nên chánh phủ xứ này muốn đánh thuế nhập cảnh nặng một chút, bù lại.

Chị nghe tiêng tiếc thế nào ấy, nhưng lại cố an ủi mình rằng sẽ được coi tượng và thuyền Kha-Luân-Bổ, chẳng nên thắc mắc làm gì cho tốn thọ.

Ngày 24 tháng 8 chị và T. lên tàu. Vẫn không có gì lạ, êm ả, mát mẻ, nhìn qua khung cửa thấy làng mạc trù phú, đồng ruộng xanh tươi nhưng càng rời xa Toulouse thì màu xanh càng đậm lại, càng gắt hơn, đây là thứ xanh ngất của rừng già, thâm u, bí mật. Cho đến lúc gần qua biên giới thì quang cảnh cần cỗi dần đi, núi như không có cây nữa mà phần nhiều là sỏi đá.

Quãng bốn giờ thì đến biên giới. Đồi tàu kiểm thông hành. Nhưng tàu không chạy ngay mà phải đợi mất hai tiếng đồng hồ cho đến lúc nắng gần tắt hẳn mới chạy lại. Chị chưa từng được sàng như vậy từ ngày du lịch tại trời Tây, ngay cả tàu hỏa xứ mình cũng không tệ đến thế. Em biết nó sàng đến bậc nào không? Sàng mạnh cho đến nỗi con trai như T. cậu ta chỉ dợm đứng lên định đến phòng rửa mặt mà chỉ được năm bước là phải trở lại :

— Em sợ nó hất em lộn xuống đường sắt quá !

Trừ những nhân viên kiểm soát trên tàu, không một hành khách nào dám đứng lên cả. Những nhân viên này cứ bước mỗi bước thì phải chuyển tay lập tức, bám cứng vào thành ghế, vào mấy thanh sắt chỗ đựng hành lý, hay cửa toa, bước rất chậm rãi thận trọng. Quả là đặc biệt.

Tám giờ tối mới đến Barcelone, một cái nhà ga như hầm métro tối tẻ, tối tăm, bẩn thỉu. Hai chị em cứ thế mà lò dò ra khỏi hầm đó, dò đường theo lời vợ chồng N. đã dặn.

Tìm được chỗ trọ thì ngót 10 giờ đêm. Lại cũng là một điều đặc biệt : không bấm chuông, gọi cửa, không phải quản-ly khách sạn đón tiếp mình mà là một lão già không hẳn thường dân không hẳn nhà binh, mặc bộ đồ xanh đậm y như tài xế của một công chức cao cấp, đầu đội kết oai vệ, từ xó tối nào trong vườn hoa gần đó lù lù xuất hiện sau một hồi vỗ tay của T. Chị đứng sững, mặc dù cô L. đã giải thích cho chị biết hồi chị còn ở Toulouse, nhưng chị không thể nào tin được một điều kỳ quái như thế. Bằng một thứ tiếng lơ lơ khó nghe, lão nói với T. ba câu rồi cho tay vào túi áo lôi ra một chùm chìa khóa, thận trọng nheo mắt đưa lên ánh điện đường chọn một chiếc, tra vào cánh cửa to lớn, nặng nề, để mở, đoạn đi trước dẫn đường cho chị và T. Trời ơi ! chị muốn kêu lên mà không dám : chưa bao giờ chị phải vào chỗ trọ một cách kỳ quái như vậy : lối đi thì tối om, không một đốm sáng. Qua khỏi cầu thang lại càng khiếp, lối nhỏ cho đến nỗi chỉ một người lách mình qua được. Ngoằn ngoèo, quanh lộn hơn 10 phút mới đến trước một cái phòng nhỏ, hướng dẫn-viên lại tra chìa khóa vào cánh cửa. Trong lúc chị lò dò ra ban công, nhìn xuống đường quan-sát sinh hoạt hai dãy phố thì người đàn ông bí mật này kiểm soát thông-hành của hai chị em thật kỹ rồi... trả lại chữ chẳng thấy ghi chép vào sổ như những phòng trọ ở các nơi khác. Khi lão ta quay ra, T. gọi giật lại, dúi vào tay lão mấy chục pécétas (đơn vị xứ tiền này). Lão nhận tiền, chẳng nói chẳng rằng, lăm lũi đi ra, tay vẫn xách lủng lẳng chùm chìa khóa, vừa đi vừa rung mạnh dọc theo hành lang chừng như chẳng nề nang gì các khách trọ bên trong hai hàng cửa mà lão đi qua.

T. kêu đói nhưng nhìn đồng hồ tay thấy hơn 11 giờ đêm, lại nghĩ đến nông nỗi đi ra, đi vào phải đứng dưới cửa mà vỗ tay chị đâm ngán nên nói :

— Thôi, nhịn một bữa, chết đâu mà sợ, với lại khuya rồi chắc chẳng có chi ăn đâu.

Nó cười, bảo :

— Trời ơi, chị chẳng biết «ăn theo thuở, ở theo thì» gì cả. Sang đến đây chị phải sống y như dân xứ này mới phải...

— Nghĩa là ?

— Nghĩa là mười giờ ăn sáng, hai ba giờ chiều ăn trưa, mười một giờ đêm ăn tối và đi chơi cho đến ba giờ sáng về ngủ.

Thấy chị vẫn chưa hiểu lòng, nó thêm :

— Ở đây có món cơm đặc biệt lắm, chị nên nếm thử món cơm anh chị N. nói đó ! Mà dù chị không thích cũng nên ra phở cho mát một chút, từ lúc đến đây chỉ lo tìm chỗ trọ chứ có ngấm nghĩa chi đâu nào ?

Vậy là chị phải đi với nó cho xong, dù không muốn ngấm nghĩa gì.

Món cơm vợ chồng N. và T. vừa ca tụng là một thứ cơm kỳ lạ : nấu trong một cái quánh đen mò, rất nhiều gia vị lẫn trong thịt cua bẻ, tôm và sò, màu đỏ rực, lại hơi vàng vàng, cay cái cay của cari bỏ quá độ, của hạt cải và của thứ gì hăng hắc, nồng không nuốt được, chị chỉ thích cơm, mà những hạt cơm trong đó lại sống nhăn ra ! Song đó là thứ cơm đặc biệt của xứ này — như thể cơm tay cầm bên mình chắc — mỗi lần thực khách đòi thì phải đợi rất lâu và nhà hàng mang cả quánh lên, thực khách tự tay xới vào đĩa mà ăn, cháy nóng quanh vành quánh và dưới đáy, cạy lên nghe kêu răng rắc, canh canh.

Nhiều cửa hàng khác họ tẩm bột quanh những khoanh mực, chiên lên để từng thau vun trước hiệu lẫn với những thau tôm chiên và sò, trai, trông ngợp cả mắt.

T. còn muốn dạo quanh, nhưng chị thì không, nên hai chị em băng ngang phố, trở về phòng. Đến trước cửa phòng, lại vỗ tay gọi lão già bí mật. Lần này xui xẻo làm sao, T. vỗ mãi chẳng thấy tăm dạng ông ta. T. vừa vỗ tay vừa cần nhìn chị :

— Có gì vui đâu mà chị cười ? đáng lẽ chị phải giúp em, vỗ tay phụ...

Thế là chị phải giúp T. Cả mười phút nữa trôi qua vẫn chẳng thấy bóng dáng ông ta. T. bèn ra phía bên kia đường vỗ, gọi, và sau cùng thấy ông ta từ trong góc tối vườn hoa đứng đỉnh xách xâu chìa khóa tiến lại phía hai chị em. Nhưng đi đến bên quán cà phê ông ta bỗng dừng lại. Ban đầu chị tưởng ông ta chỉ trao đổi vài câu với một người ngồi đó, hóa ra ông ta ngồi hẳn xuống ; chừng câu chuyện càng phút càng sôi nổi, càng có vẻ gây cấn thêm, cho nên mặc kệ T. cứ vỗ tay, ông ta khẽ nghiêng đầu về phía hai chị em gật gù ra ý nói : « Biết rồi, hãy gượng, » đoạn thân nhiên gằn cổ trở về cuộc cãi vã của mình.

ooo

Đang ngủ vui, chị bỗng giật mình tỉnh dậy vì những tiếng động ầm ỹ từ dưới đường vọng lên. « Sáng rồi chắc ? » chị ngồi bật dậy, ra ban công xem : quang

cảnh tấp nập dữ. Người đi lại lũ lượt như ngày hội, điện sáng choang. Các quán ăn, khách ra vào không ngớt, xe tuôn nườm nượp trên đại lộ chói, mặt người nào người nấy bóng nhoáng, tươi tỉnh khác hẳn lúc ban ngày. Kê đồ-g hồ tay ra ánh điện đường thấy mới có hơn hai giờ sáng !

Trở vào nằm mãi vẫn không sao ngủ được. Cho đến ba giờ chị lại thò ra ban công, giờ đó bởi các nhà hàng mới bắt đầu thu dọn. Máy quán lộ thiên lật úp ghế lên bàn..

Sáng hôm ấy, hai chị em lại công trường Kha-Luân-Bổ mua vé chui vào thang máy rút, lên tận chân tượng nhà thám hiểm này, đứng ngắm quanh một loạt hải cảng dưới chân, ngay trước mặt, cao như vậy mà không một chút gió. Đoạn lại xuống, ra bến mua vé để lên thăm thuyền thám hiểm của ông ta. Không biết đây là chiếc nào trong những chiếc mà Nữ Hoàng Isabelle đã cấp cho ông đi tìm Tân thế-giới ? Một điều lạ lùng là cho đến nay — sau 5 thế kỷ — mà tàu vẫn còn giữ được vẻ chắc chắn vững vàng, tưởng có thể vượt biển nhiều lần dù ngâm luôn dưới nước từ bấy đến nay. Thuyền neo sát bờ. Trong phòng của thuyền trưởng còn giữ lại mấy bức tranh vẽ cảnh tượng lúc Nữ-hoàng và triều-thần đón tiếp Kha-Luân-Bổ, còn có cả hình ông ta đang cầm cúi trên bản đồ cùng với đoàn tùy tùng và còn nhiều vật dụng khác nữa.

Quanh quần một lát, hai chị em lại lên bờ, đến phòng vé để mua vé đi một vòng thuyền máy dạo quanh cảng. Trên thuyền nào cũng có một ông già hát dạo, cất giọng ngay khi tàu nhô neo và chĩa mũi xin tiền trước khi người khách đầu tiên đổ bộ.

Thuyền tàu đậu san sát, hàng hóa trên bờ dưới nước chỗ nào cũng đầy ngập lên.

Téléphérique tại đây khác mọi nơi kia : đi trên hải cảng. Cũng khá vui, đi ở Thụy-si thì mình nhìn xuống thấy mây và thung lũng xanh rờn, lạnh ngắt, còn ở Barcelone thì thấy những ống khói, cột cờ của các thuyền tàu quanh bến và mặt nước màu lục dưới chân mình. Cabine to như một cái thùng xe vận tải, hình bát giác, chứa được vài chục người, có lẽ vì trời nóng nên không có mặt kính nửa thân trên và để trống cho mình dễ thò đầu ra ngắm cảnh.

Tại đây không có gì cảm dỗ chị nhiều, trừ téléphérique và thuyền Kha-Luân-Bổ, nên đến hôm thứ hai là chị muốn trở về rồi. Nhưng T. nài nỉ chị nên ở lại đến Chúa-nhật coi chợ bò, đi thăm những nhà thờ nổi tiếng và đi xem khu giải trí Tibidabo trên một ngọn đồi cao. Chị ngán bụi và nóng chỉ muốn đi cùng khắp cho xong, nhưng không thể nào kịp đành ở lại.

Cả ngày mệt rã chân cho nên tối đó, T. đưa chị về chỗ trọ sớm, vỗ tay cho người gác đến mở cửa và đưa chị lên thang, qua khỏi dãy hành lang tối mịt đến trước phòng chị để chị vô nghĩ, còn nó thì trở ra phố dạo chơi «chờ bỏ công đến đây mà ngủ sớm như gà thì phí lắm».

Chị yên trí đêm nay chắc sẽ ngủ ngon vì cuộc bộ suốt ngày. Không ngờ chợp đi một chút đã bị muỗi đốt, (cũng như các xứ kia, phòng trọ không có mùng nhưng ở đây lại có muỗi) con nào cũng to bằng hạt gạo, may cái là không lấy chi làm nhiều, chỉ mười con. Chị vặn đèn lên đập chết 5, 6 con rồi lấy khăn voan mỏng trùm kín đầu và quần chắn kín người, ngủ lại. Được một chốc nữa rồi cũng như đêm trước, tiếng ồn càng về khuya càng dậy lên làm chị tỉnh như sáo. Lại lò dò ra ban công nhìn xuống, ngắm nghía quang cảnh kỳ quặc của xứ này : ngay dưới chân lầu chị ở, mấy cửa hiệu ăn, ghế bàn kê lẩn tẩn vỉ hè, không còn chỗ trống. Tiếng cốc tách, muống dao va chạm nghe lanh canh không ngọt, âm nhạc, dồn dập, thưa rồi nhạt, nhạt rồi thưa... Mấy người bồi thoăn thoắt chạy ra chạy vào, anh nào cũng trắng lớp từ đầu đến chân, tay bưng khay và trên cánh tay vắt ngang chiếc khăn trắng muốt. Những cốc bia sủi bọt tràn khỏi miệng cốc lấp lánh dưới ánh đèn. Từng loạt những chiếc xe lướt êm trên mặt đường, quét ngọn pha vàng rực. Bên hè phố một bóng người đàn ông lão đảo, chập choạng bước, thỉnh thoảng dừng lại nấn thở tháo rồi lại bước. Trừ có gã say này, tất cả mọi người như đều thoải mái, sung sướng, hài lòng.

Từ đằng xa T. vừa húyt sáo vừa bước lại. Đến cửa, cậu em chị dặng hắng một cái rồi vỗ tay ba lịa. Lần này vì quá khuya, ông gác không trò chuyện với ai nữa nên chỉ vài phút sau là ông ta từ bóng tối nhô ra, trở tới, miệng phì phèo điếu thuốc lá, dáng bộ nom vẫn đĩnh đạc, tươi tỉnh, xâu chìa khóa va nhau reng reng theo mỗi bước chân. Chị vụt nhớ tới câu nói khôi hài của cô M. hôm còn ở Toulouse : 'Đến Barcelone chị sẽ gặp Thánh Phê-Rô, ông Thánh chuyên giữ chìa khóa và gác cửa thiên đàng'.

ooo

Hôm sau, chị đi xem làng kiêu mẫu Tây-Bar-Nha. Làng này thiết lập vào năm 1929 trong dịp triển lãm Quốc tế tại Barcelore, kiến trúc thuần nhất địa phương.

Những công-trình kiến trúc tại đây có cái đặc-điểm là nhìn tiền-diện thì thấy thô sơ, đơn giản, có chỗ trông lại hơi nặng nề, song lúc vào trong, nhà nào cũng mát mẻ và sáng sủa, cho ta một cảm giác rất thoải mái.

Có gian hàng bán đĩa nhạc, hiệu ăn, lò thổi thủy tinh, lò đúc, lò rèn, lò gốm, gian hàng thảm dệt, hiệu thuê, hiệu nữ trang, hàng da thuộc, gian hàng bán búp bê, v.v...

Nói chung thì tất cả-thủ công-nghệ cổ truyền đều sản xuất tại làng này. Những lò rèn phì phò thổi lửa trước mặt du khách. Chị cũng dừng lại xem lò thổi thủy tinh làm việc. Nom kém xa Venise về cả phẩm lẫn lượng : những con sò, con nai, lọ cắm hoa phần nhiều thô kệch, vụng về, lờ lợt.

Trong làng này có cả văn phòng hướng dẫn du-khách và phòng đổi tiền địa phương cho du khách nữa.

Từ 12 giờ trưa trở lên có trình diễn vũ điệu Flamenco, vũ điệu đặc biệt của xứ này bằng một giá hết sức bình dân. Mấy hôm nay chị nôn nả đi xem vũ điệu này,

song vì tại thành phố Barcelone chỉ trình diễn vào đêm và giá vé rất là đắt đỏ nên chưa đi được, thật là một dịp hay.

Cô gái bán đĩa hát nói rằng "muốn thưởng thức loại vũ đặc biệt của xứ cô thì nên thưởng thức tại làng kiểu-mẫu chứ xem ở thành phố Barcelone thì đã lai đi rồi, nếu không cũng dở hơn". Dĩ nhiên, chị chỉ hoàn toàn công nhận lời cô ta sau khi xem xong và bây giờ, viết những dòng này cho em, chị còn như thấy rõ những giọt mồ hôi tuôn ướt đầm mặt, đầm áo các vũ công sau mỗi màn trình diễn.

Nam vũ công mặc chèn đen tuyền, đôi giày cũng đen và bóng lộn, đế giày cao dễ đến năm phân tây, mũi giày nhọn hoắt. Nom họ gọn hơn các nữ đồng nghiệp. Các cô tròn lẳn, hoa tai dài chấm vai, tóc búi gọn lên đỉnh đầu, hoặc bện trong mạng lưới, hay xoắn dài tùy vũ điệu. Áo họ sắc sỡ, váy nhiều nếp gấp, xòe rộng theo mỗi bước chân, tóc mai cô nào cũng dài, chạy từ mang tai xuống má, uốn cong lên như một cái móc câu to tướng, dính sát vào da má.

Họ biểu diễn một cách say sưa, điêu luyện, ngồi gần trông thấy cả nhịp thở dồn dập, nhấp nhô của ngực họ và những giọt mồ hôi nhỏ dòng dòng lấp lánh dưới ánh đèn rọi của sân khấu. Chị xúc động khi nghĩ rằng họ quá vất vả mà thù lao lại quá ít ỏi, không xứng đáng với công lao. Trông họ biểu diễn, chị có cảm tưởng nghệ thuật họ là thứ nghệ thuật cật lực, học hỏi công phu, có truyền thống hẳn hoi chứ không phải như lối đại-nhạc-hội tấp nham chấp vá, hay những vũ điệu lai căng của xứ mình.

Nếu không vội trở về Barcelone thì chị đã coi lại lần nữa, nói thế để Lê thấy rằng chị phục họ ngần nào !

(còn tiếp 1 kỳ)

MINH QUÂN

PHÂN ƯU

Được tin Giáo sư NGUYỄN-THIỆU-LÂU đã từ trần hồi 13 g 45 ngày 19-8-67 tại bệnh viện Saint Paul Saigon,

Xin trân trọng phân ưu cùng tang quyến và thành kính cầu chúc anh hồn học-giả Nguyễn-Thiệu-Lâu sớm tiêu điều miền cực lạc.

Lê-Ngộ-Châu và Tòa soạn B.K.T.Đ.

BẠN ĐÃ MUA CHƯA ?

CUỐN SÁCH MỖI NHẤT TRONG THÁNG :

CÁT LẦY

truyện THANH - TÂM - TUYỀN

GIAO-ĐIỂM xuất bản

in lần thứ nhất, 180 trang, giá 110 đồng

Những bất-biến của chính sách đối ngoại Pháp

● TỪ - TRÌ

Những năm gần đây người ta thấy Tổng thống Pháp, De Gaulle, hoạt động ngoại giao rất mạnh mẽ. Ông đi chu du khắp thế giới (1) mong lôi kéo các quốc gia khác đi theo chính sách đối ngoại của mình. Từ đầu năm 1967 tới nay Tướng De Gaulle đã được dư luận quốc tế đặc biệt chú ý. Trước hết ông từ chối không cho Anh gia nhập «Thị trường chung», sau đó ông lại lớn tiếng lên án Do-Thái, một nước bạn và một khách hàng trung thành của Pháp, đã gây hấn ở Trung Đông. Ngày 23 tháng 7 vừa qua, sang viếng thăm chính thức Gia-Nã Đại, ông đã trực tiếp khuyến khích dân Gia-nã-đại gốc Pháp ly khai bằng cách hô lớn khẩu hiệu «Québec tự do muôn năm». (2)

Dư luận thế giới và dư luận Pháp đã nghiêm khắc chỉ trích cử chỉ và ngôn ngữ của Tướng De Gaulle tại Gia-Nã-Đại: Thật vậy dân Pháp cũng như dân trên thế giới cho rằng can thiệp vào nội bộ một nước bạn, một nước đã từng góp phần trong công cuộc giải phóng Pháp năm 1944, Tướng De Gaulle đã hành động một cách bất nhã và vô ý thức. Người ta cho rằng ông đã quá già nên lẫn lộn và lầm lẫn».

Từ khi Tướng De Gaulle gây sóng gió ở Montréal tới nay, hơn một tháng trời đã trôi qua. Những giận hờn,

những bất bình đã lắng dịu. Giờ đến lúc ta phải phân tích những động lực đã thúc đẩy Tổng thống De Gaulle hành động như vậy. Vì trái với ý kiến của nhiều người, Tướng De Gaulle không lẫn lộn hay lầm lẫn, tuy tuổi của ông cũng khá cao rồi (77 tuổi). Những lời ông nói ra, những ý kiến, những cử chỉ của ông đều được suy tính chia chẵn. Ông không hề hành động một cách hồ đồ. Chính sách đối ngoại của De Gaulle hoàn toàn phù hợp với truyền thống ngoại-giao của Pháp.

Nền ngoại giao của Pháp luôn luôn bị chi phối bởi những bất-biến (constantes) mà chính lịch-sử Pháp đã tạo nên. Từ những bất-biến này, những nguyên tắc ngoại giao căn bản được tạo lập. Do đó chính sách đối ngoại của Pháp, từ các vua François đệ nhất, Henri đệ tứ, qua các Thủ tướng Richelieu, Mazarin tới ngày nay đều được đặt trong khuôn khổ của những nguyên tắc căn-bản này. Nếu Tướng De Gaulle đã bị chỉ trích hay bị thất bại là vì ông đã áp dụng một

(1) Xin xem lại bài «De Gaulle và những chuyến công du» của Từ Trì, trên Bách-Khoa số 234, ngày 1-10-1966.

(2) Thế giới trong những tuần qua. (Bách Khoa số 255, ngày 15-8-1967)

cách sai lầm hay cường tín những nguyên tắc cố hữu nói trên. Muốn hiểu rõ chính sách đối ngoại của Pháp, do De Gaulle hướng dẫn hay do bất cứ một nhà lãnh đạo Pháp nào, ta cần phải phân-tích lịch-sử Pháp và các bất-biến nói trên.

* * *

Lịch sử chính trị Pháp đã tạo ra bốn tư tưởng, trở nên bốn bất-biến của chính sách ngoại giao Pháp. Thêm vào đó truyền thống văn hóa Pháp đã tạo ra một bất biến thứ năm. Năm bất biến này đã trở thành năm nguyên-tắc căn bản của nền ngoại giao Pháp.

Trước hết lịch-sử lập-quốc của Pháp có một khuynh-hướng chính là chinh phục những biên-giới thiên-nhiên. Chinh phục biên giới thiên nhiên này là một điều được các nhà lãnh đạo chính trị Pháp từ Clovis, qua Charles Martel, Hugues Capet, Napoléon cho tới Clémenceau, De Gaulle luôn luôn quan tâm tới. Những cuộc chiến tranh giữa Pháp và các nước láng giềng đều không ngoài mục tiêu chiếm một giải núi cao, một giòng sông sâu làm hàng rào thiên nhiên ngăn cản ngoại xâm. Sau nhiều tranh đấu ngoại giao, chính trị, hay võ trang nước Pháp đã đạt được mục tiêu này. Phía Đông-Nam và Tây-Nam hai dãy núi Alpes và Pyrénées được dùng làm hàng rào ranh giới giữa Pháp, Ý, Thụy Sĩ và Tây ban Nha. Tại phía Tây, phía Bắc và phía Nam các biển Đại-tây-dương, Bắc-băng-dương, Địa-trung-hải làm thành một hàng rào kiên cố cho lãnh thổ Pháp. Như vậy chung quanh lãnh thổ quốc gia, Pháp đã gần như được rào kín, ngoại trừ miền Đông và Đông-Bắc, sông Rhin và núi Vosges chỉ là một biên-giới hết sức mỏng manh. Vì

vậy tầm mắt của các nhà ngoại-giao Pháp luôn hướng về sông Rhin và «dãy núi Vosges xanh biếc» (ligne bleue des Vosges).

Với 2/3 biên-giới là bờ biển, đời sống chính trị của Pháp còn chịu hai ảnh hưởng một lúc : ảnh -hưởng của lục-địa Âu-châu và ảnh hưởng của biển cả. Do đó tìm kiếm cách dung hòa hai ảnh-hưởng này đã trở nên một nguyên-tắc căn bản của nền ngoại-giao Pháp.

Giai-đoạn thứ hai của lịch-sử Pháp có ảnh hưởng tới chính sách đối ngoại là cuộc Cách mạng Pháp 1789. Cuộc Cách mạng này đã lật đổ chế độ quân chủ, thiết lập một chế độ dân chủ. Các nhà cách mạng 17⁸⁹ không những muốn thực hiện tự do ở Pháp, mà còn muốn reo rắc tư tưởng tự do ở khắp Âu châu-nữa. Từ đó nhân danh cuộc cách mạng 1789, nước Pháp luôn luôn tìm cách truyền bá trên thế giới dân-tộc chủ-nghĩa (Principe des Nationalités), tự do, dân chủ, quyền tự-quyết của các dân tộc trên thế giới. Truyền bá tinh thần cách mạng 1789 từ đó trở thành một bất-biến thứ hai của chính sách đối ngoại Pháp.

Giai-đoạn thứ ba là hai cuộc cách-mạng 1830 và 1848 lật đổ chế độ quân-chủ được phục hưng từ sau thất bại của Hoàng-đế Nã-phá-Luân. Từ cuộc cách mạng 1789 đến hai cuộc cách mạng này, nước Pháp rút được kinh nghiệm của những biến cố đã qua, trở nên thực tế hơn. Thay vì dùng chiến tranh để truyền bá tư tưởng cách mạng của mình Pháp dùng chính sách hòa hoãn, vừa đón nhận tất cả những tư tưởng trên thế giới vừa phô trương những tiến bộ dân chủ đã thực hiện được cho mọi du khách các nơi đến thăm nước Pháp. Thi sĩ Lamartine đã chủ trương «Nước Pháp tuyên hòa» (La

France déclare la paix) chứ không còn tuyên chiến như trước nữa. Dùng hòa bình để truyền-bá tư-tưởng cách-mạng là bất-biến thứ ba của chính sách ngoại giao Pháp.

Sau cuộc thế chiến, nhất là sau cuộc Đệ-nhi thế chiến, uy thế và thực lực của Pháp càng ngày càng suy yếu. Nước Pháp không còn đóng vai trò lãnh đạo thế giới, trong khi các quốc gia khác như Nga, Mỹ, Trung Hoa và các nước cựu thuộc-địa vừa được độc lập đều có quyền ăn nói trên chính trường quốc-tế. Muốn phục hồi địa vị quan trọng của mình và đồng thời muốn bảo vệ hòa bình thế giới, Pháp chủ trương tổ chức thế giới, bảo vệ thế-giới trước những nguy hiểm do chính thế-giới gây ra, bằng cách dùng trọng-tài hòa giải, hiệp-ước bảo đảm an ninh quốc-tế và tài-binh. Tổ chức thế-giới đã là bất-biến thứ tư của nền ngoại-giao Pháp.

Bất-biến thứ năm và cuối cùng của chính sách đối ngoại Pháp là sự truyền bá văn hóa Pháp trên thế giới. Nước Pháp luôn luôn tự hào về truyền thống văn-hóa của mình. Ngay từ thời Trung cổ, khu Montagne Sainte Geneviève ở Paris là một nơi tụ họp các văn nhân bác học từ bốn phương bên Âu châu kéo đến. Tục-ngữ đã có câu : «Trên thế-giới có ba quyền-lực là Giáo-hoàng, Đế quốc và Khoa-học : Giáo-hoàng ở La-Mã, Đế quốc ở Đức, và Khoa-học thì ở Paris». Vì vậy quảng-bá văn-hóa Pháp và tiếng Pháp trở thành một mục-tiêu bất-biến của mọi chính sách đối ngoại Pháp.

Chính sách đối ngoại của Pháp bắt nguồn từ năm bất-biến trên. Không một chính phủ, không một nhà lãnh đạo

Pháp nào quên năm điểm trên khi lựa chọn đường lối ngoại-giao.

oOo

Chính sách đối-ngoại của Pháp hiện thời cũng không hề bỏ những bất-biến trên. Tuy nhiên tướng De Gaulle có một quan-niệm đặc biệt về vai trò của Pháp nên ông đã áp dụng những bất-biến căn bản này một cách đặc biệt, và nhiều khi vì quyền lợi của Pháp ông còn đi ngược lại những nguyên tắc cao đẹp này mà vẫn tin rằng mình làm đúng nguyên-tắc.

Để trình bày rõ rệt chính sách ngoại-giao Pháp, ta bắt buộc phải xét chính sách này qua 4 vấn đề đặc biệt : Giải phóng thuộc địa, giao thiệp Đông Tây, vấn đề Gia Nã Đại và vấn đề Anh gia nhập Thị-trường chung.

Vấn-đề giải phóng thuộc địa đã được Tướng De Gaulle đặc biệt chú trọng tới. Như ta đã biết, Pháp chịu ảnh hưởng của cả lục địa và đại dương. Khi nào bị thất bại trên lục địa, chính phủ Pháp thường kiếm thắng lợi ở hải-ngoại. Sau khi bị thua Đức năm 1870, nước Pháp dưới sự chỉ đạo của Jules Ferry hướng mọi nỗ lực về chinh phục thuộc địa, dân chúng quên nỗi nhục bại trận và quên tính chuyện trả thù Đức quốc. Trong vài chục năm, Pháp đã thành công và đã tạo được một đế-quốc thuộc địa lớn.

Sự đe dọa của Đức đã bớt nhiều sau khi nước này bại trận vào năm 1945, nên Pháp hướng hoạt động của mình về lục địa. Nhưng Pháp thua trận ở Đông-Dương. Các thuộc địa khác như Hắc Phi, Maroc, Tunisie Algérie lại đòi độc lập. Pháp dù muốn dù không cũng đã phải trả lại tự do cho các nước này. Nhưng De Gaulle đã khéo léo khai thác sự giải phóng thuộc địa trên đây và coi là

công lao của mình. Thật ra cũng có nhờ ông mà Hắc Phi được trả độc lập một cách hòa hoãn. De Gaulle muốn lợi dụng uy tín của mình tại Đệ-tam thế giới để khoe rằng Pháp đã theo đúng tinh thần cuộc cách mạng 1789, trả lại tự do cho các dân tộc bị trị. Nước Pháp là nước đầu tiên trên thế giới đã tuyên bố bãi bỏ nô-lệ để giải phóng con người trước, và giải phóng các dân tộc sau. Ngoài ra chịu ảnh hưởng những kiến thức của ông về lịch sử, ông quan niệm cơ cấu của thế giới hiện nay như cơ-cấu xã-hội nước Pháp trước 1789. Trước 1789 nước Pháp có 3 tầng lớp xã-hội: một giai-cấp quý phái cầm quyền chính trị, một giai cấp trưởng giả hoạt động giữ quyền kinh tế và một giai cấp vô sản nghèo khổ. Nếu giai cấp trưởng giả liên hiệp với giai cấp quý phái, thì giai cấp vô sản sẽ nổi dậy. Nếu trưởng giả liên hiệp với vô sản thì tự do sẽ được thực hiện, nhưng trong nước sẽ không có phát triển kinh tế. Giai cấp trưởng giả Pháp đã dùng giải pháp thứ ba là vừa chống quý phái để cướp quyền chính trị, vừa chống vô sản về mặt chính trị nhưng đồng thời giúp vô sản về mặt kinh tế. Làm như vậy, giai cấp trưởng-giả đã thành công trong việc phát-triển nước Pháp.

Đối với De Gaulle, thế-giới ngày nay cũng vậy, giai cấp quý phái là Mỹ, giai cấp vô sản là các quốc gia chậm tiến, cựu thuộc địa, giai cấp trưởng giả trung lưu là Âu-châu. Âu-châu như vậy có bốn phận phải giúp đỡ các nước chậm tiến và đồng thời chống lại Mỹ bằng cách tổ-chức thống nhất từ Đại-tây-dương tới núi Oural. Giới hạn Âu-châu từ Đại-tây-dương tới núi Oural còn là ảnh hưởng của sự chinh-phục biên giới thiên nhiên cổ-truyền của Pháp nữa,

Về giao thiệp Đông-Tây, De Gaulle muốn lập lại thế quân bình thế-giới trước lực lượng của Hoa-kỳ một ngày một mạnh. Tướng De Gaulle e rằng Hoa-kỳ sẽ chi phối thế-giới. Vì vậy ông muốn tổ chức một khối Âu-châu mạnh và đồng thời tìm mọi cách để cản trở bước tiến của Mỹ. Do đó ông đã chỉ trích Mỹ tham chiến tại Việt Nam, ông đã hết sức bênh vực các quốc gia Ả-Rập và lên án Do Thái được Mỹ che chở. Đồng thời ông muốn vượt về Nga vì thừa nhận chính phủ Bắc-Kinh. Chính sách này có nhiều sai lầm, vì Nga chỉ thân với Pháp để lấy lòng các quốc gia Hắc Phi, cựu thuộc địa Pháp, chứ không muốn cho Pháp tham dự vào việc giải quyết các vấn đề quốc tế. Cuộc gặp gỡ Johnson — Kossyguine ở Glassboro tỏ ra rằng Nga chỉ muốn giải quyết trực tiếp với Mỹ. Tuy vậy De Gaulle vẫn tin tưởng rằng mình theo đúng truyền thống ngoại giao của Pháp. Vì như ta đã biết, sau đệ-nhi thế chiến lực lượng Pháp quá suy yếu, nên Pháp luôn luôn nhằm mục-tiêu tổ-chức thế giới để duy trì hòa bình.

Việc không cho Anh gia nhập Thị-trường-chung cũng là do De Gaulle theo đúng nguyên-tắc cổ-điển. Trong lịch sử, Pháp và Anh luôn luôn chống đối lẫn nhau. Khi Thị-trường-chung được thiết lập năm 1955 và trước khi được thi hành, Anh cố tìm cách phá tổ chức này. Pháp đã cố gắng thương thuyết với Anh, nhưng Anh đã tỏ ra thiếu thiện chí. Cuộc thương thuyết bị gián đoạn hôm 15-12-1958 tại lâu đài La Muette ở Paris. Nay thấy nền kinh-tế của các quốc-gia thuộc khối Thị-trường-chung trở nên phồn-thịnh Anh lại muốn gia nhập nhưng De Gaulle muốn dùng tổ-chức

này làm công-cụ để thống nhất Âu-châu. Ông thấy Anh theo Mỹ quá nhiều và hơn nữa Anh lại liên lạc mật thiết với khối Liên-Hiệp-Anh nên ông e rằng Anh không chuyên tâm chú trọng vào quyền lợi Âu-Châu. Thái độ của De Gaulle như vậy rất phù hợp với quan-niệm tổ chức thế giới của Pháp từ sau kỳ đệ-nhị thế-chiến tới giờ.

Thái độ của De Gaulle đối với Gia-Nã-Đại cũng không kém phù hợp với những bất-biến của ngoại giao Pháp, tuy De Gaulle đã đi quá xa để đến nỗi trở thành vô-ý-thức. Theo dân-tộc chủ-nghĩa do Cách Mạng 1789 để lại, chính phủ Pháp luôn luôn ủng-hộ những dân tộc thiểu-số đòi độc-lập. Pháp đã giúp nhiều trong công cuộc phục hưng nước Ba-Lan trước thuộc Nga. Pháp đã ủng hộ Ba Lan đến nỗi tuyên chiến với Đức năm 1939 khi nước này xâm lăng Ba-Lan. Pháp cũng đã nhân-danh chủ-

nghĩa này mà góp phần trong việc tái lập thống-nhất Ý và Đức. Như vậy theo De Gaulle, Pháp không có lý do gì mà lại không ủng hộ những người Gia-Nã-Đại gốc Pháp đòi tự do.

Như vậy thái độ của Pháp trước các vấn đề quốc-tế luôn luôn có sự hợp-lý riêng (logique interne). Tuy nhiên áp dụng những nguyên tắc ngoại-giao căn-bản tùy thuộc nhiều ở các nhà lãnh đạo. Cũng một nguyên tắc, một vị tổng-thống Pháp khác có thể áp dụng một cách mềm dẻo hơn De Gaulle. Tướng De Gaulle luôn luôn có một chính sách đối ngoại mạch lạc, nhưng nếu ông thất bại hay sai lầm chính là vì thái độ quá cứng rắn và thói quen khinh thường dư-luận của ông.

TỪ TRÌ

Thuốc mới :

XI-RÔ TIFOREX

(Chloramphénol và sinh-tố B + PP)

★ DÙNG LÂU KHÔNG HẠI

★ TRÁNH ĐƯỢC NHỮNG BIẾN CHỨNG CỦA TRỤ SINH

Chủ trị : — Sốt thương hàn — Nóng lạnh — Cảm
— Ho gà — Sưng phổi — Đau ruột v. v...

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON

Số 2124-BYT/QCDP)

75, Nguyễn-b-Khiêm, Saigon

GIÁ-TRỊ CỦA BẦU-CỬ

**trong trường-hợp một nước chậm tiến và
mới bắt đầu xây dựng dân chủ**

(Bài sau đây do Ô. Trần Tuấn Nhậm, giáo sư, đã nói
chuyện trong mục Diễn-đàn Tự-do trên Đài-phát-thanh
Saigon hồi 21 giờ, 40 ngày 13-8-1967).

Tất cả mọi người chúng ta đều hiểu rằng bầu cử tức là chọn người đại diện để quản lý cơ cấu quốc gia. Do đó, chấp nhận nguyên tắc bầu cử tức là chấp nhận rằng cơ cấu quốc gia phải do người dân quản lý gián tiếp qua những đại diện, và cũng là chấp nhận căn bản của lý thuyết dân chủ : « Chủ quyền quốc gia thuộc về toàn dân ». Vì thế, thật là đầy đủ và chính xác khi nói rằng bầu cử là biểu hiệu căn bản của một chế độ dân chủ. Nói cách khác, không thể có dân chủ, hay không thể gọi là dân chủ nếu cơ cấu quốc gia không được quản lý bởi những đại diện của người dân được chọn lựa qua một cuộc bầu cử tự do.

Quyền bầu cử, do đó, là quyền đại diện tức là quyền làm đại diện và quyền chọn đại diện. Trong một xã hội dân chủ, mọi người đều có quyền muốn làm đại diện và mọi người đều có quyền tự do chọn người đại diện cho mình. Nhưng vì

xã hội là một cấu tạo tạp-bác nên không phải cứ muốn làm đại diện là có thể trở thành đại diện, cũng như cứ tự do chọn là người mình chọn lựa sẽ trở thành đại-diện chung. Kẻ muốn làm đại diện, chỉ trở thành đại diện thật sự khi xứng đáng đại diện cho đa số, và người mình chọn làm đại diện sẽ là đại diện chung khi sự lựa chọn của mình phù hợp với sự chọn lựa của đa số. Cũng chính vì thế mà chế độ dân chủ còn được coi là chế độ của đa số.

Từ tiền đề ấy, đưa tới một hệ-luận quan trọng : Bầu cử chỉ đúng nghĩa và và thật sự có giá trị khi những kẻ được nhận là đại diện đúng là kẻ được đa số nhân dân chọn lựa. Bằng hệ-luận này, người ta thường đánh giá một cuộc bầu cử là trung thực hay không trung thực và một chế độ là dân chủ thật sự hay chỉ là giả tạo.

Nhận định như vậy tất nhiên là không sai lầm nhưng không hẳn là đầy đủ vì đòi hỏi một giả thiết

căn bản là, mọi người hay ít ra đa số nhân dân, có đủ điều kiện để hưởng dụng quyền tự do bầu cử. Đó chính là một vấn đề quan trọng then chốt cho những xã hội chậm tiến, thiếu mở mang và mới bắt đầu bước vào con đường xây dựng dân chủ.

Nói đến giới hạn của quyền tự do chính trị, thông thường người ta nghĩ đến chính sách của bộ máy nhà nước. Tất nhiên, nếu nhà nước không có một chính sách tự do, thì, quyền tự do chính trị, căn bản là quyền bầu cử, trở thành vô nghĩa. Nhưng một chính sách tự do của bộ máy nhà nước vẫn không đủ để tạo nên một cuộc bầu cử tự do thật-sự nếu đa số người dân không có đủ điều-kiện để hưởng-dụng năng-quyền ấy. Đây là một điều thật bi đát đối với người dân trong các xã-hội thiếu mở mang.

Trong một xã-hội chậm-tiến, thiếu mở mang, như xã-hội Việt-Nam hiện nay, 90% người dân chúng ta, không ra ứng cử, không phải vì không thích những chức vụ như Tổng thống, nghị sĩ hay dân-biểu v.v... và cũng không phải chỉ là vì bị ngăn cản, cấm đoán mà chỉ vì không có đủ điều-kiện để ứng cử. Và, nếu 90% người dân chúng ta là những nông dân nơi đồng ruộng, những công-nhân trong các xưởng máy hay lao động trên các vỉa hè, đường phố, đã không có điều kiện để trở thành đại-diện cho ai thì cũng có nghĩa là 90% người dân chúng ta không thể nào có đại-diện dù với bất cứ một cuộc bầu-cử tự do nào. Danh từ bầu-cử tự do trở thành vô nghĩa đối với đa số người dân những xứ chậm tiến thiếu mở mang.

Nếu một cuộc bầu-cử mà đa số nhân dân đã không thể có đại-diện thì tất nhiên những đại-diện được bầu trong

cuộc bầu cử đó chỉ là đại-diện của một thiểu số. Nói cách khác, tại những xứ chậm tiến, thiếu mở mang, những cuộc bầu cử chỉ chọn lựa được những đại-diện cho thiểu số, như vậy cơ-cấu quốc gia bao giờ cũng nằm trong tay thiểu số nghĩa là không bao giờ có dân-chủ thật sự. Vấn đề trở nên bi-đát hơn nữa là quyền-uy thống-trị của thiểu-số thống-trị trong trường hợp đó lại đã được hợp-thức hóa bằng một cuộc bầu cử dân chủ và tự do. Như vậy, giá-trị thật sự của những cuộc bầu cử tại những xứ chậm tiến, thiếu mở mang chỉ là hợp-thức-hóa quyền thống-trị của một thiểu số. Bầu cử, không những không còn là một phương tiện của dân chủ mà trái lại, trở thành khí-cụ để thiểu số thống trị đa số một cách có chính-nghĩa. Và, khi mà thiểu số đã có thể thống-trị đa số một cách có chính-nghĩa thì cũng có nghĩa là đa số hết lý-do, mất chính nghĩa đề đòi lại chủ-quyền. Bầu cử, do đó trở thành một khí cụ hủy diệt dân chủ.

Nhưng, nói như vậy không có nghĩa là tại những xứ chậm-tiến thiếu mở mang không bao giờ nên có bầu-cử. Vì như chúng ta đã từng nhận-định, không thể nào có dân chủ nếu không có bầu cử. Điều đó thật ra không có gì là nghịch lý cả, và, đó chỉ là một cách nói để chúng ta thấy rằng trong trường hợp những xứ chậm tiến, thiếu mở mang và bắt đầu trên bước đường xây dựng dân-chủ, bầu cử mang một ý nghĩa với một giá trị khác hẳn ý nghĩa và giá-trị thông thường của nó. Bầu cử ở đây, không còn phải là vấn-đề hành-sử quyền đại-diện nữa vì đa số đã không thể có đại-diện. Do đó, tự nó, không phải là thực thi quyền dân-chủ chính-trị vì thật

sự quyền quản-lý cơ cấu quốc gia vẫn thuộc một thiểu số có đủ điều kiện trí thức, uy lực, tiền bạc v.v... để tranh cử. Nhưng tự nó không phải là thực thi quyền dân chủ chính trị chưa có nghĩa là không dẫn đến việc thực thi quyền dân chủ chính trị. Tạo cơ hội để dẫn đến việc thực thi quyền dân chủ chính trị mới là ý-nghĩa và giá-trị thật sự của bầu cử trong trường hợp một nước chậm tiến, thiếu mở mang và bắt đầu trên bước đường xây dựng dân chủ.

Naur đã nhận định, tại một nước chậm tiến, thiếu mở mang, đa số nhân dân không thể có đại-diện dù muốn dù không. Do đó, đa số nhân dân bị tước mất một nửa quyền bầu cử là quyền làm ứng cử viên và chỉ còn lại một nửa là quyền làm cử tri. Chính cái quyền làm cử tri lại cũng bị giới hạn mất một nửa là không chọn được đại diện cho mình (vì đẳng cấp của mình không có ứng cử viên) mà chỉ được chọn hộ đại diện cho những kẻ có trí thức, uy lực và tiền bạc... nghĩa là có điều-kiện ứng-cử. Chính cái 1/4 quyền bầu cử mỏng manh còn lại ấy là cơ-hội để đa số có thể đặt những viên đá đầu tiên cho một chế độ dân chủ. Bằng cái phần quyền mỏng manh ấy đa số không thể dành lại cho mình chủ quyền, nhưng cũng có thể hy vọng chọn được những người (tất nhiên thuộc thành phần thiểu số) trong tương lai sẽ trả lại chủ quyền cho mình bằng cách tạo điều kiện để mình có thể hưởng dụng trọn vẹn quyền bầu cử. Nhưng, niềm hy vọng ấy lại càng mong manh, vì còn tùy thuộc nhiều điều kiện bất tiện: Trong thành phần thiểu số có thể có người thật sự dám quên quyền lợi cá nhân, rời bỏ đẳng-cấp mình để đi với đa số? Tất nhiên có thể có, nhưng

không phải nhất định luôn luôn có. Trong trường hợp có những người như vậy, lại còn tùy thuộc điều kiện họ có được tự do tranh cử hay không? Vấn-nạn này không phải giản dị nếu chúng ta vẫn nhớ rằng một quốc gia mới bắt đầu trên bước đường xây dựng dân chủ có nghĩa là chưa có dân chủ và trong hoàn cảnh chậm tiến có nghĩa là quyền thống trị vẫn thuộc thiểu số, do đó nhà nước là một nhà nước bất chính và không có gì đáng tin cậy. Sau cùng, có được hai yếu-ố vừa kể, còn tùy thuộc một điều kiện tối quan trọng nữa là khả-năng của cử-tri để nhận diện được những người nên chọn lựa. Điều này cũng không phải dễ dàng nếu chúng ta nhớ rằng thành phần của đa số là thành phần nghèo khổ ít khả năng suy luận phán đoán, trong khi đó, các ứng cử viên không những là người xa lạ mà lại còn thuộc thành phần khác biệt hẳn trong xã hội, và ông nào cũng «nói hay nói giỏi» cả. Đến đây chúng ta đành chấp nhận một nghịch-lý chua chát và khêi hài là phải tin tưởng vào chính các ứng cử viên. Nghĩa là vấn đề chọn lựa được người xứng đáng hay không, không còn tùy thuộc sự chọn lựa sáng suốt hay không của cử tri nữa mà chính là tùy thuộc khả năng và kỹ thuật tranh cử của ứng cử viên. Nói cách khác, vấn đề quan trọng đặt ra với đa số người dân những xứ chậm tiến, trong một cuộc bầu cử, không phải là sự phát biểu ý-kiến của người dân mà chính là sự phát biểu ý-kiến của ứng cử viên.

Vì ứng cử viên chỉ thuộc một thành phần thiểu số nghĩa là chỉ xứng đáng đại diện cho thiểu số. Nhưng để có thể trở thành đại-diện cho thiểu số lại cần đến lá phiếu của đa số. Do đó tranh cử

tại những xứ chậm tiến thiếu mở mang không phải là chứng tỏ *khả năng đại diện trung thực* cho đẳng cấp mình mà phải chứng tỏ *khả năng giải phóng* cho đa số. Nhưng đa số bị trị chỉ có thể được giải phóng thật khi không còn sự hiện diện của thiểu số thống trị. Vì, người nghèo không phải tự nó nghèo mà nó nghèo vì thiểu số giàu bóc lột, không còn thiểu số giàu thì đa số nghèo sẽ không còn bị bóc lột và khi đó mới hết nghèo. Vậy *khả năng giải phóng* cho đa số cũng là *khả năng tự hủy*: tự hủy vai trò của mình trong xã hội và tự hủy cái đẳng cấp đã tạo ra vai trò của mình trong xã hội. Chỉ có đại diện người nghèo, chính phủ người nghèo hay đại diện giới giàu, chính phủ người giàu, chứ không thể có đại diện của người nghèo, chính phủ của người nghèo. Khi người nghèo đã không thể làm đại diện không thể làm chính phủ thì hiển nhiên chỉ còn có đại diện người giàu và chính phủ người giàu. Đại diện người giàu và chính phủ người giàu không bao giờ là của người nghèo được (sức mấy mà người nghèo có cái « của quý » như thế!) nhưng nó cũng có thể có ích cho người nghèo nếu nó có *khả năng hóa thân và tự hủy để phóng thích cho người nghèo*. Hy vọng như vậy lại càng mong manh hơn nữa nếu không muốn nói là ảo tưởng.

Như vậy thật rõ ràng là bầu cử trong trường hợp xứ chậm tiến, thiếu mở mang và bắt đầu trên bước đường xây dựng dân chủ không phải là bầu cử thật sự hiểu theo nghĩa một cuộc chọn lựa đại diện để đại diện của đa số nắm quyền quản lý cơ cấu quốc gia. Giá trị của bầu cử, do đó, cũng không phải là giá trị thiết định cơ sở của một chế độ

dân chủ hiểu là chế độ mà chủ quyền quốc gia thuộc quyền hành sử của đa số nhân dân. Bầu cử trong trường hợp này chỉ đóng một vai trò rất khiêm nhượng là tạo cơ hội đề tiến tới một định chế dân chủ, sửa soạn đề tiến tới những cuộc bầu cử thật sự trong tương lai. Nó là một nấc thang, một khu đệm để đưa tới dân chủ. Vì nó chỉ là một nấc thang, một khu đệm, nên nếu nó đã cho phép người ta hy vọng có thể đạt tới dân chủ thì đồng thời nó cũng cho phép người ta e ngại sẽ rớt xuống vực thẳm nếu nấc thang bị mục, hoặc sẽ đoạn tuyệt với dân chủ nếu khu đệm biến thành bức tường thành ngăn cách dân chủ. Đó là chính trường hợp bầu cử trở thành phương tiện tạo chính nghĩa cho thiểu số thống trị, để hợp thức hóa quyền thống trị đa số của thiểu số. Lúc ấy, không những đa số người dân không thay đổi được gì mà còn mất hết hy vọng giải thoát, vì đã mất chính nghĩa để phản kháng. Chưa có bầu cử, sự phản kháng của người dân bị trị đối với nhà nước thống trị có ý nghĩa như là chống độc tài, chống chuyên chế, chống thối nát, chống áp bức bóc lột v.v.. Nhưng, sau khi có bầu cử thì sẽ là chống nhà nước dân cử, tức là đi ngược lại « ý dân », tức là « phản loạn ! »

Năm triệu rưỡi cử tri miền Nam Việt Nam chúng ta hiện đang đứng bên bờ cái vực thẳm ấy. Tương lai sẽ ra sao, hiện nay khó mà biết rõ. Cho nên, không phải là khôi hài hóa hay bi đát hóa vấn đề khi chúng ta nghĩ rằng nên cùng nhau « xin ơn trên phù hộ cho chúng ta ! »

đâu là chân sắc ?

Thơ **VŨ HOÀNG CHƯƠNG**

Muôn thuở không-gian đã tự dành

Lấy một màu XANH,

Mặc dầu cũng chia đi

Cả trăm ngàn sắc điệu :

Từ xanh-phối bích-ti

Đến xanh-rờn lục-liễu

Và xanh-lam mặt biển sườn non.

Màu da Nhân-loại chỉ còn :

ĐỎ, TRẮNG, VÀNG, ĐEN,

Bốn cửa lên trời của tháp Babel ?

Hay bốn con đường thẳng tắp

Chưa đủ sức tìm ra điềm-gấp

Qua mớ bông-bong ngôn-ngữ trần-gian ?

Thịt xương Thế-kỷ Điều-Tàn

Vẫn gói-ghé bằng muôn thắc-mắc.

Có thật ĐỎ cùng XANH là hai Đối-Sắc ?

Nên Giống-người-da-đỏ với Trời-xanh

Một thuở gác chân nhau tương-đắc,

Cùng say-sưa nếm chung làn khói đặc,

Giơ cao chiếc diều « Hòa-bình »

Giữa khu rừng gái-trinh...

Nhưng hòng-núi đêm nào xưa lưu-huyết,

Màu hồng-ngọc còn than-van bất-tuyệt :

Colorado ! ... Colorado !...

Tiếng bi-thương vọng khắp mảnh dư-đồ.

Hay màu TRẮNG mới là Tồn-Sắc ?
Nư Bạch-hải Bạch-Sơn tuyết in mây vắng-vặc ;
Màu chứa bên trong đủ mọi màu,
Cả Ngoại-hồng Cực-tím cũng gồm thâu !
Ánh-sáng-trắng hiện nguyên-hình mỹ-nữ :
Cụng ngà, diện ngọc, rèm châu.
Tam-lăng-kính đã làm nên huyền-sử :
Đại-tây-dương hai ngả một sân châu.
Ruồi sát-khí quanh lân da ưu-đãi,
Người-giống-trắng mở đường lên, cấm trại,
Nắm trong tay chìa-khóa biên-dâu ;
Mà chẳng riêng chi ở mặt Địa-cầu !

Nhưng nếu hỏi : Sắc nào là Chính-Sắc ?
Ở trung-tâm, nơi phân-phối hào-quang ?
Thì... mấy ngả Văn-minh-trầm-mặc,
Theo khói-nguyệt với hương-trà gợi nhắc
Sẽ rung lên chỉ một tiếng : VÀNG !

Giữa khoảnh-khắc
Đá Trường-Sơn bày thể trận,
Đảo Trường-Kỳ tro bụi di hoang.
Hán-Sở hay Tần-Tấn ?
Trường-Thành đo ý Trường-Giang...
Ôi sắc Hỏa-Hoàng,
Màu da Lửa-Sống hiên-ngang
Của Siêu-thoát, của Suy-tư, Nhập-định,
Giao-thoa những nét gương, đàn,
Những nét-chữ bên đèn say, tỉnh !

Nếu lại hỏi : Sắc nào trên Tuyệt-đỉnh ?
Hẳn sẽ dồn vang nhịp trống ngũ-lôi
Như vó-ngựa đập liên-hồi
Thúc sa-mạc Sầu-Miên cõi giấc mê truyền-kiếp ;

Mắt Ngẫu-Tượng cháy bùng lên thông-diệp,
Bao nhiêu kẻ vong-thân từ phút nằm-nôi
Đều được ánh kim-cương mặc-khải rồi.
Đai Xích-đạo tiếc gì hoa rải-rắc,
Vì chỉ có màu ĐEN là Tuyệt-Sắc
Mà thôi !

Trang-giấy còn khoe TRẮNG, khoe VÀNG, khoe ĐỎ nữa sao,
Khi đã giòng ĐEN rót mực vào ?
Cũng là rót cả một niềm đau-rưng-rức !
Nỗi tiềm-thức hay chìm ý-thức,
Vẫn thiên-thu nhận-diện u-buồn !...

* * *

Chợt vỡ tan-tành mọi thứ khuôn ;
Từ những tế-bào nằm im phăng-phắc
Nghe thoáng gợn bước chân DI-LẶC.
Hai-mươi-lăm thế-kỷ nữa rồi đây
Trái-tim Nhân-loại sa lầy,
Men Kỳ-thị máu pha bùn đã sặc.
Bao thành-kiến với bao nguyên-tắc
Ào xuống chen nhau một chuyển đồ ;
Nhưng tiếng kêu loảng-xoảng, những dây trói dằng-co
Tranh nhãn-hiệu : là Vua hay là Giặc...

* * *

Chừ, mới biết đâu là phương Bắc,
Khi địa-bàn gãy vụn dưới cơn-giông.
Chừ, mới biết đâu là CHÂN-SẮC,
Khi « năm độc » dành cho HOÀNG với HẮC
Cũng sắp mang đi cả BẠCH theo HỒNG.
Trời XANH vội tới Cửa KHÔNG
Trút màu da... Cõi đại-đồng mở toang.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

1967

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN



TUỔI SÀI-GÒN

KIM ANH xuất bản, 300 trang, giá 300đ

Tác giả :

NGUYỄN-THỊ-HOÀNG, sinh ngày 11-12-1939 tại Huế.

Trước học trường Đồng-Khánh (Huế) rồi trường Võ-Tánh (Nha-trang) sau lên Đại học Văn Khoa Sài-gòn (niên khóa 60-61) rồi bỏ đi dạy học, viết văn.

Bắt đầu viết ở tạp chí *Bách-Khoa* với bút hiệu *Hoàng-Đông-Phương* (1960), sau ở *Tin sách* (1964) với bút-hiệu *Y-Phương* và ở *Văn* (1965) Truyện dài đầu tay : *Vòng tay học trò* đăng trên *Bách-Khoa* năm 1964 (lập gia đình cùng năm đó). Tác phẩm đã xuất bản : truyện dài *Vòng tay học trò*, *Tuổi Sài-gòn* sắp phát hành : *Về trong sương mù*, *Ngày qua bóng tối*, *Vào nơi gió cát*.

Tác phẩm :

Sau *Vòng tay học trò*, tác phẩm thứ hai ra mắt bạn đọc, đáng lí là *Về trong sương mù* mới viết đây, do nhà «Thái-Phương» xuất bản, như đã rao trong tạp chí này. Tiếc thay, vì một rủi ro bất ngờ, quyền tiểu thuyết nói trên gặp nhiều lận đận, đành đứng vào hàng thứ tư trong số tác phẩm được in của người nữ sĩ mà cuốn truyện đầu tay đã gây khá nhiều sóng gió trong làng, bán chạy nhất trong cuối năm rồi và đầu năm nay và sắp in lại lần thứ ba.

Trong *Tuổi Sài-gòn*, ta bắt gặp một số người trẻ, trai có gái có — có chen đôi

người đứng tuổi — hoặc có thừa thì giờ hay dư tiền bạc, đại diện cho một bộ mặt trẻ nào đó của cái Sài-gòn xa hoa, cuồng quay và áp phe chính trị này. Bối cảnh là thủ đô nước Việt miền Nam với đường Tự-do sang trọng, với những Givral, Brodard cùng những chốn có trà, có nhạc, lộ liễu như Hòa-bình hay kín đáo như Đức-Quỳnh, trong đó nhạc, ánh đèn màu, tiếng ca, điệu vũ chan hòa, thảnh thơi có rượt bắt, đắm đuối, tán tỉnh, du dương và... tự tử. Cũng có một ít Vũng-tàu sóng gió, một ít Đà-lạt sương-mù, với khách sạn đó đây.

Họ hành động ngồ ngáo, ngang ngược, họ đối đáp trắng trợn, bất cần, họ cũng đam mê đấy, nhưng đam mê tiền bạc không mấy sạch, thú vui chẳng mấy lành, họ cũng khắc khoải đấy, nhưng khắc khoải vì sự hưởng-thụ cá nhân vị kỉ, và họ tuyệt vọng vì quá đầy đủ, hay vì quá... cô đơn.

Và cái «bọn» trai gái Sài-gòn ấy «đã sống hòa nhiên đến hư đốn như thiên nhiên, không cân nhắc, không suy nghĩ, không bao giờ giật mình về những việc làm, những lời nói của mình và cứ thả buông xuôi như thả bè trên một dòng thác lũ.» Nhưng đôi khi tác giả cũng dãi ta đôi đối thoại làm ta ngỡ ngơ như giữa hai «tuổi Sài-gòn» duy nhất đáng mẫn : Toàn — Chi này :

«— Cho tôi được trông thấy khuôn mặt thật của một người con gái. Tôi không ngờ...

«— Không ngờ gì ?

«— Ở Sài-gòn, bao giờ tôi cũng tìm thấy những nét mặt con gái qua phấn son hoặc trong những vùng tăm tối. Chị yên cho tôi được nhìn như thế một lần, thật không ngờ nét mặt không điểm trang của một người con gái trông thanh thoát, trong sáng như thế.»

Nhưng rồi cực, Chi tự hủy mình vì không tìm được cái Đẹp trong cuộc sống nhớp nhơ này. Phải chăng Chi tự tìm cái chết một cách... lãng xẹt ? Toàn nhập ngũ, để rồi mình có dịp nói với chính mình. «Nói dối ích gì. Mỗi người chỉ có thể trông cậy vào chính mình để tự cứu rỗi tâm hồn, đời sống (...) Tôi còn biết tiếc gì hơn nữa khi đã điên rồ phung phá những ngày xanh...»

Mấy dòng cuối này của «tuổi Sài-gòn» làm ta thở dài, nhẹ nhõm. Thì ra, đây không phải chỉ là những cảnh theo lối «ái ân cạnh xa lộ», «đứng đái ở vỉa hè» chụp lại vội vàng, rồi in ra bừa bãi để câu khách tò mò giật hốt bạc. Mà người viết ý thức được phần nào việc mình làm. Những hoạt cảnh từng nghe, từng thấy, ghi có vẽ vội vàng như những tài-liệu sống đó, rồi sau thêm thắt, chắp nối cho thành chương, thành sách, thành «Tuổi Sài-gòn», tuy phản ánh được một bộ mặt nào của một số người trẻ và «sồn sồn» thuộc tầng lớp giàu sang, trưởng giả của thủ-đô, nhưng chưa đạt tới tác phẩm nghệ thuật...

Những độc giả đã rung cảm với Vòng tay học trò hi vọng tác giả sẽ thành công hơn trong những tác phẩm kế tiếp.

ĐẤT VÀ NGƯỜI

Truyện dài, 184 trang do LÁ BỐI xuất bản.

Tác giả :

MINH-QUÂN tên thật là *Nguyễn-Thị-Lợi*, sinh ngày 28-10-1928 tại Vinh-xương, Khánh-hòa (Nha-trang). Bút hiệu : Lan-Vinh, Chi-Lan, Bửu Lợi... và gần đây : Minh-Tâm, Minh-Quân. Đã cộng tác với các báo : *Thần Chung, Nhân Loại, Nghệ Thuật, Bách Khoa, Tin Văn...* với thơ, truyện ngắn, bút ký...

Được giải-thưởng truyện ngắn của Trung-tâm Văn-bút Việt-nam 1965. Đã xuất bản *Đơn sơ* (thơ)



Tác phẩm. — «Đôi chân không giẫm lên những bụi cỏ lông lánh sương mai, trên những tảng đất vừa được mũi cày sáng loáng lật lên, nằm chênh vênh như mời mọc. Đất ấm áp truyền vào gan bàn chân lên tận toàn thân cậu, mùi ngai ngái ập vào tận mũi, cậu như được bọc trong chăn ấm, trong đôi bàn tay và hơi hướm quen thuộc của mẹ trong những đêm mưa».

Đoạn trên đây — một điệp khúc — khép lại «Đất và Người», tên quyền truyện dài đầu tay của Minh-Quân, mà ta có thể kéo dài là «Mối tình giữa Đất và Người»

Đất đây là đất ruộng, đất vườn, đất nuôi người.

Người đây là vai chính trong truyện, một nông dân đồn hậu, chất phác, nặng tình với đất, với Nước.

Đất trong truyện vốn ở một nơi nào của miền Nam Trung-Việt.

Người trong truyện tên là Sử. Anh yêu ruộng, yêu vườn, mà cũng yêu Thu, cô gái cùng làng xinh xinh, giỏi giã, nhưng bướng bỉnh. Thu có nhiều cảm tình với anh, nhưng con tim chưa hề rung động vì Ái tình. Nàng may được giấc ngộ Cách mạng nên lìa quê hương. Sử tưởng nàng đã đi theo một người tình nào đó nên yêu một cô gái «hòa điệu giữa tỉnh và quê» : Lan. Sử cưới Lan, rồi dần dà khám phá con người thật của nàng : ích kỉ, ỉ lại, lười biếng, ư làm đóm. Ruộng vườn nhờ trời và nhờ tài sức của anh mà phát đạt, anh được ba con, nhưng hình ảnh Thu anh không quên được. «Anh ví mối tình giữa anh và Lan là thứ lửa rơm bùng lên rồi tắt ngấm, còn mối tình một chiều của anh đối với Thu âm ỉ như đám than hồng vui kín trong tro, hễ khơi ra là đỏ rực, dù chưa bao giờ có một lần tỏ tình giữa hai người.»

Thời cuộc xước nhà dồn dập : Nhật lật Pháp, Việt Minh cướp chánh quyền, Việt-Nam dân chủ cộng hòa thành lập và kháng Pháp.

Sử muốn «lên đường» như lớp trai trẻ trong làng, bỗng nhiên Thu trở về, chừng ấy Sử và người làng mới biết Thu không theo trai, mà theo Cách mạng. Biết rõ con người anh, Thu khuyên Sử không nên đi cầm súng, mà nên ở lại tiếp tục cầm cày, vì như thế, cũng là giúp nước, và hợp với anh hơn.

Cuộc kháng chiến trở nên trường kì. Thu lại ra đi. Bao cảnh thấy, bao điều nghe làm Sử mất đi nhiều tin tưởng thuở ban đầu; anh hoài nghi và «chẳng thiết lên vườn, không ham ra ruộng» nữa...

Đình chiến! Anh vui trở lại, càng yêu mến đất đai. Nhưng bao người trở về, sao chẳng thấy Thu? Sử càng ngày càng giàu, nhưng chiến tranh lại tái diễn, dưới một hình thức khác, ngày càng tàn khốc, càng dữ dội, càng đau lòng. «Sử hết náo nức khi nhìn chiếc mầm non nhú lên mặt đất, hết phấn khởi khi nhìn trái cây vườn nhà trĩu quả từ gốc tận cành»

Hai đứa con anh làm anh khổ. Đứa trai lớn tập tành nói và làm theo thuyết hiện sinh rồi say rượu, lái chiếc xe nhà đâm vào thành cầu, lao thẳng xuống sông. Con trai chết, rồi con gái cấp nữ trang theo người tình lí tưởng nào đó. Tai họa lại càng chia rẽ hai vợ chồng hiền hậu, vợ càng hỗn xược. May là Tú, đứa con trai út, lớn nhanh và tính rất giống cha, giống cả tình yêu Đất. Nhưng rồi bộ Quốc phòng «bắt» con ông lên đường đến nợ nước. Vợ ông lợi dụng cơ hội thuyết ông vô Sài Gòn sống, để được an ninh hoàn toàn. Ông chịu thua vợ, nhất là ở Sài Gòn, còn có đứa con gái đang sống đầy đủ với chồng, người tình lí tưởng thuở xưa. Đời sống xa hoa và phù phiếm ở đô thành hợp với vợ, con gái, và rồi ông bao nhiêu, thì lại càng không hợp với ông bấy nhiêu. Chỗ ở tù túng, cái sân rộng như bàn tay, ông ngờ ngác như nai rừng xuống chợ, ông lạc loài như cây cỏ đời thờ ơ. Và ông héo hắt, khô sở như gà mắc mưa, như cái héo trái dè. Rồi một ngày kia, ông sống lại trước đồng gạo trắng tinh, rau cải xanh um, khoai sắn còn dính đất mà ông bốc say xưa. Thu của ai vẫn còn sống, chết chồng, ở vậy nuôi bốn đứa con thơ, và bán buôn ở chợ. Mười tám năm xa cách. Họ kể lẽ bằng giờ, rồi, cũng như xưa, Thu khuyên Sử hãy trở về quê mà sống, đời sống đô thị đang giết mòn ông. Về nhà, một nỗi vui khác chờ ông. Tú vừa về vì... Đình chiến! Và hai cha con nhất quyết về quê. (Và mời bạn đọc đoạn kết ở đầu bài).

Minh-Quân viết truyện ngắn, Minh-Quân xuất bản thơ, Minh-Quân viết thư từ hải ngoại. Nay Minh-Quân cho in truyện dài. Người ta có thể nói qua nói lại về phần nghệ thuật của chị, nhưng tấm lòng son của chị đối với Đất Nước, với đồng bào, hẳn chẳng ai bàn đi cãi lại.

LÒNG MẸ

Tác giả : NHẬT-LỆ-GIANG — TUỔI HOA xuất bản — 120 trang. Giá 30đ

Tác phẩm

Đó là quyền thứ hai trong Tủ sách Tuổi-Hoa sau Chú Thỏ-đế. Truyện lòng trong khung cảnh chạy loạn lúc 1945, tại Sài Gòn. Gia đình ông Nghĩa-Hưng đóng cửa hiệu xe đạp cùng ông Đức-Hợp đi lánh nạn ở Mi-tho.

Khi tình hình tạm yên, mọi người lục đục hồi cư, thì ông Nghĩa-Hưng vì dứa con trai lớn biệt tích nên buồn lòng, không trở về Sài-gòn buôn bán nữa, cho đến khi Thái trở về. Ít lâu sau cả nhà hồi cư, các con tiếp tục học hành, cha mẹ mở lại cửa hiệu. Thời gian qua, các con thành đạt: Thái, Luật sư, Thông, Hòa-sĩ, Liên có chồng, chỉ còn cậu út: Thanh, vì thi hỏng nên bỏ học đi làm. Thanh từ nhỏ vốn cương trực, bướng bỉnh nên cha rất ghét, đối xử bất công.

Hiệu xe đạp bị ế ẩm, cha cậu thiếu thốn nợ nần định nhờ các con lớn giúp đỡ, nhất là Thái, người con trai mà cha cậu yêu nhất. Nhưng cả Thái lẫn Thông đều ích kỉ, từ chối. Ông Nghĩa-Hưng quần trí gây nên tội ác, may có con trai út hi sinh, nhận tội thay cha, và cậu vào tù. Cứ chỉ hiểu hạnh của cậu út làm người cha hối hận, lâm trọng bệnh và tắt thở trước khi Thanh được trở về.

Thanh ra tù, nhận đi làm nơi xa để nuôi mẹ. Bà Nghĩa-Hưng ở với các con lớn như là tội tớ mà vẫn không được yên thân, nên bà đành đi làm công ở một hiệu phở. Biết tin này, Thanh bỏ việc trở về tìm mẹ và "hỏi tội" anh. Vợ chồng Thái không hề biết tội mà còn lập tâm hại em mình, may có cha vợ Thái can ngăn và dẫn dụ phải trái. Mấy người anh hồi tâm đến Cảnh sát nhận em về

LÒNG MẸ rộng bao la như biển cả, nên bà Nghĩa-Hưng vui vẻ quên hết mọi tội lỗi của con dâu. Anh em hòa thuận... Thanh đến nhà Thúy-Hạnh cảm ơn nàng, người đã giúp đỡ mẹ mình chu đáo trong khi mình vắng mặt.

Trong khi trẻ em thiếu sách tốt để đọc, mà Tuổi-Hoa ra đều đặn, cung cấp cho giới nhi đồng những món ăn tinh thần tươi, bổ thể này, quả là một niềm an ủi cho những ai thiết tha đến lớp thể hệ đang lên hiện phải thấy bao gương ích kỉ, chung quanh mình.

HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Cô THÙY-DƯƠNG dịch «La femme dans la famille» của bà Nam tước STAFFE. — 272 trang, giá 100đ. — KHAI-TRÍ xuất bản.

Dịch giả :

THÙY-DƯƠNG sanh trưởng tại Hà-nội. Vào nghề báo năm 1952, cộng tác với «Thần chung», rồi «Tin điện», sau đến «Văn đàn», chuyên dịch và viết tiểu luận, truyện ngắn, giải đáp tâm tình. Năm 1962, làm chủ nhiệm tuần báo thiếu nhi *Cờ lau*. Năm 1963, làm báo «Quyết tiến».

Đã xuất bản : *Cô bé anh hùng* (dịch, 1963); *Lịch sử*

nước Bỉ (dịch, 1963)

Tác phẩm :

Quyển sách thuộc loại «Học làm người» này trình bày những cách cư xử Âu-Tây sẽ làm



bạn ngạc nhiên vì thấy chúng chẳng khác với nếp sống của một gia đình nền nếp của ta bao nhiêu. Ở trường hợp này, Đông và Tây quả đã gặp nhau, hay nói cách khác : Đạo làm người, dù ở phương Đông hay phương Tây, cũng chỉ có một. Dù thời mới có khác thời cũ đôi chút, nhưng căn bản của người đàn bà vẫn không thay đổi : người đàn bà chỉ xứng đáng khi thực hiện đầy đủ những bổn phận nặng nề cao quý của người con hiếu, người vợ đảm, người mẹ hiền. Tác giả còn chu đáo đến dành cả một mục « làm bà » cho các vị đã có cháu nội cháu ngoại. Người đàn bà trong gia đình của bà Staffe thực là một người đàn bà dịu dàng, khả ái, đầy nhân nại và tận tụy, rất có thể gây hạnh phúc cho gia đình.

Một quyển sách thiết tưởng nên có trong tủ sách gia đình mọi nhà.

Văn dịch của Thùy-Dương gọn, rõ và thoát, khiến người đọc nhiều khi quên mình đang đọc một quyển sách vốn do người Âu viết.

BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

TIN BUỒN

Thi sĩ ĐINH-HÙNG đã từ trần hồi 5 giờ sáng ngày 24-8-67 tại Bệnh viện Bình-dân Saigon, hưởng dương 48 tuổi.

Đinh-Hùng là nhà thơ nổi tiếng từ thời tiền-chiến và là người sáng lập và điều khiển chương-trình Tao-Dàn trên Đài Phát-thanh Saigon trên mười năm nay.

Tòa-soạn tạp-chí Bách - Khoa trân trọng phân ưu cùng tang quyến và cầu chúc hương hồn nhà thơ sớm tiêu điều miền Cực-lạc.

CON CHỒN TINH QUÁI?

Sự thực con chồn chưa chắc đã tinh quái bằng lối kể chuyện của LINH BẢO. Cả hai cái tinh quái làm cho câu chuyện cổ tích xưa như trái đất thành ra một tác phẩm vô cùng hấp dẫn, lôi cuốn.

Sách do nhà sách xuất bản NGÀY MỚI phát hành vào ngày 15-8-1967.

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

TRÀNG - THIÊN

Ba giờ đàn ông mỗi ngày

Thérèse de Saint Phalle là một người đàn bà không chịu tin tưởng ở một nền văn nghệ của phụ nữ. Vừa không tin tưởng, vừa tiếp tục làm đàn bà, vừa tiếp tục viết văn. Cuốn *La Chandelle* mới xuất bản.

Về lễ lối làm việc thì mỗi sáng bà ta thức dậy từ năm giờ, viết một mạch cho tới tám giờ sáng. Hỏi bà làm gì? Có phải làm văn nghệ phụ nữ trong khoảng ba giờ đó chăng? Bà đáp ấy là bà viết « những tác phẩm của đàn ông, bởi vì hễ khi nào người ta làm việc thực sự thì người ta là đàn ông.»

Như vậy trước năm giờ sáng, bà chưa làm việc thực sự, nên có thể làm một người vợ trọn vẹn.

Gombrowicz: giải Formentor

Hội đồng giám-khảo Formentor năm nay họp ở Tunis, vắng mặt A. Moravia, M. Butor v.v..., không có những tay xuất sắc. Một tác giả Nhật và một tác giả Ba Lan vào chung kết. Rốt cuộc Ba Lan thắng.

Witold Gombrowicz là người Ba-lan, nhưng đã bỏ xứ di cư sang Argentine, rồi bây giờ ở Pháp. Gombrowicz đã có lần nói: « Con người không muốn làm Thượng đế, nó chỉ muốn trẻ » Không biết nó có muốn thêm một chút danh vọng và tiền bạc để xài chăng.

Le récit hunique

Nếu chữ *hunique* không có *h* thì tác giả đã có một cuốn truyện độ: đáo. Ngược lại, có lẽ một phần do chữ *h* ấy mà Jean-Pierre Faye đã nhận được những lời phê bình độc đáo của Maurice Chapelan.

M. Chapelan đặt vấn đề: Khi một độc giả không hiểu nổi một tác phẩm nói cái gì cả, thì hoặc độc giả ấy ngốc, hoặc là tác giả ngốc. Dem *Le récit hunique* ra trích mấy câu trình hải nội chư quân tử thường lãm, Chapelan nhận xét: J. P. Faye không thể ngốc, ông ta là một tác giả thông minh, và trí thông minh ấy không ngót chiếu xuống như một vầng mặt trời đen thui chiếu vào một đẽ-tài ngòm.

Lại nghiên cứu về kỹ-thuật thì J. P. Faye, có cái kỹ thuật khuấy tung lên cho nước đục để người ta nhìn vào tưởng ao sâu. Kỳ thực thì ao không chứa mấy lắm hớp nước, Ý nhà phê bình muốn bảo tác giả chẳng được bao nhiêu kiến-thức mà lại muốn loè gạt thiên hạ. Ý-kiến ấy lại phổ diễn bằng một kỹ-thuật quá minh bạch, đến đáng trách.

Trò trẻ nít

Câu chuyện tòa án Russell của Jean Paul-Sartre bị một nhân vật — Louis Martin. Chauffier — chỉ trích nặng. Nhắc lại mấy câu tuyên bố của J. P. Sartre trước kia, nhắc lại vụ Budapest, Louis Martin Chauffier cho rằng Sartre có cái

tính « ư quên, ư xác định quả quyết và liên tiếp, ư những trò khoa trương ồn ào », đó là những dấu hiệu của tính con nít. Tính con nít không phải là đặc tính của triết gia. Sartre hay thiên lệch, hay thay đổi, nhưng đừng bao giờ nghi rằng ông có tà ý (*mauvaise foi*). Một nhà triết học có tà ý : được lắm, có thể lắm, trên đời vẫn có những nhà triết học như thế. Ấy là thứ triết học gia bất lương (*malhonnête*). Và có gì ngăn cấm triết gia không được bất lương, đâu? Nhưng đó là kẻ khác kia, không phải J.P. Sartre. J.P. Sartre chỉ là một kẻ thiên lệch. Thiên lệch (*parti pris*) mới tệ hơn bất lương tệ hơn tà ý. Bởi vì thiên lệch thì lý luận phải sai, mà lý luận chính là nghề nghiệp của triết gia. Bởi vậy một triết gia có thiên kiến là chuyện khó tưởng tượng hơn một triết gia bất lương. Tuy nhiên, nói về J. P. Sartre thì phải công nhận đó là một triết gia lớn, một triết gia lớn khi nào ông ta luận về triết học. Nghĩa là khi ông ra ngoài triết học, ông ta không lớn nữa. Tuy nhiên, Sartre không hề sai lầm v.v.

Cứ thế, ông Louis Martin-Chauffier đánh bên này một búa, đánh bên kia một búa, gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi, vờn như mèo vờn chuột, triết gia không bị đập thẳng mà vẫn bị đập. Đã hẳn đó không phải là một trò con nít, nhưng là trò gì vậy ?

Văn hóa Thái lan

Nhà văn Le Clézio vừa qua Thái lan dạy tiếng Pháp ít lâu. Trở về Le Clézio được hỏi: Văn chương Thái lan ra sao ?

— Không có. Mớ sách cũ, kinh kệ, lịch sử đều viết bằng chữ Lào. Đây là một trong số hiếm hoi những nước Á Châu không có một nền văn hóa thực sự (...) Có điều đáng ngạc nhiên là xã hội phân chia làm nhiều giai cấp, mà giữa

các giai cấp không có tư tưởng gì khác nhau. Một ông bộ trưởng không nói ý kiến gì khác với một anh nông dân tầm thường, nghĩa là đại khái cả hai đều không có ý kiến gì để nói cả.

Lại hỏi : Sách ngoại quốc có được dịch không ?

— Họ cấm dữ lắm. Chỉ trích dịch chút ít. Và lại ở đây không có tác quyền. Cuốn *Người xa lạ* của Camus năm nay được dịch, nhưng chỉ in có một nghìn cuốn (...)

Le Clezio tổng kết : Tôi tính đi tìm hiểu một nền văn minh, hóa ra không có gì hết. Cái lý thú là tôi đã gặp một sự trống trơn, gặp hư vô (...) Trong một xứ không có văn hóa, lại vẫn cứ có một dân tộc lập nên một quốc gia, vẫn lấy làm hãnh diện, vẫn có một ngôn ngữ (!)

Những ý kiến trên đây nếu nằm trong bản phúc trình của sứ quán Pháp nếu là nhận định của chính phủ Pháp, thì Thái lan chỉ có oán cho nước Pháp một trận giặc nên thân mới rửa hết nhục.

Nghệ sĩ danh dự

Vladislav Mnacko là một nhà văn Tiệp khắc, có điều ông không phải là một nhà văn thường, ông đã được danh hiệu « nghệ sĩ danh dự »

Ngày 15-8 vừa rồi, ông bị chính phủ lột chức « nghệ sĩ danh dự » ấy, thu hồi hết các huy chương, trục xuất khỏi đảng Cộng sản, và truất luôn quốc tịch. Lý do là vì ông đã bênh vực Do thái trong cuộc chiến tranh Trung Đông vừa rồi, trong lúc chính phủ Tiệp khắc lại bênh vực Ai cập.

Nhà văn tuyên bố rằng ông không thể chấp nhận việc nước ông « theo đuổi một chính sách dẫn đến việc diệt trừ một dân tộc nhỏ ».

Một câu chuyện

Claude Simon quả quyết khi bắt đầu cuốn *Une histoire* rằng ông không biết sẽ viết gì hết. Ông chỉ quyết định là iết, thế thôi. Rồi thì chữ này sẽ lồi chữ kia, chữ

kia gọi ra chữ nọ. Đó là vấn đề của ngôn ngữ, tác giả không có chủ tâm trước.

Viết như thế, có thể nói hẳn ra là : «Cũng liệu nhắm mắt đưa chân, thử xem chữ nghĩa đưa lần tới đâu.»

Các nhà phê bình cho rằng Claude Simon được đưa tới một kết quả khá đẹp.

TRÀNG-THIÊN

VIII 1967

Đã phát hành :

CON ĐƯỜNG THUỐC LÁ

truyện của Erskine CALDWELL

VŨ-ĐÌNH-LUU dịch
CA DAO xuất bản

nhà xuất bản A N TIÊM

phát hành trong tháng 8-67 :

* ĐƯA CON ĐI HOANG TRỞ VỀ

của André Gide

Tác phẩm ngắn nhất của Gide nhưng chung đúc những ý nghĩ của ông về tôn giáo, gia đình, cứu cánh và hy vọng của con người.

* HỒ THẨM TƯ TƯỞNG

của Phạm Công Thiện

Sách in lần thứ hai. Những tiểu luận nhằm đặt lại giá trị tư tưởng nghệ thuật Đông Tây

* IM LẶNG HỒ THẨM

của Phạm Công Thiện

Tìm hiểu căn nguyên của tư tưởng. Thuận đề và phản đề về một số khuôn mặt lớn của nhân loại : Rimbaud, Heidegger, Nietzsche Dostoievski...v...v

(* VƯỜN ĐÁ TÀNG

của Nikos Kazantzaki

tác phẩm thơ mộng u trầm của văn sĩ lớn nhất Hy Lạp thế kỷ 20 do nhà SÓNG MỚI tổng phát hành

HỘP THƠ

Bách-Khoa đã nhận được những bài sau đây :

Em ạ (Công-Trúc-Nguyên) — Đối cực ; Kịch chiến ; Dấu nát chim bay ; Những bước chân qua nẻo buồn lục bát. (Trần-Vũ Cung-Thy) — Một sự-kiện mới cho báo chí (Hoàng Lê Sử) — Chưa xót ; Cùng dậy với anh (Não Nhân) — Ngày mai ; Tiếng vọng ; Con sông ; nào đó em (Quang Linh) — Ngày Âu Cơ ; Di chúc viết cho cha ; Chiều xanh (Nguy Ngũ) — Tiếng khóc thê lương (Hàn Thế Phong) — Đợi ; Vùng kẽm gai (Hoàng-Lạc-Chương) — Nàng bây giờ không còn đề tóc ; Niềm đau quê hương (Trường năng Tiến) — Đêm đêm người về ; Sân khấu (Hồ-Minh-Dũng) — Sương sa nụ đào (Mai Chương Đức) — Đợi chiều qua mây ; Vọng âm (Nguyễn-Bạch-Dương) — Chàng trai gan dạ trên chiếc du bay ; Trên đường về (Đỳnh Hoàng Sa) — Trưa và chiều nay ; Thư cho Kim (Trần dĩa Lữ) — Phút giây khát vọng ; Tình phiêu lưu ; Kỳ tình ; Buổi sáng (Trang Tùng Linh) — Hạnh phúc luận (Nguyễn Vy-Khanh) — Nửa con mắt để nhìn trời mùa xuân ; Giọng phien mùa Đông ; Nghe trong mòn mỏi ; Cho yên thân này ; Nước mắt của hễ ; Hiện tại ; Ước vọng ; (Phạm Và) — Cho tôi xin (Kim-Khánh Võ-Thị) — Nắng hạ ; Xin không là huyền thoại (Thiệt-Ngọc) — Bài vỡ lòng cho đứa em trai mới chào đời ; Ba bài mưa Việt-Nam (Tư Hoài-Tấn) — Tiếng gọi ; Mưa nguồn ; Trong đêm tăm tối (Nguyễn Bạch Dương) — Vào hạ ; Hoang vắng (Phùng Hữu) — Dòng sông kỷ-niệm (Cung-Nhuệ-Giang) Vết lằn trầm ; Khởi hành (Nguyễn Xuân Hùng) — Đợi thăm ; Mắt buồn (Hoàng Đình Huy - Quan) — Em

ạ ; lục bát (Công-Trúc-Nguyên) — Nắng xa tiếng gọi ; (Nguyễn-Thảo-Nguyên). Xuống thấp Bàn giao, Cúi mặt ; Chuyện mẹ, chuyện con, chuyện người ; Vùng trú ngụ sau cùng ; Dẫm thức đường mòn ; Trò chơi tuổi trẻ ; Cơn sốt ; Chiến tượng (Trần-Vũ Cung-Thy), Tuổi trẻ tôi và quê hương tôi ; Những ngày phép (Yên Nguyên Thanh).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa cặng (trừ THƠ và trường hợp đặc biệt có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— Ô Nguyễn đức Tân (Dalat) Trong thư ông có ghi số báo ông cần mua là số Xuân Đinh Mùi là số 141-42, và số 153. Số Xuân Đinh-Mùi là số 241-42, giá 50đ và nếu ông cần có 253 (ngày 15-7-67), giá 25đ thì xin ông gửi cho 78đ (cả cước phí máy bay) hoặc bằng tem thư hoặc vô Truong mục số 27-46 tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại Saigon, đồng thời cho chúng tôi xin địa chỉ, chúng tôi sẽ gửi báo đến ông.

— Ô Trương Thúc Cồn (NhaTrang). Những ý-kiến trong bài ông gửi cho, ít nhiều chúng tôi cũng đã có những bài đề cập tới rồi. Vây mong sẽ nhận được những bài khác nữa. Đa tạ.

— Ô. Hoàng Lê Sử (Saigon). Đề tài thì quan trọng mà nội dung lại quá sơ sài. Mong ông gửi cho những bài khác súc tích hơn.

— Ô. Trần Hoài Thư. Đã nhận được : Về trời, Buồn vào Thu, vào Thu, Cho ngày hòa bình tương lai. Sẽ đăng dần và rất cảm ơn anh. Xin gửi lời thăm nhà thơ Y-Yên.